



SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THƯ VIỆN TỈNH TIỀN GIANG

---00---



---00---

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Phần I – Lịch sử chủ quyền Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

-Trường Sa không chỉ là biển, đảo/Nguyễn Tuân Tr.5 – Tr.7

-Quần đảo Hoàng Sa Tr.7- Tr.8

-Lịch sử xác lập và thực thi chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa

 Phần 1.....Tr.8 – Tr.13

-Lịch sử xác lập và thực thi chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa

 Phần 2.....Tr.13 – Tr.22

-Dân binh đội Hoàng Sa và Bắc Hải – Những thế hệ lính đảo đầu tiên/Nguyễn Ngọc TườngTr.22 – Tr.24

-Hoàng Sa, Trường Sa chưa từng thuộc về Trung Quốc/Nguyễn Hòa

.....Tr.28 – Tr.30

-Nhìn lại những điểm mốc chiếm hữu thực sự của Việt Nam tại Hoàng Sa, Trường Sa/Hồng Chuyên Tr.30 – Tr.36

-Chủ quyền biển đảo của Việt Nam từ các bản đồ trong lịch sử

.....Tr.36 - Tr.39

-Thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa của các triều đại Việt Nam

..... Tr.39 – Tr.42

-Chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam thời Pháp thuộc

.....Tr.42 – Tr.47

- Chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam giai đoạn 1975 - 1991

.....Tr.48 – Tr.52

Phần II - Những bản hùng ca bất tử bảo vệ chủ quyền biển đảo

-Vi sao Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa/ Nguyễn Hùng Cường

.....Tr.53 – Tr.55

-Hải chiến Hoàng Sa: 9 ngày đêm bi tráng

.....Tr.55 – Tr.58

-Vì sao Trung Quốc đánh chiếm các đảo của Việt Nam vào tháng 3.1988?/Liên
Thạch

.....Tr.59 – Tr.61

-Gạc Ma, Len Dao, Cô Lin: Ngày 14/3/1988 bị trảngTr.61 – Tr.63

Phần III: Tư liệu quốc tế minh chứng chủ quyền Việt Nam trên biển Đông

-Phương Tây xác định chủ quyền các quần đảo là của Việt Nam

.....Tr.64 – Tr.65

-Hoàng Sa – Trường Sa: Tư liệu cổ phương TâyTr.65- Tr.72

-Hoàng Sa: Paracels thuộc về Việt Nam qua tài liệu phương Tây

..... Tr.72 - Tr.76

-Học giả quốc tế nói về chủ quyền ở biển Đông/Việt Chi

..... Tr.76 - Tr.79

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2022 là năm có nhiều dấu mốc quan trọng trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của nước ta. Đây là năm đánh dấu 40 năm Công ước LHQ về Luật Biển năm 1982 ra đời và cũng là năm kỷ niệm 10 năm Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Luật Biển năm 2012. Nhận thức rõ tầm quan trọng của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong những năm qua, công tác tuyên truyền biển, đảo đã được các cấp ủy, chính quyền, ban ngành, đoàn thể quan tâm triển khai thực hiện. Ngày 25/1/2022, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành hướng dẫn công tác tuyên truyền biển, đảo năm 2022 (Hướng dẫn số 78/HD-MTTW-BTT ngày 25-1-2022).

Thư viện tỉnh Tiền Giang trân trọng giới thiệu tập Thông tin chuyên đề **“Hoàng Sa, Trường Sa”** nhằm góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho bạn đọc về biển, đảo và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới; nâng cao hiểu biết, cập nhật kiến thức mới về vị trí, vai trò của biển, đảo với quốc phòng và an ninh, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa;

Tập Thông tin chuyên đề **“Hoàng Sa, Trường Sa”** bao gồm 3 phần:

- Phần I:** Lịch sử chủ quyền Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.
- Phần II:** Những bản hùng ca bất tử bảo vệ chủ quyền biển đảo.
- Phần III:** Tư liệu quốc tế minh chứng chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông.

Xin trân trọng giới thiệu và rất mong nhận được ý kiến đóng góp xây dựng của tất cả quý bạn đọc, quý đồng nghiệp gần xa để công tác sưu tập, biên soạn và trình bày cho những số tiếp theo ngày một hoàn chỉnh hơn.

Thư Viện Tỉnh Tiền Giang

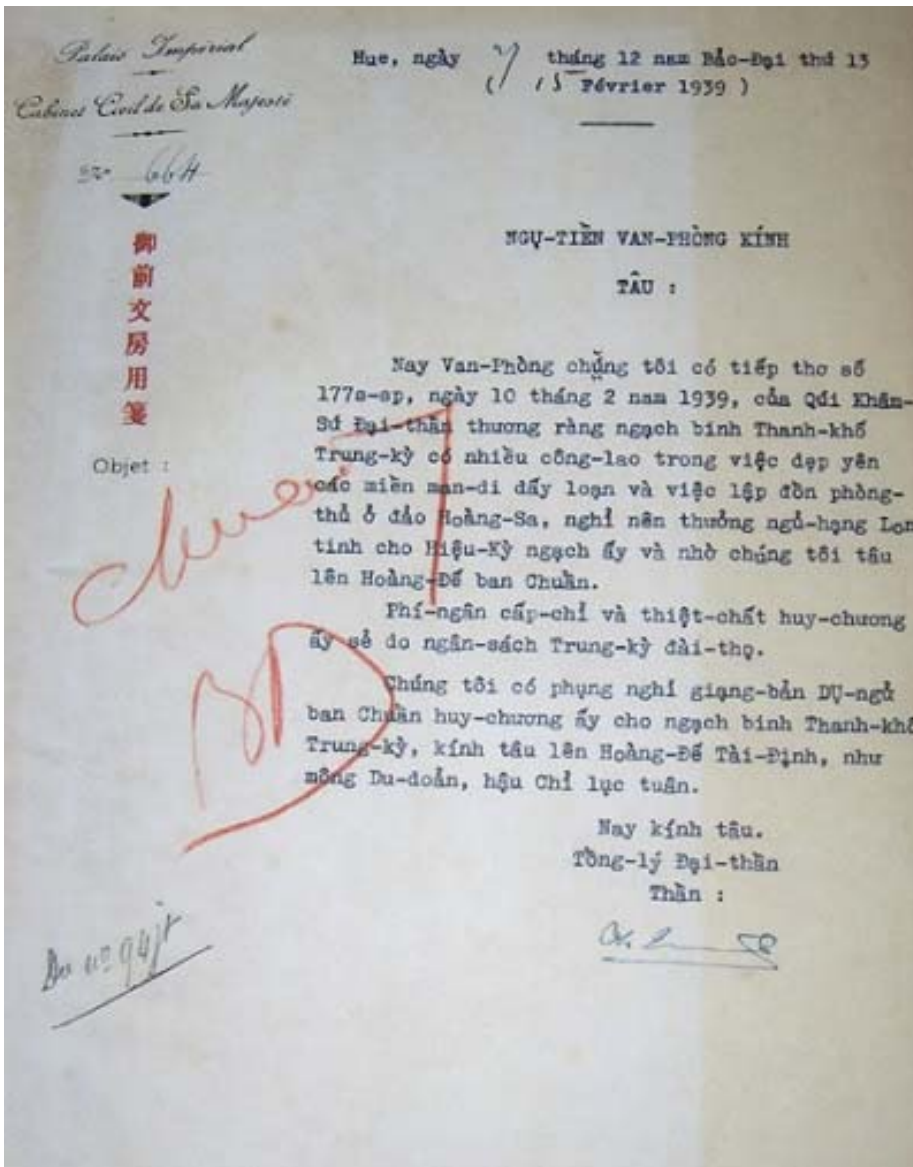
PHẦN I

LỊCH SỬ CHỦ QUYỀN VIỆT NAM TRÊN CÁC QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA



Đại Nam nhất thống chí toàn đồ do vua Minh Mạng cho vẽ vào năm 1838, có thể hiện hai địa danh Hoàng Sa và Vạn lý Trường Sa bằng chữ Hán.

Ảnh: Tư liệu Báo Tuổi Trẻ



Tờ Châu bản có bút phê của vua Bảo Đại năm thứ 13 (1939), khẳng định chủ quyền Hoàng Sa được nhà nghiên cứu Phan Thuận An phát hiện. Nguồn: UBND huyện Hoàng Sa

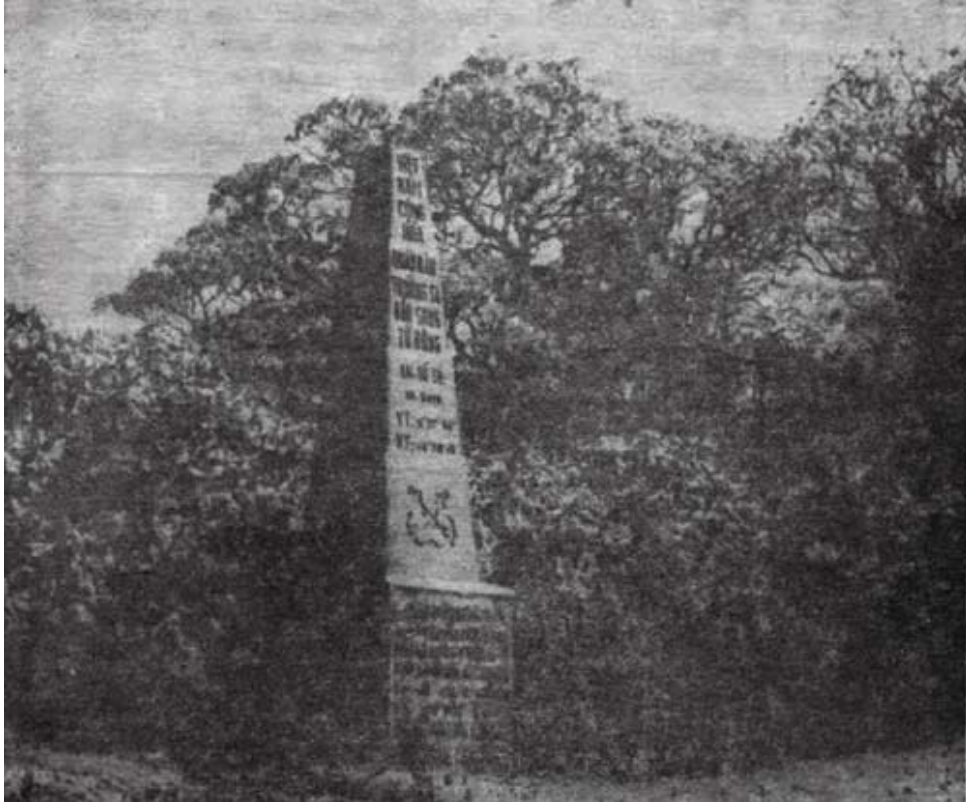


Châu bản Triều Nguyễn ghi chép về việc giao thương hàng hải và chủ quyền biển đảo Việt Nam với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

SA
DS



Cột mốc do Pháp dựng năm 1938 có ghi "Cộng hòa Pháp - Vương quốc An Nam quần đảo Hoàng Sa"



Mốc chủ quyền Việt Nam (Song Tử Đông 1963)

Ảnh: Hoàng Sa.org



Cột mốc khẳng định chủ quyền của Việt Nam đặt tại đảo Sinh Tôn, quần đảo Trường Sa. Ảnh: THẾ DŨNG

Trường Sa - không chỉ là biển, đảo

Nguyễn Tuân

*(trích từ công trình “Đề đảo xa thành gần”
(*) của nhóm Trúc Nam Sơn)*

Quần đảo Trường Sa - một phần lãnh thổ thiêng liêng đã được các thế hệ Việt Nam khai phá và gìn giữ - ngày càng có vai trò trọng yếu đối với Việt Nam trên biển Đông và trong các mối quan hệ với thế giới.

Những hòn đảo, bãi đá, cồn cát nơi đây vẫn ẩn chứa nhiều điều chưa được khám phá và công bố. Trường Sa không chỉ là đảo nhỏ, là biển cả mà còn là sự sống, danh dự và tương lai của Việt Nam.

Thống kê của Việt Nam cho biết quần đảo có tám cụm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Bình Nguyên, Sinh Tồn, Trường Sa, An Bang - Thám Hiểm với 137 đảo, đá, bãi, cồn. Phía đông nam của biển Đông có cả một vùng hình chữ nhật diện tích 52.000 hải lý vuông, được biết đến với tên “khu vực nguy hiểm” (dangerous ground). Chưa hề có một khảo sát hệ thống nào được thực hiện tại khu vực này, rất có thể ở đây có những mảng san hô và bãi cát ngầm chưa được ghi tên trên hải đồ.

Đảo Song Tử Đông (North East Cay) ở tọa độ 11°27'B, 114°21'Đ, dài khoảng 0,4 hải lý theo hướng đông bắc - tây nam và viền quanh bởi một rạn đá lúc chìm lúc nổi kéo dài 0,5 hải lý về hướng đông bắc. Đảo cao 3m, bề rộng tối đa 91m và được phủ bởi cây bụi. Trên Song Tử Đông, một cột mốc chủ quyền Việt Nam (trong hình) được xây dựng. Philippines hiện chiếm đóng đảo này.

Đảo Song Tử Tây (South West Cay) nằm về phía đông nam của một bãi cạn cao hơn mức thủy triều thấp, có cây cối phủ dày đặc. Hòn đảo (do Việt Nam kiểm soát) có một số công trình xây dựng và một hải đăng gần trung tâm. Tàu thuyền có thể ghé vào bờ phía đông nam của đảo hoặc trú bão trong âu tàu được hoàn thành năm 2008.

Đảo Thị Tứ (Thitu) lớn thứ hai trong quần đảo, tọa độ 11°03'B, 114°17'Đ (hiện Philippines chiếm đóng), ở phần tây nam của một rạn đá san hô lúc chìm lúc nổi. Đảo có chiều cao 4m với nhiều cỏ và cây bụi. Có thể lên đảo ở giữa bờ tây khi gặp gió mùa đông bắc, hoặc neo đậu phía bên ngoài rạn đá khoảng 1 hải lý về phía tây nam của đảo ở độ sâu 18m. Có một cồn cát nổi nằm cách đảo khoảng 3,5 hải lý về phía tây. Tàu thuyền cũng có thể đi vào phá qua lối phía đông của cồn cát này, với chỗ cạn nhất là 9m ở giữa kênh.

Đảo Bến Lạc (West York, đảo Dừa) lớn thứ ba trong quần đảo Trường Sa, ở phía đông cụm Loại Ta (hiện Philippines chiếm đóng). Đảo ở tọa độ 11°05'B, 115°00'Đ, có cây và lùm bụi bao phủ cùng một số cây dừa cao ở đầu phía nam. Rạn đá viền của đảo này mở rộng ra xa hơn 1,25 hải lý ở phía cạnh bắc so với những chỗ khác.

Cụm đảo Nam Yết (Tizard Bank) cách cụm đảo Loại Ta 30 hải lý về phía nam, có chiều dài hơn 30 hải lý. Cụm này gồm một phá tiếp giáp với các bãi cạn có độ sâu bất thường và với các rạn đá lúc chìm lúc nổi. Trong phá có một số mảng san hô với độ sâu 6,8-12,8m.

Có nhiều lối đi xuyên qua các rạn san hô viền và phá bên trong, các lối đi này đều có rất nhiều chỗ nguy hiểm khó có thể vượt qua nếu không thông thạo địa hình. Chỉ nên sử dụng những lối đi này trong các điều kiện thuận lợi nhất về ánh sáng, thời tiết và phải di chuyển rất thận trọng. Rất có thể có các chỗ sâu ít hơn 3,7m trên các bãi san hô và hình dạng của các rạn đá cũng thay đổi đáng kể.

Đảo Ba Bình (Itu Aba, lớn nhất quần đảo Trường Sa, tọa độ 10°23'B, 114°22'Đ) cao 2m, ở góc tây bắc của cụm đảo Nam Yết, có một rạn đá thường có sóng tràn bao quanh và bên trên có xác tàu nằm mắc kẹt. Đảo được bao phủ với lùm bụi và cây cao nhất khoảng 30m. Đài Loan hiện chiếm giữ bất hợp pháp đảo Ba Bình. Đảo Nam Yết (Namyit Island, 10°11'B, 114°22'Đ) nằm trên cạnh nam của cụm đảo Nam Yết, cách đảo Ba Bình khoảng 12 hải lý về hướng nam, cao 18m, có cây nhỏ và lùm bụi bao phủ. Đảo nằm trên một rạn đá, rạn đá này kéo dài hơn 1 hải lý về phía tây và 0,5 hải lý về phía đông.

Cụm đảo Sinh Tồn (Union Atoll, 9°45'B, 114°25'Đ) cách đá Suối Ngọc 70 hải lý theo hướng tây - tây bắc, kéo dài theo hướng đông bắc - tây nam và bao quanh phá. Phá này dài khoảng 28 hải lý và rộng 7,5 hải lý, có rất nhiều lối vào xuyên qua các rạn đá và có một nơi neo đậu bên trong. Rìa của đảo san hô vòng có rất nhiều rạn đá lúc nổi lúc chìm và nhiều cồn cát nhỏ.

Đảo Sinh Tồn Đông (Grierson Reef) là một đảo cát nhỏ được Việt Nam kiểm soát, cách Đá Ba Đầu - cực đông của cụm Sinh Tồn - 5 hải lý về

hướng tây nam. Đảo được hình thành bởi những bãi biển cát với hai mỏm đá đen nằm trên mặt nước về phía nam. Ở phía tây có phá với độ sâu 5,5-14,6m xen lẫn với đầu san hô và chỉ có tàu thuyền nhỏ mới ra vào được.

Đá Hoa Lau (Swallow Reef) nằm 60 hải lý về phía đông nam của đảo An Bang và tạo thành một vành đai san hô vây quanh một phá cạn, dài 3,8 hải lý từ đông sang tây và rộng 1,2 hải lý. Ở khu vực đông và đông nam có vài mỏm đá cao 1,5-3m, mỏm cao nhất ở vị trí 7°23'B, 113°49'Đ. Ở cực tây của đá có một xác tàu mắc cạn từ năm 1959. Vào ban ngày Đá Hoa Lau có thể được nhìn thấy từ khoảng cách 8 hải lý. Malaysia đã chiếm đóng Đá Hoa Lau.

Đảo Trường Sa (Spratly Island/Storm Island, 8°38'B, 111°55'Đ) có cỏ bao phủ, cao 2,4m, phẳng và dài dưới 0,5 hải lý, nằm khoảng 22 hải lý về hướng tây nam của Đá Tây, ở đầu nam của một bãi san hô ngầm kéo dài hơn 1 hải lý.

Đảo có viền cát trắng và san hô vỡ, được các gờ đá ngầm lúc chìm lúc nổi và các mỏm san hô vây quanh. Một ụ đá cao khoảng 5,5m nằm gần điểm nam đảo. Bờ đông của đảo có sườn dốc đứng, độ sâu hơn 18m khi cách bờ hơn 0,1 hải lý. Độ sâu dưới 14,6m kéo dài ra cách đảo 0,5 hải lý về hướng đông bắc, và độ sâu dưới 5,5m kéo dài ra cách đảo 0,5 hải lý về hướng bắc. Ở hướng tây và tây nam, độ sâu dưới 5,5m được ghi nhận ra đến phạm vi 0,2 hải lý cách đảo, ra xa hơn độ sâu sẽ tăng đột ngột.

Đá Gạc Ma (Johnson Reef, 9°42'B, 114°17'Đ) bị Trung Quốc chiếm

đóng bất hợp pháp nằm ở đầu tây nam của cụm Sinh Tồn, là đá núi lửa màu nâu với san hô trắng viền rìa bên trong. Đá Gạc Ma bao bọc không hoàn toàn một phá cạn có lối vào từ hướng đông bắc. Mỏm đá lớn nhất trên rạn đá cao 1,2m. Một số mỏm đá khác lộ trên mặt nước trên phần đông nam của rạn đá, phần còn lại của rạn đá được ghi nhận nằm dưới mặt nước.

Nước cũng được ghi nhận (1992) là đổi màu ở phía tây nam đá Gạc Ma ở vị trí 9°32,5'B, 114°02'D.

Đá Cô Lin (Collins Reef) là một rạn đá nhỏ với một cồn cát san hô ở phần đông nam, nằm cách đá Gạc Ma 1,5 hải lý về phía tây bắc. Nó tách biệt với đá Gạc Ma bởi một kênh có đáy san hô tương đối sâu.

Đá Len Đao (Lansdowne Reef) là một bãi cạn với một đụn cát trắng, nằm cách rạn đá Gạc Ma 6 hải lý về hướng đông bắc.

Gạc Ma đã mất vào tay Trung Quốc sau trận tấn công đẫm máu ngày 14-3-1988, nhiều chiến sĩ Việt Nam đã hi sinh anh dũng nơi đây. Cũng trong trận hải chiến đó, quân xâm lược Trung Quốc còn tấn công các tàu vận tải và công binh Việt Nam tại đá Cô Lin và Len Đao nhưng ta giữ được hai nơi này.

Những hòn đảo, bãi đá, cồn cát... vẫn ẩn chứa rất nhiều điều chưa được khám phá và công bố. Trường Sa không chỉ là đảo nhỏ, là biển cả mà còn là sự sống, danh dự và tương lai của Việt Nam. Để đấu tranh cho chủ quyền Trường Sa, mỗi chúng ta cần phải hiểu rõ về địa lý, lịch sử và mọi mặt của quần đảo thân thương này. Mỗi người Việt Nam phải được biết

rõ về Ba Bình, về Sinh Tồn Đông, về Bến Lạc như người Hà Nội biết bờ hồ, người Huế biết về cửa Ngọ Môn, người Sài Gòn biết về chợ Bến Thành.

Nguồn trích: <http://tuoitre.vn/>

Quần đảo Hoàng Sa

Quần đảo **Hoàng Sa** có nghĩa là "cát vàng" (tiếng Anh: *Paracel Islands*) là một nhóm khoảng 30 đảo, bãi san hô và mỏm đá ngầm nhỏ ở Biển Đông. Quần đảo nằm cách miền trung Việt Nam khoảng một phần ba khoảng cách đến những đảo phía bắc của Philippines; cách Cù lao Ré (đảo Lý Sơn) của Việt Nam khoảng 200 km và cách đảo Hải Nam của Trung Quốc khoảng 230 km.

Ngày xưa quần đảo này đã mang tên là **Bãi Cát Vàng** hay **Cồn Vàng**. Vì có vô số hòn đảo, hòn đá, cồn đụn, bãi cạn lúc nổi lúc chìm theo với mực nước thủy triều lên xuống nên số lượng đảo tùy theo cách đếm mà kể là nhiều hay ít. Giáo sư Sơn Hồng Đức cho số lượng là 120 đảo; sách cổ Việt Nam trong những thế kỷ trước đây cho biết có 130 đảo.

- Tọa độ địa lý: từ 15°45' đến 17°15' Bắc, từ 111°00' đến 113°00' Đông
- Chu vi bờ biển: khoảng 518 km
- Khí hậu: nhiệt đới
- Độ cao: chỗ thấp nhất 0 m (biển Đông), chỗ cao nhất 14 m (địa điểm chưa có tên ở đảo Rocky)
- Tài nguyên: thiếu
- Nguy hiểm tự nhiên: bão

+ Tên các đảo (huyện đảo Hoàng Sa): chia thành hai nhóm An Vĩnh và Trăng Khuyết.

Khoảng cách đến đất liền

Về khoảng cách đất liền, quần đảo Hoàng-Sa nằm gần Việt Nam nhất.

- Khoảng cách từ đảo Tri Tôn (15o47'N, 111o12'E) tới Lý Sơn hay Cù lao Ré (15o22'N, 109o07'E) là 2 độ 03 phút trên thước đo khoảng cách vĩ độ, tức chỉ có 123 hải lý.
- Nếu lại lấy toạ độ (Lý Sơn 15o23.1'N, 109o09.0'E) từ trong bản tuyên-cáo đường cơ-sở nội-hải của chính-quyền CHXHCN Việt-Nam (Declaration on Baseline of Territorial waters, 12 Nov. 1982) thì khoảng cách đến bờ Cù-lao Ré thu ngắn lại dưới 121 hải-lý.
- Từ đảo Tri-Tôn này đến Mũi Ba Làng An (Cap Batangan 15o14'N, 108o56'E) tức đất liền lục-địa Việt-Nam, khoảng cách đo được 135 hải-lý.
- Trong khi đó, khoảng cách đảo gần nhất tới bờ đảo Hải Nam xa tới 140 hải lý (đảo Hoàng Sa - 16o32N, 111o36 E và Ling-sui Pt hay Leong-soi Pt - 18o22 N, 110o03 E).
- Khoảng cách từ Hoàng Sa tới đất liền lục địa Trung Hoa còn xa hơn rất nhiều, tối thiểu là 235 hải lý.
- Nếu người Trung Hoa dùng "bãi đá ngầm" (North Reef) làm chuẩn để đo đến bờ "đảo" Hải Nam tại Ling-sui Pt, thì khoảng cách là : 112 hải lý. Song điều này không thể là

một lý lẽ tranh cãi trên trường quốc tế vì đá ngầm không có giá trị như đảo trong việc chuẩn định ranh giới.

Nguồn trích:

<http://www.biendong.net/>

Lịch sử xác lập và thực thi chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa

Phần 1

Nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình trên quần đảo Hoàng Sa, ít nhất là từ thế kỷ XVII. Việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền này là thực sự, liên tục, hòa bình, phù hợp với nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế. Chúng ta có đầy đủ các bằng chứng pháp lý và cứ liệu lịch sử có giá trị để chứng minh sự thật hiển nhiên này qua các giai đoạn lịch sử có liên quan.

I. Trước năm 1884.

1. Nhà nước Đại Việt thời chúa Nguyễn đã xác lập và thực thi chủ quyền tại Hoàng Sa.

Suốt trong ba thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, một tổ chức của Nhà nước Việt Nam, Đội Hoàng Sa, là bằng chứng hùng hồn về sự xác lập và thực thi chủ quyền của Đại Việt ở Đàng Trong đối với Hoàng Sa. Đội Hoàng Sa ra đời ở Cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Ré thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Sử sách Việt Nam và của cả Trung Quốc đều chép Đội Hoàng Sa được thành lập vào đầu thời chúa Nguyễn. *Hải ngoại kỷ sự* (Trung Quốc) viết năm 1696, chép thời Quốc

Vương trước đã có những hoạt động của đội “Hoàng Sa” và *Phủ Biên tạp lục* (Lê Quý Đôn) viết năm 1776, chép “Tiền Nguyễn Thị”. *Đại Nam thực lục tiền biên* (1821) chép “Quốc sơ trí Hoàng Sa”. *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* (năm 1686), đã đề cập đến các hoạt động của Đội Hoàng Sa. *Phủ biên tạp lục* cũng như các tài liệu khác đều cho biết Đội Hoàng Sa khi trở về đất liền vào tháng tám âm lịch vào cửa Eo hay Tư Hiền rồi nộp sản vật tại chính dinh ở Phú Xuân. Thời chúa Nguyễn Phúc Lan mới bắt đầu dời chính dinh đến Kim Long vào năm Dương Hoà thứ nhất (1635) và thời chúa Nguyễn Phúc Tần mới dời qua Phú Xuân.

Như thế, chúng ta có cơ sở để kết luận Đội Hoàng Sa ra đời sớm nhất từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635 - 1648), hay chắc chắn là từ thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687), bởi chính vào thời kỳ này, các thuyền của Đội Hoàng Sa mới đi vào cửa Eo (Thuận An) và nộp sản vật tại chính dinh Phú Xuân.

Dù ở thời chúa Nguyễn nào thì thời điểm lập ra Đội Hoàng Sa cũng chắc chắn ít ra là vào nửa đầu thế kỷ XVII, tức là vào đầu thời chúa Nguyễn. Đội Hoàng Sa đã hoạt động kể từ chúa Nguyễn Phúc Lan hay Nguyễn Phúc Tần đến hết thời kỳ chúa Nguyễn, cả bảy đời chúa, gần một thế kỷ rưỡi. Phong trào Tây Sơn nổi dậy, Chúa Nguyễn chạy vào đất Gia Định thì Đội Hoàng Sa đặt dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn mà trong tài liệu còn lưu giữ tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh, Cù Lao Ré, đã cho biết năm 1786 năm Thái Đức thứ 9, dân Cù Lao Ré đã xin chính

quyền Tây Sơn cho đội Hoàng Sa hoạt động trở lại. Đến những năm cuối cùng của Tây Sơn, hoạt động của đội Hoàng Sa cũng bị ảnh hưởng nên đến khi năm Gia Long thứ 2 (1803) mới cho Đội Hoàng Sa hoạt động trở lại như *Đại Nam thực lục chính biên, quyển XXII* đã ghi rõ: “cai cơ Võ Văn Phú làm thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa”. Năm 1815, vua Gia Long sai Đội Hoàng Sa đi đo đạc thủy trình ở Hoàng Sa.

Từ năm 1816, Gia Long bắt đầu cử Thủy quân cùng với đội Hoàng Sa, không còn giao phó hoàn toàn cho Đội Hoàng Sa lo kiểm soát, đo đạc thủy trình ở Hoàng Sa. Đội Hoàng Sa trở thành tổ chức mang tính dân sự nhiều hơn. Theo truyền thống, dân Cù Lao Ré vẫn tiếp tục đi biển, trong đó có vùng Hoàng Sa nhiều sản vật quý.

Vào thời Minh Mạng, như năm 1835, vẫn thấy Đội Hoàng Sa hỗ trợ Thủy quân đi công tác tại Hoàng Sa với đò công (lái thuyền) và dân phu. Thời Tự Đức, người ta không thấy biên niên sử còn chép các hoạt động của Đội Hoàng Sa, vì theo phạm lệ của *Đại Nam thực lục*, đệ tứ kỷ, chép vào đời Tự Đức, những việc thành lệ thường không được chép nữa mà thôi. Những hoạt động của Đội Hoàng Sa cũng như thủy quân từ năm Minh Mạng thứ 17 (1836) đã trở thành lệ thường, như đã chép trong sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Ngoài ra, có văn tế sòng lính Đội Hoàng Sa thời vua Tự Đức còn lưu lại ở đảo Cù Lao Ré.

Về lịch hoạt động ở ngoài đảo, theo những tài liệu như *Dư địa chí*,

Hoàng Việt địa dư chí, Đại Nam thực lục tiền biên, Đại Nam Nhất Thống Chí, hàng năm Đội Hoàng Sa bắt đầu đi từ tháng 3 âm lịch đến tháng 8 âm lịch thì về. Riêng theo *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* hay *Toản tập An Nam lộ* thì lúc đi cuối Đông, không nói thời gian về; theo *Phủ biên tạp lục*, thì thường đi vào tháng giêng âm lịch đến tháng 8 về (nếu lương thực mang đi có 6 tháng, từ tháng 3 đến tháng 8, tức khoảng từ tháng 4 đến tháng 9 dương lịch ở Quảng Ngãi là mùa khô, có gió Tây Nam rất thuận lợi cho việc đi biển, nhất là vùng Quảng Ngãi lại chỉ có bão trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 11 âm lịch (tháng 9 dương lịch đến tháng 12 dương lịch), nhất là hai tháng 9 và 10 âm lịch. Như thế việc chọn thời gian hoạt động của Đội Hoàng Sa là một lựa chọn rất khôn ngoan của tiền nhân.

Đội Hoàng Sa có nhiệm vụ thu lượm các sản vật từ các tàu đắm, các hải sản quý từ vùng biển quần đảo Hoàng Sa. Ngoài ra, về sau còn đảm trách đi xem xét, đo đạc thủy trình vùng quần đảo Hoàng Sa.

Riêng về nhiệm vụ đo đạc và bảo vệ vùng biển quần đảo Hoàng Sa nhằm chống lại nạn cướp biển thì đơn xin của phường An Vĩnh tách khỏi xã An Vĩnh ngày 01 tháng 02 năm Gia Long thứ 3 (1804) đã ghi rõ nhiệm vụ này. Ngoài ra, chức cai Đội Hoàng Sa kiêm chức cai cơ Thủ Ngự mà Thủ Ngự lại có nhiệm vụ đo đạc ngoài biển. Nhiều tài liệu cho biết cai Đội Hoàng Sa kiêm quản cai cơ Thủ Ngự như *Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ*, quyển XXII ghi rõ: Võ Văn Phú được sai tái lập Đội Hoàng Sa,

chính khi ấy là Thủ Ngự cửa biển Sa Kỳ.

Như thế, nhiệm vụ của Đội Hoàng Sa rất nặng nề, không thuần túy về kinh tế, khai thác tài nguyên mà còn làm công tác xem xét, đo đạc thủy trình, do thám trên quần đảo Hoàng Sa, nhất là trong thời các chúa Nguyễn và thời kỳ đầu nhà Nguyễn.

Đội Hoàng Sa là một tổ chức nhà nước, vừa mang tính dân sự vừa mang tính quân sự; vừa có chức năng kinh tế, vừa có chức năng quản lý ở Biển Đông, ra đời từ đầu thời chúa Nguyễn, theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, quyển 3, thì lúc đó, có nhiều tổ chức tương tự như đội Thủ Ngự (đội coi về canh gác, ngăn chặn trộm cướp), đội Thổ Bình...

Đứng đầu Đội Hoàng Sa là một “cai đội”, những thành viên trong Đội được gọi là “lính”. Đó là những quân nhân đi làm nhiệm vụ do Vua ban.

Thời chúa Nguyễn mỗi năm lấy 70 suất đinh để làm những nhiệm vụ của Đội Hoàng Sa theo phép tuyển như trên, song còn dựa vào khả năng đi biển mà tuyển chọn. Số lượng 70 là số lượng đặc biệt cho một đội dân binh như Đội Hoàng Sa. Cũng theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn đã gọi những người trong Đội Hoàng Sa là “dân binh”, trong đó có 2 người bị trôi dạt vào Cảng Thanh Lan (Hải Nam) khi bị bão vào năm Càn Long thứ 17 (1754), còn tám người khác bị mất tích. Như thế mỗi thuyền trong Đội Hoàng Sa có số lượng khoảng 10 người.

Tại xã An Vĩnh, nay thuộc thôn An Vĩnh, xã Tụ Kỳ, còn di tích một ngôi miếu ở cạnh cửa biển Sa Kỳ là ngôi miếu Hoàng Sa vốn thờ bộ

xương đầu của con cá voi, (trung truyền do binh Đội Hoàng Sa đưa từ Hoàng Sa về) và thờ lính Hoàng Sa, ngôi miếu này bị phá hủy trong thời kỳ chiến tranh và bộ xương cá voi thần linh ở miếu này được chuyển sang thờ tại lăng Thánh, ngay cạnh ngôi miếu xưa.

Tại Cù Lao Ré, nay là huyện đảo Lý Sơn, vẫn còn Âm Linh Tự, tức miếu Hoàng Sa, ở thôn Tây, xã Lý Vĩnh, tức phường An Vĩnh xưa và Âm Linh Tự ngoài trời ở xã Lý Hải, tức phường An Hải xưa. Đến ngày nay tại các nhà thờ tộc họ, các đình làng ở xã An Vĩnh và cả làng An Hải (cả đất liền lẫn ngoài đảo Cù Lao Ré) vẫn còn tục tế đình và làm lễ khao quân tế sòng để tiễn lính Đội Hoàng Sa lên đường làm nhiệm vụ vào ngày 20 tháng 2 âm lịch hàng năm. Trong buổi tế sòng lính Hoàng Sa đó, họ làm những hình nộm bằng khung tre và dán giấy ngũ sắc để giả hình người và đem tế tại đình. Tế xong họ đốt đi hoặc đóng thuyền bằng thân cây chuối đặt hình nộm lên và thả trôi ra biển gọi là “khao lè thể lính Hoàng Sa” còn gọi là "lễ tế sòng lính Hoàng Sa" với quan niệm các hình nộm kia sẽ gánh chịu mọi hiểm nguy, tai nạn trên biển thay cho lính Đội Hoàng Sa và cầu mong cho người thân của họ bình an trở về. Ngày nay tại các nhà thờ tộc họ có người đi lính Hoàng Sa đều có tổ chức tục lễ như thế và hiện tại gia đình các tộc họ cũng còn giữ bài văn khao lè thể lính Hoàng Sa, gồm một nửa chữ Hán, một nửa chữ Nôm.

Với những nhiệm vụ và tổ chức hoạt động kể trên, Đội Hoàng Sa thu lượm những hải vật quý lạ ở Hoàng

Sa như hải sâm, ốc hoa, ốc tai voi có chiếc lớn như chiếc chiếu, bụng có châu ngọc lớn như ngón tay trẻ em, sắc đục không bằng sắc con trai châu, song vỏ ốc có thể tách ra từng phiến, cũng có thể dùng vỏ ốc làm thành vôi; có thứ ốc xà cừ, người ta có thể dùng để dát các đồ dùng; có thứ đại mao hay đại môi, tức con đồi mồi rất lớn hay con hải ba (ba ba biển tục gọi là con trắng bông, cũng giống như con đồi mồi, nhưng nhỏ hơn).

Quan trọng nhất là các hàng hoá từ các tàu đắm mà *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, viết rằng hàng hoá thu được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng ống. *Phủ biên tạp lục* thì ghi: những sản vật như grom và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vàng bạc, đồ đồng, thiếc khối, chì đen, khẩu súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ.

Lê Quý Đôn, hồi làm Hiệp Trấn Thuận Hóa, đã viết: “tra khảo sổ biên của cai đội Thuyền Đức Hầu”, người chỉ huy Đội Hoàng Sa, trong nhiều năm đã vào Phú Xuân nộp các sản vật thu lượm được từ Hoàng Sa, cụ thể như sau:

- Năm Nhâm Ngọ (1702), Đội Hoàng Sa lượm được bạc 30 thoi.

- Năm Giáp Tuất (1704), lượm được thiếc 5100 cân.

- Năm Ất Dậu, lượm được bạc 126 thoi.

Còn từ năm Kỷ Sửu (1709) đến năm Quý Tỵ (1713), tức là trong khoảng 5 năm, thỉnh thoảng họ cũng lượm được mấy con đồi mồi và hải sâm. Cũng có lần họ chỉ lượm được mấy khối thiếc, mấy cái bát đá và hai khẩu súng đồng.

2. Nhà nước Đại Việt thời Tây Sơn chống hải tặc và bảo vệ Biển Đông (1771 - 1801).

Trong thời gian từ năm 1771 đến năm 1801, gần như lúc nào cũng có chiến tranh, trên đất liền cũng như ngoài Biển Đông, từng khu vực có lực lượng hoặc do chúa Nguyễn, chúa Trịnh hoặc quân Tây Sơn làm chủ.

Sau hơn 9 năm ngày vua Quang Trung mất, mặc dù lực lượng thủy quân Tây Sơn đã bị hao hụt nhiều, năm 1801, Jean Baptiste Chaigneau, kẻ tham dự trận đại thắng thủy chiến tiêu diệt hoàn toàn hạm đội Tây Sơn, đã viết thư cho Laurent Barizy (người Anh) ngày 02/3/1801, có nhận định về thủy quân Tây Sơn như sau:

“Trước khi thấy được thủy quân địch, tôi vốn coi thường lực lượng này, nhưng tôi cam đoan với ông rằng đó là sai lầm, quân Tây Sơn đã có những chiến hạm trang bị 50 và 60 đại bác. Theo mô tả của Barizy, nhà quân sự người Anh, trong lực lượng thủy quân Tây Sơn ít ra có 4 loại tàu thuyền và dĩ nhiên thời này chỉ chạy bằng buồm hoặc chèo. Song chưa thấy tài liệu nào cho biết các tàu thuyền Tây Sơn được bọc đồng theo kiểu Tây Phương hồi đó. Loại chiến hạm lớn có tới 600 hay 700 thủy thủ và trang bị 50 hay 60 đại bác nặng 24 cân Anh (livres); tuy chỉ có từ 5 đến 9 chiến hạm, song đã nói lên hỏa lực mạnh và lực lượng thủy quân đông đảo trên các chiến hạm của Tây Sơn. Chính vì vậy quân Tây Sơn thường có những quả đấm mạnh bằng thủy quân trong các cuộc tiến công vào đất Gia định, nhất là sau chiến thắng quân Thanh, xuân Kỷ Dậu, vua

Quang Trung chuẩn bị đóng chiến thuyền vào Nam đánh quân Nguyễn Ánh.

Từ năm 1773, Tây Sơn chiếm được cảng Qui Nhơn rồi tiến lên phía Quảng Nam, kiểm soát bến Bình Sơn (Bến Ván), Quảng Ngãi, nơi có cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Ré (Đảo Lý Sơn), cái nôi của Đội Hoàng Sa, từ đầu thế kỷ XVII đã bắt đầu khai thác Biển Đông.

Chỉ trong vài năm bị đình đốn, ngày 15 tháng giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) cai hợp Hà Liễu ở phường Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) thuộc xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, đã làm đơn xin với chính quyền Tây Sơn được lập lại Đội Hoàng Sa và Quế Hương, sẵn sàng vượt biển ra các cù lao ngoài biển để làm nhiệm vụ theo thông lệ và sẵn sàng ứng chiến chống kẻ xâm phạm.

Mãi đến năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng Hoàng đế và từ đó mới có chính quyền Tây Sơn hoàn chỉnh. Năm Thái Đức thứ 9 (1786), ngày 14 tháng 2 (âm lịch) chính quyền Tây Sơn ra quyết định sai phái Hội Đức Hầu, cai Đội Hoàng Sa, cưỡi bốn chiếc thuyền câu vượt biển ra thăm Hoàng Sa cùng các xứ cù lao ngoài biển.

Theo các tư liệu còn lưu lại cho thấy người phụ trách các tổ chức hoạt động ngoài biển là Thái phó, một chức quan lớn trong triều. Chính quyền Tây Sơn còn yêu cầu các thuyền của Đội Hoàng Sa phải mang biển hiệu thủy quân, song lại nhắc nhở không được lấy danh nghĩa thủy quân mà làm càn, bắt nạt dân làm muối, đánh cá.

Các đội khai thác Biển Đông như *Đội Hoàng Sa, Đội Quế Hương, Đội Đại Mạo, Hải Ba, Đội Quế Hương Hàm* không những có nhiệm vụ kinh tế mà còn như lời hứa của dân Phường Cù Lao Ré, do Cai hợp Hà Liễu đứng tên, sẵn sàng ứng chiến với kẻ xâm phạm mỗi khi có truyền báo xảy ra chinh chiến.

Riêng *Đội Hoàng Sa*, đứng đầu là cai đội hay đội trưởng, lại thường kiêm cai thủ cửa biển Sa Kỳ cũng như kiêm quản cai cơ thủ ngự. Chức quan cai cơ thủ ngự phụ trách thu thuế, an ninh trên biển, chống hải tặc, cướp biển. Như thế, việc khai thác kinh tế biển luôn kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, chống cướp biển, bảo vệ Biển Đông.

Nguồn trích:

<http://hoangsa.danang.gov.vn>

Lịch sử xác lập và thực thi chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa

Phần 2

II. Với tư cách đại diện cho Việt Nam về đối ngoại, Cộng hòa Pháp tiếp tục khẳng định, quản lý và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa trong thời kỳ Pháp thuộc (1884 đến 1945)

Với tư cách đại diện cho Việt Nam về đối ngoại theo Hiệp ước Patenôtre năm 1884, chính quyền thuộc địa Pháp đã có những hành động cụ thể để củng cố, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Bức thư của lãnh sự Pháp Beauvais ở Quảng Châu gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp ngày

4/5/1909 đã nêu ý đồ của Trung Quốc xâm phạm chủ quyền Hoàng Sa của Việt Nam đã viết: "*Như tôi đã trình bày với ông khi kết thúc bản báo cáo gần đây của tôi (số 86 ngày 01/5/1909) về vấn đề các đảo Pratas, vấn đề này khiến chính phủ Trung Quốc chú ý đến các nhóm đảo khác nằm dọc bờ biển của Thiên Triều và tới một mức độ nhất định có thể được coi như một bộ phận của Thiên triều, trong đó có quần đảo Paracels*".

Cũng trong thư trên đề ngày 4 tháng 5 năm 1909, lãnh sự Pháp ở Quảng Châu gửi cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp có một số nội dung đáng lưu ý sau đây:

- Do ảnh hưởng của việc Nhật chiếm Pratas, Trung Quốc muốn bắt đầu chiếm luôn quần đảo Paracels gần Hải Nam.

- Cuộc khảo sát trái phép đầu tiên là của Đoàn Ngô Kính Vinh đã cho thấy ở mỗi đảo Hoàng Sa đều có một ngôi miếu nhỏ xây kiểu nhà đá (tất cả tường mái là đá san hô và vỏ sò).

- Các ngư dân Việt Nam mang cả vợ con đến sống ở Hoàng Sa, bị đối xử tàn tệ, vợ con bị bắt đến Hải Nam.

P.A. La Picque hồi năm 1909 đang cư trú ở Hồng Kông đã thuật lại cuộc khảo sát Hoàng Sa của chính quyền tỉnh Quảng Đông năm 1909 như sau:

"Vào cuối tháng 5/1909, hai pháo hạm nhỏ ở Quảng Châu chuẩn bị ra khơi, trên tàu có hai người Đức thuộc Maison Carlwiz, ngoài ra còn có các thủy thủ Trung Quốc, trong đó hình như có một đô đốc "đường sông", nếu như hạm đội nhỏ đó, nhờ

có đất liền che chắn, đến được cảng Du Lâm, một cảng ở phía nam đảo Hải Nam một cách khá dễ dàng, thì nó vẫn bị nghẽn ở đó đến nửa tháng, chắc là để chờ ra khơi thì các đợt gió "Fong - sami" trở nên thuận lợi và thường làm cho các nhà hàng hải dừng cảm đỡ say sóng".

"Cuối cùng, ngày 6 tháng 6 năm 1909 (tức là ngày 19 âm lịch) phái đoàn trông thấy một đảo trong quần đảo Paracel rồi thăm vài đảo, và đến ngày 7 tháng 6 năm 1909, lúc 4 giờ chiều, hai pháo hạm thẳng đường quay lại Quảng Châu như tờ báo Kono Che pao (tờ báo lớn nhất Quảng Châu) cho biết trong một bài báo ngày 20 tháng 6 năm 1909.

Năm 1925, theo Khâm Sứ Trung kỳ LeFol viết trong thư ngày 22 tháng 1 năm 1926 gửi cho Toàn quyền Đông Dương, người Pháp bắt đầu nghiên cứu sâu quá trình xác lập chủ quyền của "vương quốc Việt Nam" tại quần đảo Hoàng Sa, trước khi cử ông Giám đốc Viện Hải dương học và Nghề cá ở Nha Trang - ông M.A. Krempt đi thám sát Hoàng Sa.

Qua kết quả nghiên cứu tìm hiểu về Hoàng Sa, Khâm sứ Trung kỳ LeFol trong thư ngày 22 tháng 1 năm 1929 gửi Toàn quyền Đông Dương cho biết: "Trong tác phẩm (*Géographie de la Cochinchine* được dịch ra Tiếng Anh và đăng trong tạp chí *Journal de la Société Asiatique de Bengale* năm 1838, đức cha Jean Louis Taberd, giám mục Ismaropolis (Khâm Mạng toà thánh tại Nam kỳ, Cao Miên và Champa) đã kể lại việc Hoàng đế Gia Long đã chiếm hữu quần đảo Paracels năm 1816 và long trọng kéo lá cờ Nam kỳ trên quần

đảo. Việc chiếm hữu đó đã được các Biên niên sử của chính quyền An Nam hay Đại Nam nhất thống chí, Nam Việt địa dư tập 2 hay Địa dư nước An Nam, xuất bản năm thứ 14 đời Minh Mạng và cuối cùng "Đại Nam nhất thống chí" quyển 6 hay "Địa dư Duy Tân"; "các tài liệu trong kho lưu trữ của chính phủ An Nam cung cấp cho ta những chi tiết về hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải đặt dưới quyền chỉ huy của đội Hoàng Sa".

Và cũng chính trong bức thư kể trên, ông LeFol đã cho biết trước khi mất, ông Thân Trọng Huề, Thượng thư Bộ Binh của triều đình Huế đã viết một văn thư ngày 3 tháng 3 năm 1925 khẳng định rằng: "Các đảo nhỏ đó bao giờ cũng là sở hữu của nước An Nam, không có sự tranh cãi trong vấn đề này".

Người Pháp cho rằng Hoàng Sa vốn đã thuộc chủ quyền Việt Nam, không cần một hành động chiếm hữu chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa nữa, nên Viện Hải dương học và Nghề cá Nha Trang (L'institut Océanographique de Nha Trang) đã thực hiện cuộc khảo sát đầu tiên năm 1925 bởi tàu khảo sát kéo lưới Chalutier De Lanessan do M.A. Krempt, giám đốc, cùng các nhà khoa học như De La Cour, Jabouille.

Các cuộc khảo sát chủ yếu nghiên cứu về những ám tiêu của các bãi ngầm ở Hoàng Sa. Từ đó tác giả đưa ra lập luận giải thích về sự hình thành các ám tiêu cùng với ảnh hưởng của gió mùa.

Ngày 8 tháng 3 năm 1925, Toàn quyền Đông Dương đã tuyên

bổ khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Pháp.

Tháng 19 tháng 3 năm 1926, Thống đốc Nam kỳ cấp giấy phép nghiên cứu mỏ ở đảo Trường Sa cho Công ty Phosphat mới của Bắc kỳ.

Trong thư ngày 20 tháng 3 năm 1930, Toàn quyền Đông Dương gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp cũng đã xác nhận rằng: *"Tôi hoàn toàn đồng ý với những người viết thư cho ông là cần thừa nhận lợi ích nước Pháp có thể có trong việc nhận danh An Nam, đòi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa"*. Câu này trong bản ghi chú cho Vụ Châu Á Đại Dương ngày 15 tháng 5 năm 1950, Cố vấn Pháp Luật Bộ Ngoại giao Pháp đã viết rất rõ: *"Việc chiếm hữu quần đảo Spartley do Pháp tiến hành năm 1931-1932 là nhân danh Hoàng đế "An Nam". Trong trường hợp này cái danh nghĩa duy nhất mà Pháp đòi hỏi ở đây là việc thực thi chủ quyền có từ trước, là những danh nghĩa của "An Nam", và với tư cách là nước bảo hộ, chịu trách nhiệm về các quan hệ đối ngoại của "An Nam", Pháp có thể sử dụng các quyền đó để chặn các nước thứ ba, và có thể nhận được xét xử quốc tế việc thừa nhận các quyền nói trên.* Nếu các quan hệ điều ước giữa Pháp và "An Nam" vẫn được xác định bởi Hiệp ước Bảo hộ được ký ở Huế ngày 6 tháng 6 năm 1884 thì về phương diện này không thể xuất hiện bất kỳ khó khăn nào; và chính phủ Pháp có quyền bằng cách hành động với danh nghĩa nước bảo hộ, thay mặt nước bị bảo hộ thi hành các thẩm quyền mà nước bị bảo hộ này không thể thi hành. Tại công văn số 704-A.ex, Toàn quyền Đông Dương gửi

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa báo cáo về lập trường của Phủ toàn quyền đối với việc chính quyền địa phương Quảng Đông đòi chủ quyền đối với Hoàng Sa, trong đó nhấn mạnh việc thương lượng giữa Pháp với một chính quyền không có quyền hành gì ở miền Nam Trung Quốc là không thích hợp, và chắc chắn sẽ thất bại. Ngày 4 tháng 1 năm 1932, Chính phủ Pháp gửi Công hàm tới Công sứ quán Trung Quốc tại Paris khẳng định chủ quyền của Pháp đối với Hoàng Sa và đề nghị giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán hữu nghị hoặc bằng phương thức Trọng tài quốc tế. Công hàm ngày 4 tháng 1 năm 1932 của Trung Quốc trả lời Công hàm của Pháp đã khước từ đề nghị giải quyết tranh chấp chủ quyền Hoàng Sa bằng phương thức Trọng tài quốc tế. Trung Quốc lập luận rằng khi vua Gia Long chiếm hữu quần đảo ấy, Việt Nam là một nước chư hầu của Trung Quốc.

Ngày 24 tháng 4 năm 1932, Chính phủ Pháp phản đối Chính phủ Trung Quốc về việc nhà cầm quyền Quảng Đông dự định cho đấu thầu khai thác phốt phát ở quần đảo Hoàng Sa. Ngày 29 tháng 9 năm 1932, Chính phủ Pháp đã có kháng nghị nêu rõ các danh nghĩa lịch sử và các bằng chứng về sự chiếm hữu của Annam, sau đó là Pháp, đối với Hoàng Sa.

Ngày 18 tháng 2 năm 1937, một lần nữa, Pháp chính thức yêu cầu Trung Quốc áp dụng phương thức Trọng tài quốc tế để xác định chủ quyền quần đảo Hoàng Sa, phía Trung Quốc lại khước từ. Ngày 26 tháng 11 năm 1937, Pháp phái kỹ sư trưởng công chính J.Gauthier ra

Hoàng Sa để nghiên cứu tìm địa điểm xây dựng đèn biển, bãi đỗ cho thủy phi cơ và các điều kiện định cư ở quần đảo này.

Năm 1938 Pháp bắt đầu phá các đơn vị bảo an tới các đảo và xây dựng một hải đăng, một trạm khí tượng (OMM đăng ký số 48860) đặt ở đảo Hoàng Sa và số 48859 ở đảo Phú Lâm, một trạm vô tuyến TSF trên đảo Hoàng Sa.

Ngày 30 tháng 3 năm 1938, Vua Bảo Đại ký dụ số 10 sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên thay vì Nam Ngãi như các Triều trước.

Ngày 15 tháng 6 năm 1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký Nghị định số 156-S-V thành lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Tháng 6/1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam được phái ra đồn trú tại quần đảo Hoàng Sa. Một bia chủ quyền được dựng trên đảo Hoàng Sa, với dòng chữ: “République Francaise - Royaume d’Annam - Archipels des Paracels 1816 - Ile de Pattle 1938”.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, Nhật Bản đã rắp tâm biến các quần đảo trong Biển Đông trở thành bàn đạp để mở rộng sự chiếm đóng của mình xuống khu vực Đông Nam châu Á, ngày 31 tháng 3 năm 1939, Nhật tuyên bố sáp nhập các quần đảo trong Biển Đông vào các vùng lãnh thổ mà Nhật đã chiếm đóng. Ngày 4 tháng 4 năm 1939, Chính phủ Pháp gửi Công hàm phản đối các quyết định nói trên của Nhật và bảo lưu các quyền của Pháp tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 5 tháng 5 năm 1939, Toàn quyền Đông Dương J. Brevie ký

Nghị định số 3282 tách đơn vị hành chính Hoàng Sa thành hai đơn vị hành chính: ‘Croissant và các đảo phụ thuộc’, ‘Amphitrite và các đảo phụ thuộc’.

Ngày 26 tháng 11 năm 1943, Tuyên bố Cairo về việc kết thúc chiến tranh với Nhật và giải quyết các vấn đề sau chiến tranh, trong đó có vấn đề lãnh thổ nước khác bị quân Nhật chiếm đóng: ‘Mục đích của 3 nước là Nhật Bản phải bị loại ra khỏi tất cả các quần đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật Bản đã cướp hoặc chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất năm 1914...’

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật thua trận phải rút khỏi Đông Dương.

Ngày 26 tháng 7 năm 1945, Tuyên bố Posdam khẳng định ‘các điều khoản của Tuyên bố Cairo sẽ được thực hiện’.

Ngày 26 tháng 8 năm 1945, ngay sau khi Nhật đầu hàng, quân đội Nhật đã rút khỏi quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

III. Lợi dụng Việt Nam đang lo đối phó với sự trở lại của thực dân Pháp và lo kháng chiến chống Pháp, quân Tưởng Giới Thạch, và sau đó là quân của CHND Trung Hoa đã tiến hành chiếm đóng các đảo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (1946 - 1956)

Vào lúc quân đội viễn chinh Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang bận đối phó với cuộc chiến tranh toàn diện sắp xảy ra, thì ngày 26/10/1946, hạm đội đặc biệt của Trung Hoa Dân Quốc gồm 4 chiến hạm, mỗi chiếc chở một số đại diện

của các Bộ và 59 binh sĩ cảnh vệ của Hải quân lấy cớ giải giáp quân Nhật ra chiếm các đảo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 29/11/1946, các tàu Vĩnh Hưng và Trung Kiên tới đảo Hoàng Sa và đổ bộ lên đây. Tàu Thái Bình và Trung Nghiệp đến Trường Sa.

Cũng trong thời gian này, một công chức, tên là Bai Meichu, của chính quyền Đài Loan đã vẽ và xuất bản bản đồ ‘ Nam Hải chư đảo ’; trong đó, có thể hiện đường biên giới biển bao trùm khoảng 80% diện tích Biển Đông, thường được gọi là đường biên giới ‘lưỡi bò’ mà không dựa vào bất cứ một tiêu chuẩn nào theo luật pháp và thực tiễn quốc tế. Chính tác giả và nhiều học giả Trung quốc đã không thể đưa ra được bất kỳ lý do nào để biện minh cho đường biên giới biển đã được thể hiện một cách tùy tiện này. Tuy vậy, phía Trung quốc đã dựa vào bản đồ này để liên tục tung ra các loại bản đồ Trung Quốc có vẽ đường biên giới biển 9 đoạn và đã chính thức hóa đường biên giới biển đầy tham vọng này tại một Công hàm mà họ đã gửi lên LHQ vào tháng 5 năm 2009 để phản đối Hồ sơ ranh giới ngoài Thềm lục địa do Việt Nam và Malaysia nộp lên UB ranh giới TLĐ của LHQ.

Ngày 13 tháng 1 năm 1947, Chính phủ Pháp chính thức phản đối sự chiếm đóng bất hợp pháp của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa; trong đó, Pháp đã nêu lên những bảo lưu về hậu quả pháp lý từ việc chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa của quân đội Trung Hoa dân quốc, đồng thời nhắc lại đề nghị tìm giải pháp giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài và

ngày 17/10/1947 thông báo hạm Tonkinois của Pháp được phái đến Hoàng Sa để yêu cầu quân Trung Quốc rút khỏi Phú Lâm. Pháp gửi một phân đội lính, gồm 10 lính Pháp và 17 lính Việt Nam đổ bộ đóng một đồn ở đảo Hoàng Sa và quyết định lập đài khí tượng trên đảo này. Chính phủ Trung Quốc phản kháng và các cuộc thương lượng được tiến hành từ ngày 25 tháng 2 đến ngày 4 tháng 7 năm 1947 tại Paris. Tại đây, chính phủ Trung Quốc đã từ chối không chấp nhận việc nhờ Trọng tài quốc tế giải quyết do Pháp đề nghị.

Trong hoàn cảnh lịch sử cuối năm 1946 đầu năm 1947, Việt Nam đã giành được độc lập từ năm 1945, không còn ràng buộc vào hiệp định Patenôtre (1884) với Pháp, song Pháp cho rằng theo Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn nằm trong khối Liên hiệp Pháp, về ngoại giao vẫn thuộc về Pháp, nên Pháp vẫn thực thi quyền đại diện Việt Nam trong vấn đề chống lại xâm phạm chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Với Hiệp định ngày 8/3/1949, Pháp gây dựng được chính quyền thân Pháp còn gọi là Quốc gia Việt Nam do cựu hoàng Bảo Đại đứng đầu, đối đầu với chính quyền Cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, để củng cố cơ sở pháp lý hình thức trong quan hệ với Pháp, nhất là trên thực tế quân Pháp đang làm chủ Biển Đông, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1949, Tổ chức khí tượng thế giới (OMM) chính thức công nhận các Trạm khí tượng do Pháp xây

dụng và đăng ký vào Danh sách các Trạm khí tượng quốc tế, với các số hiệu: Trạm Phú Lâm số 48859, Trạm Hoàng Sa số 48860...

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, Pháp ký với Bảo Đại Hiệp định Hạ Long trao trả độc lập cho Chính phủ Bảo Đại và tháng 4, Đồng lý Văn phòng, Hoàng thân Bửu Lộc tuyên bố khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Nước CHND Trung Hoa ra đời; Đơn vị đồn trú của Trung Hoa Dân quốc phải rút khỏi đảo Phú Lâm, trong khi đó Pháp vẫn duy trì quân đồn trú tại đảo Hoàng Sa.

Ngày 14 tháng 10 năm 1950, Chính phủ Pháp chính thức trao lại cho Chính phủ Bảo Đại việc quản lý và bảo vệ quần đảo Hoàng Sa. Tổng trấn Trung phần Phan Văn Giáo đã chủ trì việc bàn giao này.

Hội nghị San Francisco có 51 quốc gia tham dự từ ngày 5 tháng 9 đến ngày 8 tháng 9 năm 1951, ký kết hoà ước với Nhật. Ngày 5/9/1951, tại phiên họp toàn thể mở rộng, Ngoại trưởng Gromyko (Liên Xô cũ) đã đưa đề nghị tu chính 13 khoản của Dự thảo Hoà ước. Trong đó có nội dung: Nhật thừa nhận chủ quyền của Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa đối với đảo Hoàng Sa và những đảo xa hơn nữa ở phía Nam. Khoản tu chính này đã bị Hội nghị bác bỏ với 48 phiếu chống và 3 phiếu thuận.

Ngày 7/9/1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu của Chính phủ Bảo Đại long trọng tuyên bố rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam: "Et comme il faut franchement

profiter de toutes occasions pour étouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les îles de Spratley et de Paracels qui de tout temps ont fait partie du Viet Nam".

Không một đại biểu nào trong Hội nghị có ý kiến gì về Tuyên bố này.

Kết thúc Hội nghị là ký kết Hoà ước với Nhật ngày 8 tháng 9 năm 1951. Trong Hoà ước này có điều 2, đoạn 7 ghi rõ: "*Nhật Bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và tham vọng đối với các quần đảo Paracels và Spratly*" (khoản f)

Ngày 24/8/1951, lần đầu tiên Tân Hoa Xã lên tiếng tranh cãi về quyền của Pháp và những tham vọng của Philippines và kiên quyết khẳng định quyền của Trung Quốc.

Khi ra thông báo về bản Dự thảo Hoà ước với Nhật ở San Francisco, ngày 15 tháng 8 năm 1951, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai ra tuyên bố công khai khẳng định cái gọi là "tính lâu đời của các quyền của Trung Quốc đối với quần đảo", trong khi Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc không tham dự Hội nghị này.

Như thế, lợi dụng tình hình rối ren, Nhật đầu hàng đồng minh, quân Tưởng Giới Thạch lợi dụng việc giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra theo Hiệp định Postdam, đã đem quân chiếm giữ đảo Phú Lâm (Ile de Boisée) cuối năm 1946 thuộc quần đảo Hoàng Sa và đảo Ba Bình (Itu Aba) thuộc quần đảo Trường Sa vào đầu năm 1947. Đến năm 1950, khi lực lượng quân đội của Trung Hoa Dân quốc phải rút ra khỏi Hoàng Sa và Trường Sa và Hoà ước San

Francisco buộc Nhật từ bỏ sự chiếm đóng hai quần đảo này, Thủ tướng, kiêm ngoại trưởng Trần Văn Hữu của chính phủ Bảo Đại, đã long trọng tuyên bố rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam. Hiệp định Genève ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954 chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất của nước Việt Nam. Điều 1 qui định đường ranh tạm thời về quân sự được ấn định bởi sông Bến Hải (ở vĩ tuyến 17). Đường ranh tạm thời này cũng được kéo dài ra trong hai phần bằng một đường thẳng từ bờ biển ra ngoài khơi theo điều 4 của Hiệp định. Cũng theo điều 14 của bản Hiệp định, trong khi chờ đợi cuộc tổng tuyển cử đưa lại sự thống nhất cho Việt Nam, bên đương sự và quân đội do thoả hiệp tập kết ở khu nào sẽ đảm nhiệm việc hành chính trong khu tập kết đó. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông ở dưới vĩ tuyến 17 sẽ đặt dưới sự quản lý hành chính của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Tháng 4 năm 1956, khi quân viễn chinh Pháp rút khỏi Đông Dương, quân đội Quốc gia Việt Nam, sau gọi là Việt Nam Cộng hòa, đã chiếm đóng các đảo phía Tây của quần đảo Hoàng Sa, bao gồm đảo Hoàng Sa, với số quân là 40 người. Cũng trong thời gian này, Trung Quốc bí mật đưa quân ra chiếm đóng nhóm phía Đông quần đảo Hoàng Sa, trong đó có đảo Phú Lâm và Linh Côn. Ngày 01/6/1956, Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa Vũ Văn Mẫu ra tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của Việt

Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

IV. Quân Pháp rút khỏi Việt Nam, sau khi thua trận Điện Biên Phủ, và trong thời kỳ Việt Nam chia đôi theo qui định của Hiệp định Genève khiến Trung Quốc, Đài Loan, Philippines tranh chấp chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa thuộc quyền quản lý, bảo vệ của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1956 - 1975)

Việc Pháp thua trận ở Điện Biên Phủ và ký Hiệp định Genève 20 tháng 7 năm 1954, buộc quân Pháp phải rút lui khỏi Việt Nam tháng 4 năm 1956 và để khoảng trống bỏ phòng ở Biển Đông khiến các nước trong khu vực, trong đó có Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Trung Hoa Dân quốc (Đài Loan) và Philippines, cho là cơ hội tốt để đưa lực lượng quân sự ra chiếm đóng trái phép một số đảo ở Hoàng Sa cũng như Trường Sa của Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam Cộng hòa đã tích cực tổ chức các hoạt động nhằm quản lý và bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam:

Ngày 22/8/1956, song song với việc đưa lực lượng hải quân ra quần đảo Trường Sa để chiếm giữ, bảo vệ quần đảo này trước những hoạt động xâm lấn của các lực lượng nói trên, Việt Nam Cộng hòa đã tổ chức một số hoạt động tại quần đảo Hoàng Sa, như: Tổ chức đoàn nghiên cứu thủy văn do Saurin dẫn đầu; cho phép kỹ nghệ gia Lê Văn Cang tiến hành khai thác phốt phát ở Hoàng Sa. Từ năm 1957, Bộ Tư lệnh Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã cử một đại đội thủy quân lục chiến ra quản lý, bảo vệ

quần đảo Hoàng Sa thay thế cho quân của đại đội 42 thuộc tiểu đoàn 142.

Ngày 21 tháng 2 năm 1959, CHND Trung Hoa cho một số lính đóng giả ngư dân bí mật đổ bộ lên các đảo Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Hòa nhằm đánh chiếm nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa. Lực lượng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã phá tan được âm mưu này, 82 “ngư dân” và 5 thuyền đánh cá vũ trang đã bị bắt giữ và bị áp giải về giam tại Đà Nẵng, sau đó được trả cho Trung Quốc.

Năm 1960, Việt Nam Cộng hòa đã bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Thước, cán bộ hành chính hạng I tại Tam Kỳ, Quảng Nam, nhận chức vụ Phái viên hành chính Hoàng Sa; ngày 27 tháng 6, năm 1961 bổ nhiệm ông Hoàng Yên giữ chức vụ Phái viên hành chính Hoàng Sa.

Ngày 13 tháng 7 năm 1961, Việt Nam Cộng hòa sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam và thành lập tại quần đảo này một xã, gọi là xã Định Hải, thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam; tại Nghị Định số 709-BNV-HCĐP-26 ngày 21 tháng 10 năm 1969 của Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, xã Định Hải được sáp nhập vào xã Hòa Long, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 11 tháng 4 năm 1967, Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị Định số 809-NĐ-DUHC cử ông Trần Chuân giữ chức Phái viên hành chính xã Định Hải, quận Hòa Vang, Quảng Nam.

Ngày 13 tháng 7 năm 1971, tại Hội nghị ASPEC (Conseil de l'Asie et du Pacifique) tại Manila, Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Cộng hòa Trần Văn Lắm đã tuyên bố khẳng định

quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Ngày 24 tháng 9 năm 1973, Việt Nam Cộng hòa thông báo dự định tiến hành các cuộc khảo sát dầu lửa khu vực ngoài khơi bờ biển miền Trung, đối diện với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 15 tháng 1 năm 1974, sau khi tuyên bố lên án chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã “xâm lấn đất đai của Trung Quốc”, “tất cả các quần đảo Nam Sa, Tây Sa, Đông Sa và Trung Sa là lãnh thổ của Trung Quốc”..., CHND Trung Hoa đã đưa quân đổ bộ và cắm cờ Trung Quốc lên các đảo Hữu Nhật, Quang Ảnh, Quang Hòa và Duy Mộng thuộc nhóm đảo phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 16 tháng 1 năm 1974, Tuần dương hạm Lý Thường Kiệt của Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã đưa phái đoàn quân lực ra Hoàng Sa và đã phát hiện 2 chiến hạm số 402 và 407 của Hải quân Trung Quốc đang ở gần đảo Hữu Nhật, xác nhận quân Trung Quốc đã chiếm đóng, cắm cờ trên các đảo Quang Hòa, Duy Mộng, Quang Ảnh... Lập tức, Ngoại trưởng Vương Văn Bắc họp báo tố cáo Bắc Kinh đã huy động tàu chiến vi phạm vùng biển quần đảo Hoàng Sa và đưa binh lính đổ bộ xâm chiếm các đảo Hữu Nhật, Quang Ảnh, Quang Hòa, Duy Mộng, thuộc nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Từ ngày 17 tháng 1 đến ngày 20 tháng 1 năm 1974, trận hải chiến giữa lực lượng Hải quân Việt Nam Cộng hòa và lực lượng Hải, Lục, Không quân, Quân giải phóng Nhân dân

Trung Hoa, xảy ra trong tình thế rất khó khăn cho quân lực Việt Nam Cộng hòa, và mặc dù đã chiến đấu quả cảm, nhiều binh sỹ đã anh dũng hy sinh, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã không thể giữ được các đảo thuộc nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Quan sát viên của Việt Nam Cộng hòa tại LHQ đã chính thức yêu cầu Chủ tịch HĐBA LHQ xem xét hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa. Ngày 19 tháng 1 năm 1974, Bộ ngoại giao Việt Nam Cộng hòa ra Tuyên cáo kêu gọi các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình lên án hành động xâm lược thô bạo của Trung Quốc, buộc Trung Quốc chấm dứt ngay hành động nguy hiểm đó.

Cũng trong thời gian này, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra Tuyên bố nêu rõ lập trường của mình:

- Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc.
- Vấn đề biên giới và lãnh thổ là vấn đề mà giữa các nước láng giềng thường có những tranh chấp do lịch sử để lại.
- Các nước liên quan cần xem xét vấn đề này trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và phải giải quyết bằng thương lượng.

Ngày 20 tháng 1 năm 1974, lúc 16 giờ, Ngoại trưởng Vương Văn Bắc, đã thông báo tình hình quần đảo Hoàng Sa cho Martin, Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, và yêu cầu Hoa Kỳ cho biết sẽ dành cho Việt Nam Cộng hòa sự ủng hộ nào về vật chất, chính trị

với tư cách là nước thân hữu và đồng minh, cũng như với tư cách là quốc gia đã ký kết và bảo đảm cho Hiệp định Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973, không? Nhưng không nhận được trả lời của Hoa Kỳ.

Ngày 21 tháng 1 năm 1974, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã gửi Công hàm cho các thành viên ký kết Định ước Paris đề nghị các thành viên lên án và đòi nhà cầm quyền Trung Quốc không được xâm phạm lãnh thổ Việt Nam theo đúng nội dung Điều 1 và Điều 4 của Định ước.

Ngày 22 tháng 1 năm 1974, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu đã gửi thư cho Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon về biến cố Hoàng Sa và ngày 28 tháng 1 năm 1974, thông báo tới tất cả các Quốc gia có quan hệ ngoại giao với Việt Nam Cộng hòa về hành động hiếu chiến của Trung Quốc trong cuộc hành quân xâm lược quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 1974, tại kỳ họp lần thứ 30 của Hội đồng kinh tế LHQ về Châu Á và Viễn Đông (ECAPE), tại Colombo, Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam.

Ngày 2 tháng 7 năm 1974, tại kỳ họp thứ 2 của Hội nghị lần thứ 3 của LHQ về Luật Biển (UNCLOS III) diễn ra tại Caracas (20/6/1974-29/8/1974), Đại biểu của Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng tố cáo Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa bằng vũ lực và khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam, chủ quyền của

Việt Nam đối với 2 quần đảo này là không tranh chấp và không thể chuyển nhượng.

Ngày 14 tháng 2 năm 1975, Việt Nam Cộng hòa công bố Sách trắng về chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nguồn trích:

<http://hoangsa.danang.gov.vn>

Dân binh đội Hoàng Sa và Bắc Hải - những thế hệ lính đảo đầu tiên

Nguyễn Ngọc Trường

Các đội Hoàng Sa và Bắc Hải quản lý và khai thác các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ đầu thế kỷ 17, dưới 8 đời chúa, gần một thế kỷ rưỡi.

Huyện đảo Lý Sơn là căn cứ đầu tiên để người Việt tiến ra làm chủ quần đảo Hoàng Sa.

Đội Hoàng Sa ra đời như thế nào?

Tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh, thôn Tây, xã Lý Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, còn giữ tờ đơn đề ngày 15 tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) do Hà Liễu là cai hợp phường Cù lao Ré xã An Vĩnh đứng tên xin chấn chỉnh lại đội Hoàng Sa. Đơn nhắc lại việc cũ: “Nguyên xã chúng tôi xưa có hai đội Hoàng Sa và Quế Hương. Vào năm Tân Mùi (1631), Đốc chiến là Võ Hệ đã đệ đơn xin tâu được lập hai đội nữa là đội Đại Mạo Hải Ba và đội Quế Hương Hàm với số đinh 30 người”...

Tài liệu phương Tây sau này đề cập một vụ khiếu nại của một thương nhân Hà Lan tâu trình lên chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648),

người lên kế vị chúa Nguyễn Phúc Nguyên mất năm 1635, về việc chiếc tàu Hà Lan Grootenbroeck bị đắm ở bãi cát Hoàng Sa năm 1634, thủy thủ đoàn được người Việt xứ Đàng Trong cứu giúp, nhưng món tiền 25.580 réaux thì bị lấy đi (những người Việt được đề cập ở đây là lực lượng của đội Hoàng Sa). Thương nhân Hà Lan này được trả lời: “Những việc đó đã xảy ra từ thời chúa trước, không nên đề cập nữa, ngược lại, người Hà Lan từ nay được hoàn toàn tự do mang hàng hóa đến buôn bán, được miễn thuế, và lại sau này nếu có tàu Hà Lan mà bị đắm ở ngoài khơi thì sẽ không có chuyện tịch thu hàng hóa được cứu hộ nữa”.

Qua một số tài liệu như vậy, có thể thấy đội Hoàng Sa đảo Lý Sơn đã được thành lập trước năm Tân Mùi (1631), nghĩa là dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), là vị chúa thứ hai của nhà Nguyễn.

Như vậy, đội Hoàng Sa hoạt động từ thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên, tất cả tám đời chúa, gần một thế kỷ rưỡi. Nếu tính tới thời điểm triều đình nhà Nguyễn ký Hòa ước Patenôtre năm 1884, chịu để Pháp áp đặt công cuộc bảo hộ và mất quyền cai trị tự chủ, thì kéo dài hai thế kỷ rưỡi. Có thể thấy, dưới thời các chúa Nguyễn, chính quyền chủ yếu sử dụng dân binh với các thuyền câu, nhưng được chính quyền nhà chúa chu cấp hậu cần.

Ở đảo Lý Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi, nơi xuất phát của đội Hoàng Sa, vẫn còn giữ nhiều di tích gắn liền với hải đội huyền thoại này. Nhà thờ họ Võ tại xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, lưu giữ chỉ thị ngày 14 tháng 2 năm

Thái Đức thứ 9 (1786), triều Tây Sơn, của Thái phó Tổng lý quân binh dân Thượng tướng công chỉ thị cho cai đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa.

Sau này, dưới thời vương triều Nguyễn khi đất nước quy về một mối, nhiệm vụ quản lý và khai thác các đảo thuộc Hoàng Sa, Trường Sa do thủy quân triều đình thực hiện.

Ngoài đội Hoàng Sa còn có đội Bắc Hải, thành lập khoảng cuối thế kỷ XVII, hoạt động ở phía nam của Biển Đông, khi nhà Chúa tìm ra nhiều đảo, bãi đá san hô ở phía nam của Biển Đông.

Việc lập thêm đội Bắc Hải diễn ra vào thời kỳ các chúa Nguyễn tiếp tục thực hiện thắng lợi sự nghiệp Nam tiến, quan tâm đến việc mở mang bờ cõi ra biển, tạo “phên dậu” cho đàng Trong.

Đội Hoàng Sa kiêm quản đội Bắc Hải để quy về một đầu mối, vừa dễ cai quản vừa nắm được tình hình Biển Đông. Người chỉ huy đội Hoàng Sa là một chức quan to. Có người được phong đến tước hầu, như các cai đội Thuyền Đức Hầu, Phú Nhuận Hầu...

Nhóm đảo An Vĩnh bao gồm các đảo tương đối lớn và cao nhất trong các đảo của quần đảo Hoàng Sa, và cũng là các đảo san hô lớn nhất Biển Đông. Tên gọi An Vĩnh lấy theo tên một xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi thời trước. Theo sách “*Đại Nam Thực lục Tiền biên*” quyển 10 ghi chép về xã này như sau: “Ngoài biển xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, có hơn 100 cồn cát... chiều dài kéo dài không biết tới mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn lý Hoàng Sa châu... Hội quốc sơ đầu triều Nguyễn đặt đội

Hoàng Sa gồm 70 người lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hàng năm cứ đến tháng ba cưỡi thuyền ra đảo, ba đêm thì tới nơi...”.

Thư tịch cổ về hoạt động của đội Hoàng Sa, Bắc Hải

Trong “*Phủ biên tạp lục*”, Lê Quý Đôn viết: “Ngày trước, họ Nguyễn có thiết lập đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở xã An Vĩnh bổ sung vào. Mỗi năm luân phiên nhau đi, tháng giêng nhận giấy làm sai dịch, được cấp phát mỗi người sáu tháng lương, chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ ra ngoài biển, phải mất ba ngày ba đêm mới đến đảo. Ở đó họ tha hồ bắt chim, bắt cá mà ăn. Họ thu được những đồ vật của tàu (bị đắm) như grom và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khô, chì, súng, ngà voi, sáp ong vàng, chiêng, đồ sứ,... Họ còn lượm thật nhiều vỏ đồi mồi, hải sâm và hạt óc vôn. Đến tháng tám thì họ trở về, vào cửa Yên rồi tới thành Phú Xuân để nạp các thứ lượm được. Sau khi cân, phân loại và định giá mới cho họ bán riêng vài thứ như óc vôn, hải ba và hải sâm. Xong, họ được lãnh bằng để về nhà, những thứ lượm được khi nhiều, khi ít không nhất định, có lần họ cũng phải về không” [1].

Mỗi đội Hoàng Sa gồm 70 ngư dân khỏe mạnh, giỏi nghề đi biển, của các làng An Vĩnh và An Hải của đảo Lý Sơn, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Khi đi, họ mang theo lệnh bài có ghi niên hiệu, được cấp mỗi người 6 tháng lương thực, một chiếc chiếu, 3 sợi dây mây, 7 nẹp tre và một thẻ bài ghi danh tánh, để phòng khi bắt trắc, rủi ro, đồng đội bó xác người xấu số, kèm theo thẻ bài và thả trôi trên biển

với hy vọng sóng gió đưa thi hài trôi dạt vào đất liền, tại một miền quê nào đó, để được nhân dân cứu mang, an táng. Không ít trai tráng ra đi không trở về. Để tưởng nhớ tới những người đã chết, thân nhân của họ lập những bài vị để thờ cúng, đồng thời đắp những ngôi mộ gió để hương khói. Những dân binh thuộc các đội Hoàng Sa và Bắc Hải chính là những thế hệ lính đảo đầu tiên của nước Việt Nam. Các bằng chứng chính xác các hoạt động khai thác Hoàng Sa, Trường Sa của các chính quyền Việt Nam dưới thời vương triều Nguyễn được ghi chép trong châu bản [2] được lưu giữ tại Trung tâm lưu giữ quốc gia I của Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong kho lưu trữ của nước ta hiện còn có 30.000 tấm mộc bản, cất giữ tại Trung tâm lưu trữ Đà Lạt. Năm 2009, UNESCO công nhận mộc bản triều Nguyễn Việt Nam thuộc chương trình “Ký ức thế giới”. Đây là sự công nhận của cộng đồng quốc tế về sự tồn tại các văn bản triều Nguyễn, củng cố cơ sở pháp lý, lịch sử về chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa./.

Chú thích:

[1] Lê Quý Đôn: Phủ biên tạp lục, Nxb. Giáo dục, 2007, t. 2, tr.148.

[2] Châu bản là văn bản pháp lý hành chính của nhà nước có châu phê hoặc ý kiến chỉ đạo của các vua Việt Nam. Tàu chương cũng là một dạng châu bản.

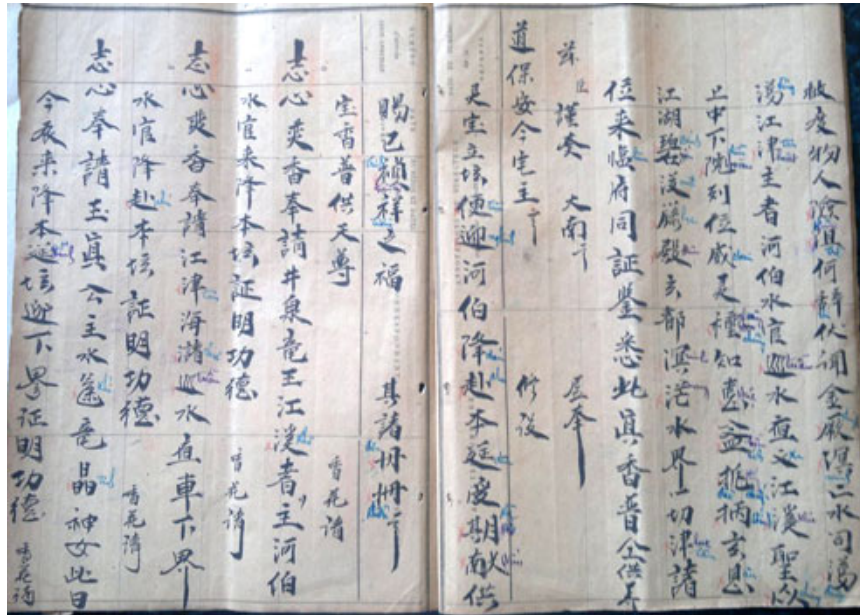
Nguồn trích: <http://toquoc.gov.vn/>



Những đội Hoàng Sa, Bắc Hải ra khơi với hành trang là những bó chiếu cói, dầy mây để bó xác khi tử trận và những thẻ linh vị để ghi tên. Ảnh: Tư liệu



Thuyền buồm - phương tiện ra đảo của Đội Hoàng Sa vào thế kỷ XVII-XVIII. Ảnh: <http://www.baodanang.vn/>



Văn tế dân binh Hải đội Hoàng Sa được tìm thấy ở Đảo Lý Sơn.
 Ảnh: Tư liệu



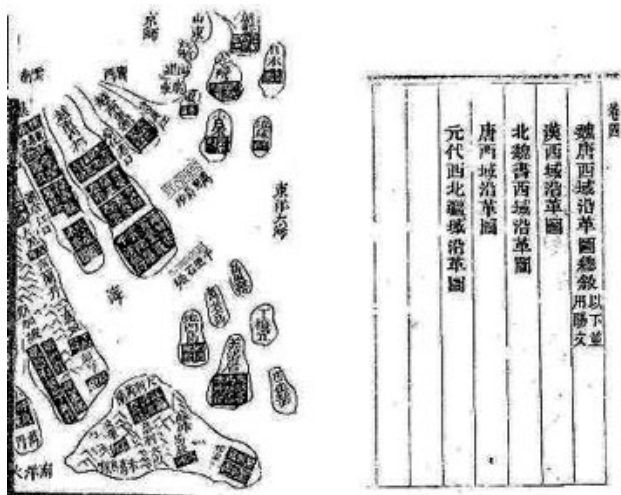
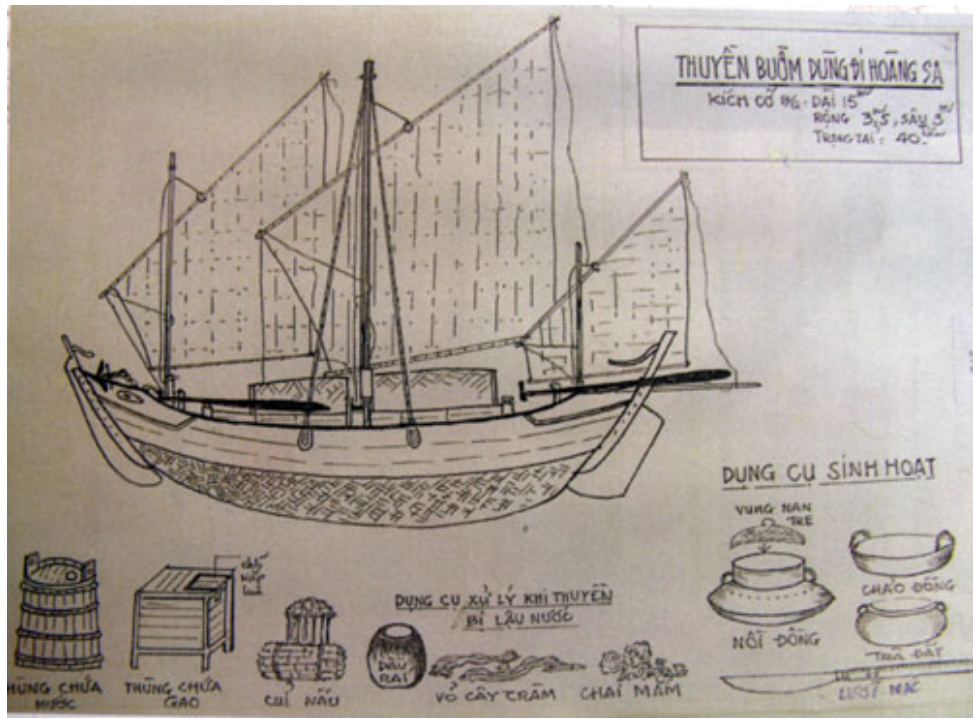
Thẻ tre, bài gỗ, linh vị, chiếu cỏi và các hiện vật của binh phu Đội Hoàng Sa được lưu giữ khác tại bảo tàng ở huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)



Thuyền câu (mô phỏng) do các binh phu của Đội Hoàng Sa dùng để hoạt động khai thác, quản lý đảo Hoàng Sa thế kỷ 17



Lễ khao lề thế Hải đội Hoàng Sa tại đảo Lý Sơn. Ảnh: Tư liệu



Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn còn vẽ các đảo trong quần đảo Hoàng Sa

Hoàng Sa, Trường Sa chưa từng thuộc về Trung Quốc Nguyễn Hòa

Tiến sĩ Trần Công Trục và các học giả Việt Nam đã dày công nghiên cứu về sự sai trái, các tham vọng của Trung Quốc. Ông Trục chỉ rõ, tham vọng của Trung Quốc đang mâu thuẫn bởi chính các nguồn tư liệu của nước này.

“Chỗ đó của anh, vậy anh đã từng quản lý nó chưa?”

Theo đó, có nhiều tài liệu địa lý cổ mô tả và nói rõ lãnh thổ của nước này có điểm tận cùng ở phía Nam là đảo Hải Nam. Trong đó, đáng chú ý là cuốn Địa chí phủ Quỳnh Châu cũng như cuốn Địa chí tỉnh Quảng Đông năm 1731. Điều này cũng được ghi trong Hoàng triều nhất thống dư địa tổng đồ, phát hành năm 1894. Ngoài ra, quyển sách Trung Quốc Địa lý học giáo khoa thư, phát hành năm 1906 nêu ở trang 241 rằng: “điểm cực Nam của Trung Quốc là bờ biển Nhai Châu đảo Quỳnh Châu, ở vĩ tuyến 18o13’ Bắc”.

Ông Phạm Hoàng Quân, nhà nghiên cứu độc lập chuyên về cổ sử và cổ địa dư Trung Quốc cho biết: “Từ đời Hán đến đời Thanh đều có những bộ chính sử của triều đại, các mục địa lý chí nhưng chưa từng biên chép gì về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đó là điểm để người ta nhận ra rằng, Trung Quốc chưa từng xem nó thuộc về phần đất của họ. Các phần địa lý chí đều có mục xác nhận đơn vị hành chính nước này đến huyện Nhai, phủ Quỳnh Châu, tức là đảo Hải Nam”.

Tiến sĩ Trục hết sức tâm đắc với nhận xét của bà Monique Chemillier Gendreau, giáo sư công pháp và khoa học chính trị ở Trường Đại học Paris VII Denis Diderot, nguyên Chủ tịch Hội luật gia dân chủ Pháp, nguyên Chủ tịch Hội luật gia châu Âu, rằng: Người Trung Quốc cách đây khá lâu đã biết ở Biển Đông có nhiều đảo mọc rải rác nhưng chúng không đủ làm cơ sở pháp lý để bảo vệ cho lập luận rằng, Trung Quốc là nước đầu tiên phát hiện, khai phá, khai thác và quản lý hai quần đảo này.

Ông Trục cũng nhấn mạnh, không chỉ thế giới, mà chính người Trung Quốc chân chính cũng đưa ra nhận xét về “chủ quyền lịch sử” Trung Quốc. Giáo sư Lý Lệnh Hoa ở Trung tâm Thông tin hải dương Trung Quốc, có bút danh là “Bao Phác Tiên Nhân”, khi nói đến sự sai trái, trái pháp luật quốc tế từ phía Trung Quốc cũng nhấn mạnh: “Chúng ta thường thích nói một câu là: Từ xưa đến nay thế này thế nọ, có lúc hứng lên còn thêm vào hai chữ “thiên liêng”. Đó chính là cái gọi là chứng cứ lịch sử..., nhưng chứng cứ đó có ý nghĩa ngày càng nhỏ trong luật quốc tế hiện đại..., chứng cứ thật sự có sức thuyết phục chính là sự kiểm soát thực sự. Anh nói chỗ đó của anh, vậy anh đã từng quản lý nó chưa, người ở đó có phục tùng sự quản lý của anh không, có phải người khác không có ý kiến gì không? Nếu đáp án của những câu hỏi này đều là “có” thì anh thắng là điều chắc chắn. Ở Nam Sa, chúng ta không có được điều đó”.

Câu hỏi của Giáo sư Lý Lệnh Hoa chắc hẳn sẽ khiến nhà chức trách Trung Quốc rất khó trả lời.

Không ai có thể thay đổi sự thật

Vậy nguyên tắc pháp lý mà Việt Nam dựa vào để chứng minh và khẳng định Việt Nam hoàn toàn có chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là gì? Có phù hợp với luật pháp quốc tế không?

Tiến sĩ Trục cho biết: “Việt Nam hoàn toàn đúng. Phương thức thụ đắc lãnh thổ của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là theo nguyên tắc chiếm hữu thật sự. Việt Nam đã chính thức tuyên bố rằng: Nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, khi chúng còn là đất vô chủ, ít nhất là từ thế kỷ XVII. Việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền này là thật sự, liên tục, hòa bình và rõ ràng. Việt Nam hoàn toàn có cơ sở pháp lý và chứng cứ lịch sử có giá trị pháp lý để khẳng định và bảo vệ chủ quyền hợp pháp của mình, đáp ứng đủ những điều kiện mà nguyên tắc chiếm hữu thật sự đòi hỏi”.

Tiến sĩ Trục khẳng định: Nhà nước phong kiến Việt Nam suốt trong 3 thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, trải qua 3 triều đại khác nhau, đều đã thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình, với tư cách là Nhà nước Đại Việt, tiến hành chiếm hữu và thực thi chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa:

Trước tiên, Nhà nước Đại Việt thời chúa Nguyễn. Chứng cứ lịch sử có giá trị pháp lý chứng minh việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và

quần đảo Trường Sa là sự ra đời và hoạt động thường xuyên, liên tục của Đội Hoàng Sa, một tổ chức do nhà nước lập ra để đi quản lý, bảo vệ, khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đội Hoàng Sa, về sau lập thêm Đội Bắc Hải do Đội Hoàng Sa kiêm quản, đã hoạt động theo lệnh của 7 đời chúa, từ chúa Nguyễn Phúc Lan hay Nguyễn Phúc Tần cho đến khi phong trào Tây Sơn nổi dậy.

Nhà nước Đại Việt thời Tây Sơn: Trong thời gian từ năm 1771 đến 1801, gần như lúc nào cũng có chiến tranh, trên đất liền cũng như ngoài Biển Đông. Tuy nhiên, các lực lượng của Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh, Tây Sơn đã làm chủ được từng khu vực lãnh thổ thuộc phạm vi quản lý của mình. Từ năm 1773, Tây Sơn chiếm được cảng Quy Nhơn, tiến về phía Quảng Nam, kiểm soát đến Bình Sơn, Quảng Ngãi, nơi có cửa biển Sa Kỳ và Cù lao Ré, căn cứ xuất phát của Đội Hoàng Sa.

Năm 1775, Phường Cù lao Ré thuộc xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi đã nộp đơn xin cho phép Đội Hoàng Sa và Đội Quế Hương hoạt động trở lại theo thông lệ. Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng Hoàng đế, chính quyền Tây Sơn được củng cố một cách hoàn chỉnh và năm 1786, đã ra quyết định sai phái Hội Đức hầu, cai đội Hoàng Sa, chỉ huy 4 chiếc thuyền câu vượt biển ra Hoàng Sa làm nhiệm vụ như cũ. Ngoài ra còn có các đội Quế Hương, Đại Mạo, Hải Ba cũng được giao nhiệm vụ hoạt động trong Biển Đông.

Nhà nước Việt Nam thời nhà Nguyễn tiếp tục sử dụng Đội Hoàng Sa, Đội Bắc Hải làm nhiệm vụ khai thác và

bảo vệ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 7-1803, vua Gia Long cho lập lại Đội Hoàng Sa: Lấy cai cơ Võ Văn Phú làm thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm Đội Hoàng Sa (theo Đại Nam Thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 12). Tháng Giêng năm Ất Hợi (1815) vua Gia Long quyết định: Sai Phạm Quang Ảnh thuộc Đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét đo đạc thủy trình...(Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ, q.50, tờ 6a).

Sang đời Minh Mạng, việc đo đạc thủy trình chủ yếu giao cho thủy quân thực hiện... Những năm 1833, 1834, 1836, vua Minh Mạng đã chỉ thị cho Bộ Công phái người ra Hoàng Sa để dựng bia chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ...: Mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ dài 4, 5 thước, rộng 5 tấc. Vua Minh Mạng đã chuẩn y lời tâu của Bộ Công sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi, đem theo 10 cái bài gỗ dựng làm dấu mốc...

Tiến sĩ Trục khẳng định, như vậy là suốt từ thời chúa Nguyễn đến thời nhà Nguyễn, Đội Hoàng Sa, kiêm quản Đội Bắc Hải, đã đi làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Những hoạt động này đã được các văn bản nhà nước ghi nhận, như: Châu bản của triều đình nhà Nguyễn, các văn bản của chính quyền địa phương như tờ lệnh, tờ tư, bằng cấp... hiện đang được lưu trữ tại các cơ quan lưu trữ nhà nước.

Cũng theo sự phân tích của ông Trục, trong giai đoạn lịch sử này, có một chứng cứ hết sức quan trọng không

thể không đề cập đến khi chứng minh nhà nước phong kiến Việt Nam đã quản lý thật sự, hiệu quả đối với hai quần đảo này, đó là việc tổ chức đơn vị hành chính của Hoàng Sa trong hệ thống tổ chức hành chính của nhà nước lúc bấy giờ. Thời chúa Nguyễn, Hoàng Sa thuộc Thừa tuyên Quảng Nam hay Quảng Nghĩa (Ngãi), lúc là phủ, khi thì là trấn.

Nguồn trích: Báo Quân đội nhân dân
<http://www.qdnd.vn/>

Nhìn lại những điểm mốc chiếm hữu thực sự của Việt Nam tại Hoàng Sa, Trường Sa **Hồng Chuyên**

*(Lược trích từ sách Dấu ấn Việt Nam trên
Biển Đông)*

Từ thế kỷ XVII, Người Việt đã liên tục khẳng định, bảo vệ, thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa cho dù gặp bất cứ trở ngại, khó khăn nào.

Dấu ấn Việt Nam đầu tiên, thường xuyên, liên tục trên Hoàng Sa và Trường Sa

Sách “Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông” viết: “Sử sách Việt Nam và cả ở Trung Quốc đều chép đội Hoàng Sa được thành lập vào đầu thời chúa Nguyễn. Hải ngoại Kỷ sự (Trung Quốc) viết năm 1696, chép thời Quốc Vương trước đã có những hoạt động của đội Hoàng Sa và Phủ biên tạp lục viết năm 1776, chép ‘Tiền Nguyễn Thị’. Đại Nam thực lục tiền biên (1821) chép ‘Quốc sơ trí Hoàng Sa’. Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (năm 1686), đã đề cập đến các hoạt động của đội Hoàng Sa. Phủ biên tạp lục cũng như các tài liệu

khác đều cho biết đội Hoàng Sa khi trở về đất liền vào thàng tám Âm lịch vào Cửa Eo hay Tư Hiền rồi nộp sản vật tại chính dinh ở Phú Xuân. Thời chúa Nguyễn Phúc Lan mới bắt đầu dời chính dinh đến Kim Long vào năm Dương Hòa đầu năm (1635) và thời chúa Nguyễn Phúc Tần mới dời qua Phú Xuân.”

“Chúng ta có cơ sở để khẳng định đội Hoàng Sa ra đời sớm nhất từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), hay chắc chắn hơn từ thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687). Bởi chính thời kỳ này, các thuyền của Đội Hoàng Sa mới đi vào cửa Eo (Thuận An) và nộp sản vật tại chính dinh Phú Xuân.”

Sang thời Tây Sơn, sách *Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông* ghi rõ: “Trong thời gian từ năm 1771 đến 1801, gần như lúc nào cũng có chiến tranh, trên đất liền cũng như ngoài Biển Đông, từng khu vực có lực lượng hoặc do Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh hoặc quân Tây Sơn làm chủ.”

“Chỉ trong vài năm bị đình đốn, ngày 15 tháng giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) cai hợp Hà Liễu ở phường Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) thuộc xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi đã làm đơn xin với chính quyền Tây Sơn được lập lại hai đội Hoàng Sa và Quế Hương, sẵn sàng vượt biển ra các cù lao (đảo) ngoài biển để làm nhiệm vụ theo thông lệ và sẵn sàng ứng chiến chống kẻ xâm phạm”. Thêm một cứ liệu khác: “Năm Thái Đức thứ 9 (1786)- Niên hiệu Nguyễn Nhạc- ngày 14 tháng 2 (Âm lịch) chính quyền Tây Sơn ra quyết định sai phái Hội Đức Hậu, cai đội Hoàng Sa, cưỡi 4 chiếc thuyền vượt biển ra

thăng Hoàng Sa cùng các xứ cù lao ngoài biển.

Theo các tư liệu còn lưu lại cho thấy, người phụ trách dân binh với chức Thái phó, một chức quan lớn trong triều. Chính quyền Tây Sơn còn yêu cầu các thuyền của đội Hoàng Sa phải mang biển hiệu thủy quân, song lại nhắc nhở không được lấy danh nghĩa thủy quân mà làm càn, bắt nạt dân làm muối và đánh cá.”

2.4.2. Chỉ thị của Thái phó Tổng lý Quân binh dân cư vụ Thượng tướng công.

Đây là chỉ thị của quan Thái phó nhà Tây Sơn cho Cai đội Hoàng Sa đi thuyền ra quần đảo Hoàng Sa và các đảo trên Biển Đông thu lượm hoá vật. Điều này chứng tỏ dưới thời Tây Sơn đội Hoàng Sa vẫn tiếp tục tồn tại và duy trì hoạt động. Tài liệu này được lưu giữ tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh, nay là thôn Tây xã Lý Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên văn chữ Hán

示止

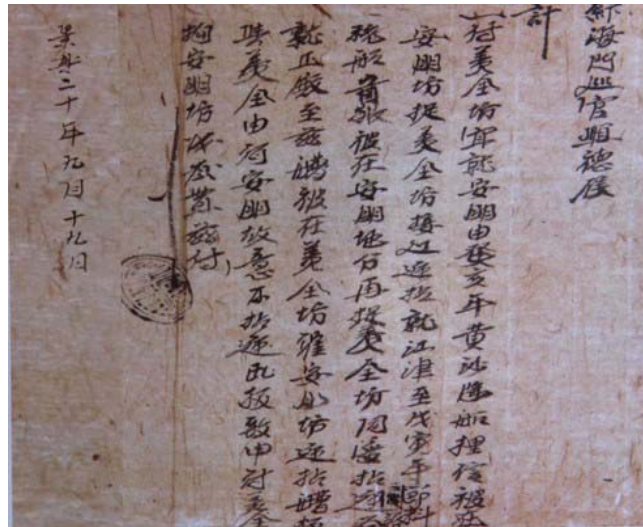
大傅總理步兵民請務上將公。

計：

一差黃沙隊該會德候選糧庫內隊牌始鈞船牌隻，過海直到黃沙并均嶼海外等處，尋取銀金銅器及大砲小砲玳瑁海巴中，賣魚各項，課載調回貴京會納和例。若望慢不計更計除各賣物及生事誤民有罪。茲差。

泰德九年二月十四日。

Chỉ thị của Quan Thái phó nhà Tây Sơn cho Cai đội Hoàng Sa đi thuyền ra quần đảo Hoàng Sa và các đảo trên biển Đông thu lượm hóa vật.
Ảnh: <http://biendong.net>

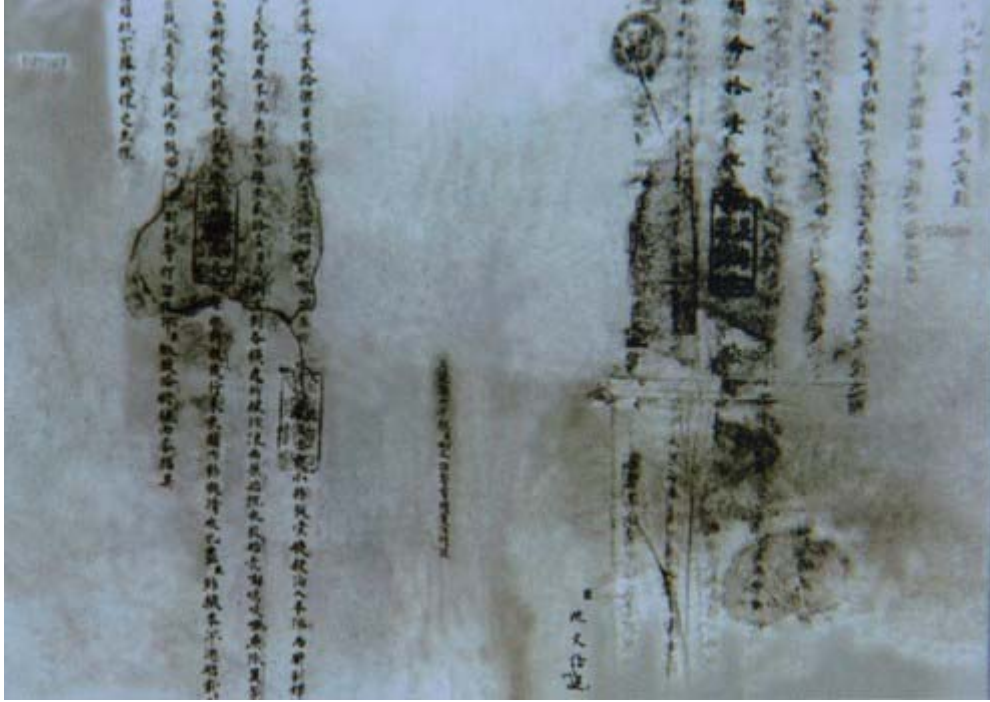


Văn bản phát hiện ở làng Mỹ Lợi, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế với nội dung xử lý vụ kiện giữa phường Mỹ Toàn (nay là làng Mỹ Lợi, xã Vinh Mỹ) và phường An Bằng (xã Vinh An) về việc tranh chấp một chiếc vỏ thuyền của đội Hoàng Sa dạt vào bờ biển giáp ranh giữa hai phường này. Văn bản cho thấy, năm 1760, dưới thời vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786) đã có cai đội Hoàng Sa chuyên trách quản lý và khai thác sản vật ở quần đảo Hoàng Sa. Bản gốc bằng chữ Hán được viết trên giấy dó.

Mặc dù tình hình đất nước thời đó xảy ra nhiều cuộc chiến tranh nhưng Chúa Nguyễn, Nhà Tây Sơn cũng không quên tiếp tục việc gìn giữ chủ quyền với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. "Dấu ấn" này đã mang tính công vụ Nhà nước thời bấy giờ chứ không phải hoạt động đánh cá hay thuyền buôn thông thường của người dân.

Nhà Nguyễn tiếp tục khắc đậm "dấu ấn Việt Nam" trên Biển Đông

Ngay sau khi thay thế Nhà Tây Sơn, vua Nhà Nguyễn không chỉ tập trung vào việc trị an đất nước mà còn lập lại đội Hoàng Sa. Sách *Dấu ấn Việt Nam trên biển Đông* chỉ rõ: “Chỉ một năm sau khi lên ngôi hoàng đế, tháng 7 năm Quý Hợi (1803), vua Gia Long đã cho lập lại đội Hoàng Sa. *Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, quyển 12* viết: “Lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm thủ ngự của biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa”.



Một bản triều Nguyễn trong sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 165 năm Minh Mạng thứ 17 (1836) ghi lại Bộ công tâu lên triều đình nội dung: "Cương giới mặt biển ta có xứ Hoàng Sa rất hiểm yếu"

Tiếp nối các đời vua Nhà Nguyễn từ Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... việc duy trì Hải đội Hoàng Sa rất đều đặn. Hải đội Hoàng Sa dưới thời Nguyễn có tầm quan trọng như một lực lượng "đặc nhiệm" để bảo vệ chủ quyền. Sách viết: “Lực lượng thủy quân làm nhiệm vụ xác lập và thực thi chủ quyền này là một ‘lực lượng đặc nhiệm’ gồm kinh phái, tỉnh phái và dân binh địa phương trong đó có dân binh đội Hoàng Sa. Kinh phái đứng đầu là thủy quân cai đội hay thủy quân chánh đội trưởng chỉ huy cùng với lực lượng thủy quân lấy trong vệ thủy quân đóng ở kinh thành hay cửa Thuận An.”

Ngăn chặn âm mưu thôn tính Hoàng Sa từ trứng nước

Theo Hiệp ước Patenôtre được ký giữa Việt Nam và Pháp, Pháp sẽ là đại diện ngoại giao cho Việt Nam. Từ thời kỳ này, chính quyền thuộc địa Pháp đã có những hành động cụ thể để củng cố, khẳng định chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Sách *Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông* chỉ ra âm mưu “nhòm ngó” Hoàng Sa từ những năm 1909 của một chính quyền địa phương Quảng Đông. Thông qua bức thư của Lãnh sự Pháp Beauvais ở Quảng Châu gửi Bộ trưởng Bộ ngoại giao Pháp ngày 04.05.1909 cuốn sách đã chỉ ra những nội dung sau:

“- Do ảnh hưởng của việc Nhật chiếm Pratas, Trung Quốc muốn bắt

đầu chiếm luôn quần đảo Paracel gần Hải Nam (Quần đảo Hoàng Sa).

- Cuộc khảo sát trái phép đầu tiên (của Trung Quốc- PV) là của Ngô Kính Vinh đã cho thấy ở mỗi đảo Hoàng Sa đều có một ngôi miếu nhỏ xây kiểu nhà đá (tất cả tường mái là đá san hô và vỏ sò).

- Các ngư dân Việt Nam mang cả vợ con đến sống ở Hoàng Sa bị đối xử tàn tệ, vợ con bị bắt đến đảo Hải Nam.”

Cuốn sách đã chỉ ra nhiều sự kiện thực thi chủ quyền thay Việt Nam của chính phủ Pháp. Nhưng đáng chú ý nhất là: “Ngày 13.04.1930, Thông báo hạm Malicieuse do thuyền trưởng De Lattre điều khiển đi ra quần đảo Trường Sa theo chỉ thị của Toàn quyền Đông Dương để dựng bia chủ quyền chiếm giữ đảo Trường Sa và các đảo phụ thuộc. Hoạt động này đã được toàn quyền Đông Dương báo cáo lên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp tại Paris (Điện số 689 ngày 18.04.1930).

Ngày 23.09 .1930, Pháp gửi thông báo ngoại giao cho các cường quốc về việc Pháp đã chiếm đóng quần đảo Trường Sa.” Ngoài những hoạt động về ngoại giao và thông báo chính quyền Pháp còn thay mặt Việt Nam thực thi việc chiếm hữu liên tục, thực sự. Sách viết: “Năm 1938, Pháp bắt đầu phái các đơn vị bảo an tới các đảo và xây dựng hải đăng, một trạm khí tượng (OMM đăng ký số 48860 ở đảo Hoàng Sa và số 48859 ở đảo Phú Lâm).

Ngày 15.06 .1938, Pháp xây xong trạm khí tượng ở trạm Ba Bình quần đảo Trường Sa.”

“Tháng 6 năm 1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam được phái ra đồn trú tại quần đảo Hoàng Sa. Một bia chủ quyền được dựng trên đảo Hoàng Sa với dòng chữ: “Respublique Francaise_ Royaume d’Annam- Archipel de Pacel 1816- Ile de Pattle 1938”. Việc thực thi chủ quyền của Việt Nam dưới thời kỳ Pháp làm đại diện diễn ra liên tục và thực sự. Người Pháp đã thay Việt Nam xây dựng nhiều công trình ghi dấu ấn chủ quyền như bia chủ quyền, trạm khí tượng và hải đăng... và công bố chủ quyền cho các cường quốc....

Liên tục thực thi chủ quyền trên Biển Đông trong bất kỳ hoàn cảnh nào

Lợi dụng Việt Nam đang đối phó với sự trở lại của Pháp và lo kháng chiến chống Pháp, quân Tưởng Giới Thạch đã kéo quân xuống chiếm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sách viết: "Ngày 26.10.1946, hạm đội đặc biệt của Trung Hoa dân quốc gồm 4 chiến hạm, mỗi chiếc chở một số đại diện của các cơ quan và 59 binh sĩ thuộc trung đội độc lập của hải quân lấy có giải giáp quân Nhật ra chiếm các đảo quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Ngày 29.11.1946, các tàu Vĩnh Hưng và Trung Kiên tới quần đảo Hoàng Sa. Tàu Thái Bình và Trung Nghiệp đến Trường Sa.”



Bia chủ quyền do Pháp thay mặt Việt Nam xây dựng trên quần đảo Hoàng Sa. Ảnh: Tư liệu

Trước tình hình đó, “ngày 13 .01 .1947, Chính phủ Pháp chính thức phản đối sự chiếm đóng bất hợp pháp của Trung Quốc với quần đảo Hoàng Sa” Sách *Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông* cũng lý giải: “Trong hoàn cảnh lịch sử cuối năm 1946 đầu năm 1947, Việt Nam đã giành được độc lập từ năm 1945, không còn ràng buộc vào hiệp định Patenôtre (1884) với Pháp, song Pháp cho rằng theo Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3 năm 1946, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn nằm trong khối liên hiệp Pháp, về ngoại giao vẫn thuộc Pháp nên Pháp vẫn thực thi quyền đại diện Việt Nam trong vấn đề chống lại xâm phạm chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.”

Sách viết: “Ngày 1.10.1949, nước CHND Trung Hoa ra đòi, đơn vị đồn trú của Trung Hoa Dân quốc phải rút khỏi Phú Lâm, trong khi Pháp vẫn duy trì đồn trú tại đảo Hoàng Sa.

Sau Hiệp định Genève ký kết ngày 20.7.1954 chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất của nước Việt Nam.

Ngày 14.10.1950, Chính phủ Pháp chính thức trao lại cho chính phủ Bảo Đại việc quản lý và bảo vệ Hoàng Sa. Tổng trấn Trung phần, Phan Văn Giáo, đã chủ trì việc ban giao này.”

Dù trong giai đoạn nào, Việt Nam luôn thực thi chủ quyền của mình trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Việc bảo vệ, quản lý,

xây dựng, gìn giữ chủ quyền của Nước CHXHCN Việt Nam được sách *Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông* ghi chép khá đầy đủ. Trong phạm vi bài viết này, người viết không thể đưa hết nội dung của những mốc thời gian, những việc khẳng định, thực thi chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông mà chỉ trích lược một vài dấu mốc chính trong cuốn sách. Nội dung được trình bày trong trọn vẹn trong Chương 3 (từ trang 77 đến hết trang 134).

Nguồn trích: Bộ Thông tin và truyền thông: <http://infonet.vn/>

Chủ quyền biển đảo của Việt Nam từ các bản đồ trong lịch sử

Tiếp cận từ khía cạnh các tư liệu bản đồ, được tiến hành đo đạc, xác lập từ thế kỷ thứ XV (có thể lâu hơn nữa) đã cho thấy một lát cắt hoàn chỉnh về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Những chứng cứ này đã biến yêu sách "đường lưỡi bò" của Trung Quốc trở nên vô lý đối với các nước ven biển ASEAN và cộng đồng quốc tế yêu hòa bình, công lý.

Với khoảng hơn 1000 bản đồ lớn nhỏ, dài rộng khác nhau của các học giả trên khắp thế giới, kể cả các học giả người Trung Quốc, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu khẳng định, đây là những tài liệu rất quan trọng

để Chính phủ sử dụng trong trường hợp một Tòa án quốc tế có thẩm quyền được lập để giải quyết vấn đề phức tạp tại Biển Đông hiện nay.

Chủ quyền biển đảo Việt Nam được xác lập từ thế kỷ XV

Trong kho tư liệu bản đồ mà nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu cung cấp, có một bản đồ cổ hiếm hoi được ghi nhận ra đời từ thế kỷ thứ XV. "Thực ra có thể có nhiều tấm bản đồ cổ hơn nữa nhưng trải qua thời gian, chiến tranh và biến cố của thời cuộc nên hầu hết đã bị thất lạc" - ông Nguyễn Đình Đầu cho biết.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, từ khi Việt Nam giành được quyền tự chủ vào năm 939, bản thân chính quyền và các học giả Trung Hoa khi đó đã bắt đầu vẽ bản đồ nước ta, song chủ yếu là phần đất liền. Phải đến các thế kỷ sau đó, Biển Đông và các hải đảo của Việt Nam mới bắt đầu được mô tả trên bản đồ. Theo các tài liệu thu thập được, hiện còn 3 tập bản đồ thể hiện khá rõ chủ quyền lãnh hải và đất liền của Việt Nam, gồm: Bản đồ Giao Chỉ Quốc – Giao Chỉ Dương (trích từ bản đồ Võ Bị Chí được vẽ từ khoảng thế kỷ XV); Bản đồ diên cách Việt Nam Đông Đô – Việt Nam Tây Đô với Đông Dương Đại Hải của Ngụy Nguyên (khoảng năm 1842) và Bản đồ An Nam Quốc với Đông Nam Hải.

Trong số các bản đồ này thì tập bản đồ Võ Bị Chí có thể hiện một bán đảo lớn, đề rõ Giao Chỉ Quốc, trong đó phía Đông là biển cả được ghi rõ

Giao Chỉ Dương. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, vào giai đoạn này nước ta tự xưng tên gọi là Đại Việt, Trung Quốc gọi là An Nam Quốc. Tuy Võ Bị Chí vẫn gọi nước ta theo tên Giao Chỉ cổ đại nhưng cũng đã tỏ ra tôn trọng chủ quyền của nước ta ở trên lục địa lẫn Biển Đông.

Sau này, Ngụy Nguyên ghi vẽ lại bản đồ diên cách Việt Nam khá chính xác gồm: Việt Nam Đông Đô (tức Đàng Ngoài) và Việt Nam Tây Đô (tức Đàng Trong). Ở ngoài khơi Việt Nam Đông Đô là quần đảo Vạn Lý Trường Sa tức quần đảo Hoàng Sa ngày nay. Ngoài khơi thuộc Việt Nam Tây Đô là quần đảo Thiên Lý Thạch Đường, tức Trường Sa. Ngoài khơi biển cả được ghi rõ là Đông Dương Đại Hải.

Ngoài ra, trên bản đồ An Nam Quốc, Ngụy Nguyên cũng đã ghi lại nhiều địa danh các vương quốc phụ thuộc làm cho ranh giới chiếm phần lớn bên hữu ngạn sông Mê Kông, nay thuộc Thái Lan. Ngoài Biển Đông, Ngụy Nguyên ghi rõ là Đông Nam Hải, chứng tỏ chủ quyền của Việt Nam trên lục địa và biển cả là rộng lớn và được tôn trọng hiển nhiên.

Trong các văn bản chính thống, Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đã chứng minh chủ quyền và quá trình khai thác và làm chủ các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Trong sách Phủ Biên Tạp Lục (1777), Lê Quý Đôn viết: "Xã An

Vĩnh thuộc huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi ở gần bãi biển. Về hướng đông bắc có nhiều đảo và nhiều núi linh tinh hơn 130 đỉnh... ở trong các hòn đảo có bến Cát Vàng, chiều dài ước chừng hơn 30 dặm... những thuyền lớn đi biển thường khi gặp gió bão đều đến nương đậu ở đảo này. Họ Nguyễn còn thiết lập đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở xã An Vĩnh bổ sung... một đội Bắc Hải chèo thuyền ra cù lao Côn Lôn... hoặc đi đến các xứ Côn Tụ vùng Hà Tiên để tìm kiếm".

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu cũng lưu giữ được hai bản đồ quý từ thế kỷ XV - XVII, gồm An Nam Quốc (Hồng Đức 1490) và Vương quốc An Nam (Alexandre de Rhodes, 1650) cũng biểu hiện khá rõ thêm lục địa, Biển Đông và hải đảo Việt Nam đương thời. Sau này vào thời Gia Long, là thời kỳ đầu tiên thống nhất nước ta từ ngoại giao đến nội trị, từ quốc phòng đến hành chính, từ khai thác hầm mỏ đến bảo vệ hải đảo. Đây là giai đoạn mà các tài liệu được ghi chép hết sức tỉ mỉ về các quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông. Riêng về ghi chép bản đồ, thời kỳ này có hai bản đồ An Nam Đại Quốc Họa Đồ (Taberd 1838) và Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ (1840) thể hiện khá đầy đủ tình hình thêm lục địa, Biển Đông và hải đảo Việt Nam.

Nguồn trích: Theo Báo Đại Đoàn Kết
<http://daidoanket.vn/>



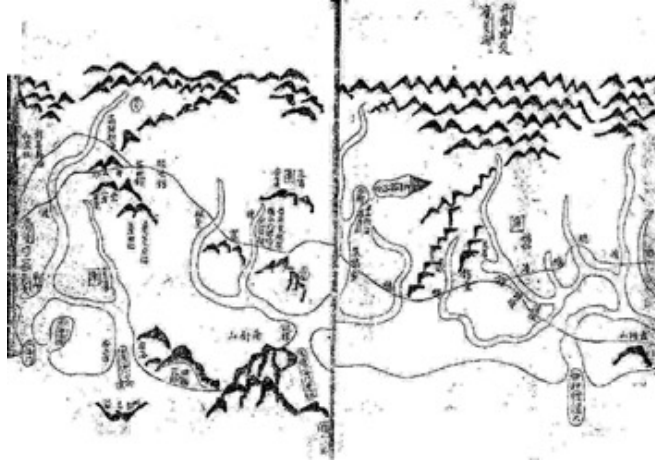
Đại Nam Nhất Thống toàn đồ. Trên bản đồ có ghi hai tên “Hoàng Sa” và “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam. Ảnh: Tư liệu



Châu bản triều Nguyễn nói về việc vua Gia Long sai Phạm Quang Ảnh ra Hoàng Sa. Ảnh: Tư liệu



Sắc phong dòng họ Đặng ở đảo Lý Sơn-Bằng chứng về Hải đội Hoàng Sa thực thi chủ quyền trên Biển Đông. Ảnh: Tư liệu



*Hồng Đức Bản Đồ vẽ rõ địa thế xứ Đàng Trong cuối thế kỷ 18.
Bãi Cát Vàng được vẽ ở ngoài khơi phủ Quảng Ngãi
Ảnh: Báo Đà Nẵng*

Thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa của các triều đại Việt Nam

Nhiều bộ sách lịch sử của nước ta còn lại đến nay đã ghi nhận việc phân định hải giới giữa nước ta với láng giềng phương Bắc một cách trực tiếp vào năm Canh Dần (990). Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (1675) chép, vào năm đó sứ Tổng sang, vua Lê Đại Hành "sai nha nội cho Chỉ huy sứ là Đinh Thừa Chính đem 9 thuyền dẫn 300 người đến Thái Bình Quân (nay là Quảng Đông, Trung Quốc) để đón". Trong cuốn Hành Lục Tập, sứ giả Trung Quốc bấy giờ là Tống Cảo thừa nhận điều này: "Cuối thu năm ngoái, bọn Cảo chúng tôi tới hải giới Giao Chỉ, Nha nội đô chỉ huy sứ của Hoàn là Đinh Thừa Chính đem 9 chiến thuyền và 300 quân đến Thái Bình Trường để đón". Việc vua Lê Thánh Tông cho lập bản đồ toàn quốc "Hong Đức Bản Đồ"

vào năm Canh Tuất (1490), trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa cho thấy trước đó hai quần đảo này đã thuộc chủ quyền của Đại Việt và nhà Hậu Lê sau khi chiến thắng quân Minh đã hết sức quan tâm tới việc xác lập biên giới quốc gia, khẳng định chủ quyền lãnh thổ trong đó có vùng biên, đảo. Căn cứ vào Hồng Đức Bản Đồ, Đỗ Bá tự Công Đạo đã soạn ra bộ sách Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư (1630 – 1653), ở quyển 1 có thể hiện địa mạo phủ Quảng Ngãi, phần chú thích trên bản đồ có nói tới Bãi Cát Vàng tức quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ngày nay. Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư theo lệnh của Chúa Trịnh những năm Chính Hòa (1689-1705) là văn kiện chính thức của Nhà nước phong kiến bấy giờ. "Bãi Cát Vàng"

được ghi chú trong bản đồ phản ánh việc thực thi chủ quyền của Nhà nước phong kiến Việt Nam trên Biển Đông trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa muộn nhất là vào thế kỷ thứ XV. Các Chúa Nguyễn cai quản xứ Đàng Trong cũng rất quan tâm quản lý, khai thác, xác lập và bảo vệ chủ quyền tại Hoàng Sa. Theo sử sách, việc thành lập đội Hoàng Sa phải có trước hoặc muộn nhất kể từ thời Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687). Khi Tây Sơn khởi nghĩa, Chúa Nguyễn chạy vào Gia Định thì đội Hoàng Sa tiếp tục đặt dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn. Ngay sau khi lên ngôi, chỉ một năm sau, vua Gia Long (1803) đã ra chỉ dụ củng cố đội Hoàng Sa. Năm 1815, vua Gia Long tiếp tục sai đội Hoàng Sa đi đo đạc thủy trình và vẽ bản đồ Hoàng Sa. Năm 1816, vua Gia Long cho cắm cờ quốc gia trên quần đảo Hoàng Sa và sai thủy quân ra đồn trú tại đây để thu thuế và bảo trợ ngư dân đánh cá trong vùng. Từ đó cho đến suốt thời kỳ nhà Nguyễn, thủy quân Việt Nam đều đặn đi vãng thám, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ, cắm mốc, dựng bia chủ quyền và rất nhiều hoạt động khác để thực thi chủ quyền trên hai quần đảo này.

Trong suốt thời Chúa Nguyễn hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa luôn được đặt trong khu vực quản lý hành chính của Thừa Tuyên Quảng Nam dưới danh nghĩa nhà Lê, thuộc Quảng Ngãi lúc là phủ khi là trấn trong thực tế tự trị của xứ Đàng Trong. Bởi từ khi Nguyễn Hoàng

vào trấn thủ Thuận Quảng (1600) cho tới khi chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) xưng vương năm 1744, trên danh nghĩa chúa Nguyễn vẫn là quan trấn thủ Thừa Tuyên Quảng Nam của Đại Việt, do vua Lê trị vì. Do vậy, việc thực thi chủ quyền tại Hoàng Sa, Trường Sa của các Chúa Nguyễn vẫn dưới danh nghĩa triều đình Đại Việt. Phủ Quảng Ngãi có huyện Bình Sơn quản lý xã An Vĩnh. Sang đời Tây Sơn, phủ Quảng Ngãi được đổi tên thành phủ Hòa Nghĩa. Năm 1801, Hòa Nghĩa được đổi lại như cũ là Quảng Ngãi (hay Nghĩa do cách đọc), có bộ máy quan lại cai trị từ phủ đến xã. Đến đầu triều Nguyễn, khi dân hai phường Cù lao Ré phát triển, xin tách khỏi hai làng cũ ở đất liền trở thành nơi cung cấp dân binh chủ yếu cho đội Hoàng Sa. Đội trưởng Phạm Quang Ảnh năm 1815 là người xã An Vĩnh, đảo Cù lao Ré nay thuộc thôn Đông, xã Lý Vĩnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Mặc dù bị mất mát rất nhiều song các tài liệu cổ sử còn sót lại vẫn ghi nhận rõ ràng việc các vua chúa Việt Nam nhiều thời kỳ đã đặc biệt quan tâm xác lập chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nếu không có sự quan tâm và các chỉ dụ cụ thể như thế thì ngày nay sẽ không có những bản đồ như Hồng Đức Bản Đồ (1490), Toàn tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư (1630-1705), hoặc Thuận Hoá Quảng Nam Địa Đồ Nhật Trình có vẽ bãi Trường Sa ở phía ngoài xã Du Trường (tức Cù lao Ré) chú thích đi mất 2 ngày mới tới.

Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, quyển 8 có chép: "Năm Tân Mão, Hiến Minh Hoàng Đế năm thứ 20 (1711), mùa hạ, tháng 4 (âm lịch) sai đo bãi cát Trường Sa dài ngắn, rộng hẹp bao nhiêu". Trước khi lên ngôi hoàng đế (1802), Nguyễn Ánh cũng từng nhờ người Pháp đo đạc giúp hải trình ở Biên Đông trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sau khi lên ngôi, vua Gia Long tiếp tục chỉ dụ đo đạc, vẽ bản đồ ở Hoàng Sa và Trường Sa như đã trình bày ở trên. Sang đời vua Minh Mạng, việc đo đạc chủ yếu giao cho thủy quân và thuê dân địa phương hướng dẫn hải trình. Nhiệm vụ đo đạc ở Hoàng Sa và Trường Sa được quy định rất rõ. Đại Nam Thực Lục Chính Biên quyển 165 và Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ quyển 221 chép: "Không cứ đảo nào, cửa bể nào thuyền chạy đến, sẽ đo nơi ấy chiều dài, chiều ngang, bề cao, bề rộng, chu vi bao nhiêu, rìa bên bờ nước bề nông hay sâu. Có cát ngầm đá mỏm hay không, ở tình thế hiểm trở hay bình thường, xem đo tờ tường vẽ thành đồ bản, chiếu khi khởi hành, do cửa nào ra bể, trông phương hướng nào mà lái đến nơi ấy, cứ theo đường thủy đã đi khấu tính ước được bao nhiêu dặm đường, lại ở chôn ấy trông vào bờ bể đối thẳng là tỉnh hạt nào và phương hướng nào. Ước lượng cách bờ bao nhiêu dặm đường. Ghi nói minh bạch trong họa đồ để về trình lên. Lại từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng chiếu theo lệ ấy mà làm". Việc đo vẽ

bản đồ Hoàng Sa và Trường Sa được nhà Nguyễn hết sức quan tâm, sử liệu cũng ghi nhận nhiều quan lại, quân lính bị phạt nặng do không hoàn tất công việc theo chỉ dụ của nhà vua, Bộ Công buộc họ phải làm lại. Nhờ các hoạt động đo đạc chi tiết, cẩn thận như vậy hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trước thời Minh Mạng vốn được xem là một "Bãi Cát Vàng", có khi gọi là "Vạn Lý Trường Sa", nay đã được vẽ lại (Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ) ghi rõ ràng hai tên khác nhau cho hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Bên cạnh việc đo vẽ bản đồ, nhà Nguyễn cũng đã nhiều lần khẳng định chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa bằng việc cho cắm cờ, cắm mốc, dựng bia chủ quyền trên hai quần đảo này. Năm 1816 vua Gia Long đã sai người ra cắm cờ trên đảo Hoàng Sa.

Những người Pháp cộng tác với vua Gia Long như Đức Giám mục Taberd viết rất rõ về việc này: "Vào năm 1816 Ngài (Gia Long) đã long trọng treo tại đó (Hoàng Sa) lá cờ của xứ Đàng Trong". Hành động này là dấu mốc quan trọng trong việc xác lập chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa, nên nhiều người phương Tây chứng kiến đều khẳng định vua Gia Long đã chính thức xác lập chủ quyền của mình trên quần đảo này trong sách của họ. Từ thời vua Minh Mạng, lực lượng thủy quân làm nhiệm vụ thực thi chủ quyền được phiên chế như một "lực lượng đặc nhiệm" gồm kinh phái,

tinh phái và dân binh địa phương mà chủ yếu là dân binh đội Hoàng Sa. Nhiệm vụ của "lực lượng đặc nhiệm" này luôn được đích thân hoàng đế chỉ dụ cụ thể. Cũng chính nhà vua theo dõi diễn tiến để thưởng phạt công minh. Đại Nam Thực Lục Chính Biên chép, mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm gỗ dài 4,5 thước rộng 5 tấc để làm cột mốc chủ quyền, trên cột mốc có khắc rõ niên hiệu, năm, chức vụ, họ tên viên chỉ huy thủy quân, được phụng mệnh ra Hoàng Sa và lưu dấu để ghi nhớ.

Các triều đại phong kiến Việt Nam trong lịch sử từ lâu đã chú ý đến cương vực lãnh thổ trên biển mà đặc biệt là khu vực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bằng các hoạt động cụ thể, được sử liệu ghi chép đầy đủ, các triều đại phong kiến Việt Nam đã xác lập, thực thi chủ quyền một cách hoà bình và liên tục trong suốt nhiều thế kỷ.

Nguồn trích: Theo Báo Đại Đoàn Kết
<http://daidoanket.vn/>

Chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam thời Pháp thuộc

Từ khi triều đình nhà Nguyễn ký Hòa ước Giáp Thân (1884) với Chính phủ Pháp nước ta bước vào thời kỳ mà các sử gia gọi là Thời kỳ Pháp thuộc. Trong thời kỳ này, chính quyền thuộc địa Pháp thay mặt Nam Triều trong những quan hệ ngoại giao, đồng thời đảm bảo chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Trong khuôn khổ của những cam kết chung, Pháp tiếp tục thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trên thực tế, chính quyền thuộc địa Pháp đã có nhiều hành động cụ thể liên tục củng cố, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo này.



Hải đăng Việt Nam trên đảo Hoàng Sa thời Pháp thuộc. Ảnh: Tư liệu

Theo báo La Nature số 2916 ngày 1-11-1933, năm 1899 Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đã ra lệnh xây dựng một hải đăng trên đảo Hoàng Sa. Tuy nhiên, dự án này đã không thực hiện được vì thiếu kinh phí. Về sự kiện này, tờ La Nature nhận xét: "Chính phủ Pháp đã thiết lập sự đô hộ của họ đối với An Nam mà những hòn đảo này (quần đảo Hoàng Sa) thuộc lãnh thổ của An Nam, nên Pháp có quyền sở hữu và trách nhiệm coi sóc đối với lãnh thổ mới này. Phải nhận thấy rằng họ đã hoàn toàn phớt lờ trách nhiệm cho đến hôm nay. Lý do vì lợi tức ít ỏi hoàn toàn không biện bạch được cho sự thờ ơ này". Tuy vậy, hải quân Pháp vẫn thường xuyên tuần tiễu vùng biển này để giữ an ninh và cứu giúp các tàu thuyền bị đắm.

Các động thái ít ỏi của chính quyền thuộc địa Pháp tại Đông Dương trong giai đoạn đầu cho thấy sự quan tâm chưa đầy đủ của người Pháp tới hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Chính thái độ này của Pháp đã tạo điều kiện cho một vài nước gia tăng các hoạt động của họ trên vùng Biển Đông dẫn tới nguy cơ đe dọa chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam mà nước Pháp đã cam kết bảo hộ. Từ năm 1909, Trung Quốc bắt đầu đòi hỏi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa ở một mức độ nhất định. Một lần trong năm 1909, chính quyền tỉnh Quảng Đông cho tàu chiến ra thám sát trái phép quần

đảo Hoàng Sa. Ngày 20-3-1921, Tỉnh trưởng Quảng Đông ký một sắc lệnh kỳ lạ sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào Hải Nam. Tuy hành động xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc chỉ diễn ra trên giấy tờ, nhưng Pháp cho rằng đây là hành vi nghiêm trọng. Khâm sứ Trung Kỳ LeFol viết trong thư ngày 22-1-1926 gửi Toàn quyền Đông Dương: "Sau khi Trung Quốc có yêu sách vào năm 1909, vì nước Pháp thay mặt nước An Nam về quan hệ đối ngoại theo Hiệp ước bảo hộ, đáng lẽ phải khẳng định quyền của nước được bảo hộ đối với các đảo hữu quan, thì trái lại hình như hoàn toàn không quan tâm đến". Cũng trong bức thư trên, ông LeFol cho biết, Thượng thư Bộ Binh Thân Trọng Huề của Nam Triều đã có văn thư ngày 3-3-1925 khẳng định: "Các đảo nhỏ đó (quần đảo Hoàng Sa) bao giờ cũng là sở hữu của nước An Nam, không có sự tranh cãi trong vấn đề này".

Trước các chỉ trích của dư luận cũng như thực tế diễn biến phức tạp trên Biển Đông, từ đầu thế kỷ XX, Pháp đã bắt đầu có những động thái tích cực hơn trong việc khẳng định chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bên cạnh việc gìn giữ an ninh trên Biển Đông, các năm 1917-1918 trong báo cáo của chính quyền Pháp tại Đông Dương có đề cập đến việc lắp đặt đài radio TSF, trạm quan sát khí tượng, hải đăng trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.



*Đụ số 10 của hoàng đế Bảo Đại ký ngày 29-3-1938
khẳng định chủ quyền lâu đời của Việt Nam trên hai quần đảo
Hoàng Sa và Trường Sa.*

Năm 1925, Viện Hải Dương Học và Nghề Cá Đông Dương cử tàu De Lanessan ra khảo sát quần đảo Hoàng Sa. Ngoài tiến sĩ Krempf, Giám đốc Viện Hải Dương Học, còn có nhiều nhà khoa học khác tham gia nghiên cứu về địa chất, về sinh vật... Các nhà khảo sát đã phát hiện một tầng đá vôi phosphat dày khoảng 1 mét với hàm lượng phosphoric từ 23% đến 25% trong tầng mặt và 42% ở tầng sâu. Sự khám phá này mở ra cơ hội cho công việc khai thác phân bón phosphat về sau. Năm 1927, Sở Địa chất và Sinh học Đại Dương cho người ra khảo sát ở quần đảo Trường Sa. Các cuộc khảo sát khoa học đã đưa tới kết luận Hoàng Sa và Trường Sa là sự nhô lên của một thềm lục địa liên tục nhờ các địa

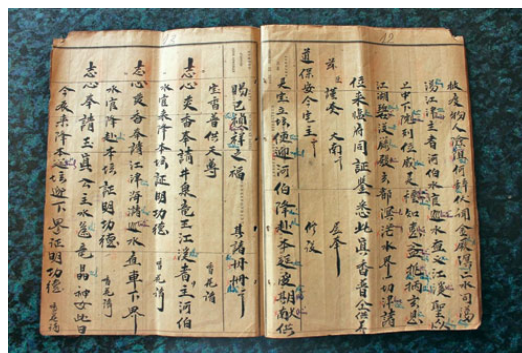
tầng dưới biển kéo dài dãy Trường Sơn từ đèo Hải Vân ra Biển Đông. Nếu nước biển rút xuống khoảng 600-700m, Hoàng Sa và Trường Sa sẽ gắn với bờ biển Việt Nam thành một dải đất liền thống nhất.



*Trụ sở hành chính của Việt Nam trên
đảo Hoàng Sa trước năm 1945.
Ảnh: Tư liệu*

Ngày 8-3-1925, Toàn quyền Đông Dương ra tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Pháp. Tháng 11-1928, Thống đốc Nam Kỳ cấp giấy phép nghiên cứu mỏ ở quần đảo Trường Sa cho Công ty Phosphat Bắc Kỳ Mới. Trong thư ngày 20-3-1930, Toàn quyền Đông Dương gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp xác nhận: "Cần thừa nhận lợi ích nước Pháp có thể có trong việc nhân danh An Nam, đòi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa". Ngày 13-4-1930, thông báo hạm La Malicieuse ra quần đảo Trường Sa và treo quốc kỳ Pháp. Thông cáo ngày 23-9-1930 của Chính phủ Pháp cho biết về hành động chiếm đóng thực thi chủ quyền của Pháp trên quần đảo Trường Sa. Ngày 4-12-1931 và ngày 24-4-1932, Pháp phản kháng Trung Quốc về việc chính quyền Quảng Đông lúc đó có ý định cho đầu thầu khai thác phosphat trên quần đảo Hoàng Sa. Ngày 15-6-1932, chính quyền thuộc địa Pháp ra Nghị định số 156-SC ấn định việc thiết lập một đơn vị hành chính gọi là quận Hoàng Sa tại quần

đảo Hoàng Sa. Ngày 13-4-1933, một hạm đội của hải quân Pháp ở Viễn Đông dưới sự chỉ huy của trung tá hải quân De Lattre rời Sài Gòn ra quần đảo Trường Sa thực hiện đầy đủ các nghi thức truyền thống theo đúng tập quán quốc tế về việc chiếm hữu lãnh thổ tại đây. Ngày 26-7-1933, Bộ Ngoại giao Pháp ra thông báo đăng trên tờ Công báo Pháp về việc hải quân Pháp chiếm hữu một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Thông báo ghi rõ những hải đảo và tiêu đảo ghi trong văn bản này kể từ nay đã thuộc chủ quyền nước Pháp. Ngày 21-12-1933, Thống đốc Nam Kỳ Krautheimer ký Nghị định số 4762, sáp nhập các đảo thuộc quần đảo Trường Sa (Spratley) nằm trên Biển Đông vào tỉnh Bà Rịa. Trong năm 1937, chính quyền Pháp cử kỹ sư công chính Gauthier ra quần đảo Hoàng Sa nghiên cứu vị trí xây dựng hải đăng, căn cứ cho thủy phi cơ; tuần dương hạm Lamotte Piquet do Phó Đô đốc Istava chỉ huy ra thăm quần đảo Hoàng Sa.



*Trường Sa khoa - một sách hướng dẫn lễ khao lề thế lính Trường Sa.
Ảnh: Nguyễn Đăng Vũ chụp lại*

Nam Triều trong thời kỳ này tuy chỉ tồn tại trên danh nghĩa, song vẫn chưa bao giờ từ bỏ chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 29 tháng 2 năm Bảo Đại thứ 13 (30-3-1938), Hoàng đế Bảo Đại ký Dụ số 10 có nội dung: "Chiếu theo các cù lao Hoàng Sa thuộc về chủ quyền nước Nam đã từ lâu và dưới các tiên triều, các cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam Ngãi. Đến đời Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế vẫn để y như cũ là vì nguyên trước sự giao thông với các cù lao ấy đều do các cửa bể tỉnh Nam Ngãi. Nhờ sự tiến bộ trong việc hàng hải nên việc giao thông ngày nay có thay đổi, vả lại viên đại diện Chính phủ Nam Triều cũng phải ra kinh lý các cù lao ấy cùng qua các đại diện Chính phủ bảo hộ có tâu rằng nên thắp các cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên thời được thuận tiện hơn... "Trước chuẩn thắp nhập các

cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên; về phương diện hành Chính, các cù lao ấy thuộc dưới quyền quan hiến tỉnh ấy". Ngày 15-6-1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie ký Nghị định thành lập một đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên. Cũng trong năm 1938, một bia chủ quyền được chính quyền Pháp dựng lên mang dòng chữ: "Cộng hoà Pháp, Vương quốc An Nam, quần đảo Hoàng Sa, 1816 - đảo Pattle 1938", một hải đăng, một trạm khí tượng ở đảo Hoàng Sa (Pattle), một trạm khí tượng khác ở đảo Phú Lâm (Ile Boisée), một trạm radio TSF trên đảo Hoàng Sa (Pattle); cùng một bia chủ quyền, một hải đăng, một trạm khí tượng và một trạm radio TSF tương tự trên đảo Ba Bình (Ilu Aba). Tháng 6-1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam tới đồn trú ở Hoàng Sa.



Báo La Nature số 2916 ngày 1-11-1933 cho biết các hoạt động của chính quyền thực dân Pháp khẳng định chủ quyền thực tế trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thay mặt triều đình phong kiến Việt Nam bấy giờ. Ảnh: <http://daidoanket.vn>

Ngày 31-3-1939, Nhật Bản tuyên bố kiểm soát quần đảo Trường Sa và chuyển thông báo tới Đại sứ Pháp tại Nhật. Ngày 4-4-1939, Bộ Ngoại giao Pháp gửi công hàm phản đối quyết định của Nhật và khẳng định chủ quyền của Pháp tại quần đảo Trường Sa. Pháp được Anh ủng hộ trong cuộc tranh luận ngày 5-4-1939 tại Hạ Nghị viện, đại diện Bộ Ngoại giao Anh đã khẳng định chủ quyền quần đảo Trường Sa trọn vẹn thuộc nước Pháp. Ngày 5-5-1939, Toàn quyền Đông Dương J. Brévie ký Nghị định số 3282, sửa đổi Nghị định trước và thành lập 2 sở địa lý tại quần đảo Hoàng Sa. Do nhu cầu lập đầu cầu xâm chiếm Đông Nam Á, Nhật đã nhanh chóng chiếm đảo Phú Lâm (1938) và đảo Ba Bình (1939) thuộc quần đảo Trường Sa. Mãi đến ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương, Nhật mới bắt lính Pháp đồn trú ở quần đảo Hoàng Sa làm tù binh. Sau Chiến tranh Thế giới thứ II, Nhật rút khỏi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và một phân đội lính Pháp đã đổ bộ từ tàu Savorgnan de Brazza lên thay thế quân Nhật từ tháng 5-1945, nhưng đơn vị này chỉ ở đây vài tháng. Trong thời gian từ 20 đến 27-5-1945, Đô đốc D'Argenlieu, Cao ủy Đông Dương cũng đã phái tốc hạm L'Escamouche ra nắm tình hình đảo Hoàng Sa (Pattle) thuộc quần đảo Hoàng Sa.

Suốt thời kỳ Pháp thuộc, người Pháp chưa bao giờ tuyên bố phủ nhận chủ quyền của Vương quốc An Nam ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà nước Pháp có trách nhiệm bảo hộ. Mặc dù trong giai đoạn này bắt đầu có một số nước lên tiếng đòi hỏi chủ

quyền vô lý ở một số đảo, nhưng tất cả đều bị chính quyền Pháp kiên quyết phản đối. Những tư liệu lịch sử nói trên cho thấy, người Pháp cũng như người Việt trong thời điểm này chưa bao giờ từ bỏ chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cho đến khi thua trận rút khỏi Đông Dương, Chính phủ Pháp cũng đã bàn giao quyền quản lý vùng biển này lại cho một chính phủ tuy do Pháp dựng lên nhưng cũng là của người Việt Nam.

Nguồn trích: Theo báo Đại Đoàn Kết

<http://daidoanket.vn/>



Bức tượng Vệ sĩ dân chài trên đảo Hoàng Sa đứng ở phía tây nam đảo Hoàng Sa, có thể xưa kia được đặt trong ngôi miếu cổ khi nhà Nguyễn dựng miếu năm 1835 đã tìm thấy và ghi chép lại trong chính sử
Ảnh: http://daidoanket.vn

Chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam giai đoạn 1975 – 1991

Kể từ tháng 4-1975, Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản toàn bộ quần đảo Trường Sa và các đảo khác trên Biển Đông. Sau đó, nước Việt Nam thống nhất với tên gọi Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN), với tư cách kế thừa quyền sở hữu các đảo và quần đảo từ các chính quyền trước theo luật pháp quốc tế và sự liên tục của lịch sử, có trách nhiệm tiếp tục khẳng định và duy trì việc bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Cùng với các bản Hiến pháp các năm 1980, 1992, Luật Biên giới quốc gia năm 2003, Tuyên bố của Chính phủ CHXHCN Việt Nam ngày 12-11-1977 về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam, Tuyên bố của Chính phủ CHXHCN Việt Nam ngày 12-11-1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam trước sau như một đều khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, có các vùng biển riêng sẽ được quy định cụ thể trong các văn bản tiếp theo. Trong các năm 1979, 1981 và 1988, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam công bố các Sách Trắng về chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Các tài liệu này đã chứng minh hết sức rõ ràng chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

về tất cả các khía cạnh lịch sử, pháp lý và thực tiễn.

Xuất phát từ nhu cầu quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, ngày 09-12-1982 Hội đồng Bộ trưởng nước CHXHCN Việt Nam ra Nghị định tổ chức quần đảo Hoàng Sa thành huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng và tổ chức quần đảo Trường Sa thành huyện đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Ngày 28-12-1982, trong kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa VII nước CHXHCN Việt Nam đã ra Nghị quyết tách huyện đảo Trường Sa ra khỏi tỉnh Đồng Nai để sáp nhập vào tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa). Nghị quyết ngày 06-11-1996 kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX nước CHXHCN Việt Nam tách huyện đảo Hoàng Sa ra khỏi tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng cũ, để sáp nhập vào thành phố Đà Nẵng trực thuộc trung ương. Các chính quyền tại hai huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ đó đến nay vẫn liên tục thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của mình.

Trong suốt thời gian thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ khi thống nhất đất nước đến nay, bên cạnh việc ban hành các văn bản hành chính để quản lý nhà nước về lãnh thổ trên hai quần đảo này, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam đã có nhiều hành động cụ thể, kịp thời nhằm khẳng định chủ quyền và kiên quyết đấu tranh với các thông tin xuyên tạc, xâm phạm chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 30-12-1978, người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước

CHXHCN Việt Nam đã ra Tuyên bố bác bỏ luận điệu nêu trong Tuyên bố trước đó của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc về vấn đề quần đảo Trường Sa, tiếp tục khẳng định chủ quyền lâu đời của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhắc lại lập trường của Việt Nam chủ trương giải quyết mọi tranh chấp hoặc bất đồng bằng giải pháp thương lượng hòa bình. Ngày 17-2-1979, Trung Quốc đem quân tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía bắc, càng khiến cho quan hệ giữa hai nước thêm căng thẳng và tình hình trên Biển Đông càng gia tăng sự phức tạp. Mặc dù ngay sau đó, quân Trung Quốc đã gặp phải sự kháng cự quyết liệt của quân và dân Việt Nam buộc họ phải lui quân và chịu nhiều tổn thất, thế nhưng hậu quả lâu dài do cuộc chiến tranh và sự cắt đứt quan hệ ngoại giao giữa hai nước khiến cho các cuộc trao đổi thương lượng hòa bình về vấn đề biên giới và hải đảo bị gián đoạn trong một thời gian khá dài.

Trong thời gian đó, Trung Quốc liên tục đưa ra các tuyên bố và tài liệu xuyên tạc về chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa



Công binh Việt Nam vận chuyển vật liệu xây dựng căn cứ trên quần đảo Trường Sa trước năm 1988. Ảnh: Tư liệu

(mà Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa). Ngày 30-7-1979, Trung Quốc cho công bố tài liệu mà phía Trung Quốc cho là để chứng minh Việt Nam đã "thừa nhận" chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngay sau đó, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam đã ra Tuyên bố ngày 7-8-1979 bác bỏ sự xuyên tạc trắng trợn của Trung Quốc đối với văn bản ngày 14-9-1958 của Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tinh thần và ý nghĩa của văn bản này chỉ trong khuôn khổ công nhận giới hạn lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc chứ không hề nói tới hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên thực tế đang thuộc quyền quản lý tạm thời của chính quyền Việt Nam Cộng hòa phía Nam vĩ tuyến 17 theo Hiệp định Genève năm 1954. Chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam một cách bất hợp pháp bằng vũ lực, Trung Quốc đã xâm phạm vào sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và trái với tinh thần của Hiến chương Liên Hợp Quốc kêu gọi giải quyết tất cả các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình. Sau khi phát động một cuộc chiến xâm lược Việt Nam trên quy mô lớn, phía Trung Quốc lại nêu ra vấn đề quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tạo ra tình trạng càng ngày càng căng thẳng dọc theo biên giới phía bắc Việt Nam và từ chối việc thảo luận những giải pháp cấp thiết để bảo đảm hoà bình và ổn định trong khu vực biên giới giữa hai nước.

Ngày 28-9-1979, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam công bố Sách Trắng đưa ra thêm nhiều tài liệu tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt

Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 30-1-1980, Bộ Ngoại giao Trung Quốc công bố văn kiện đòi hỏi chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (Tây Sa và Nam Sa) Ngày 5 tháng 2 năm 1980, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố vạch trần thủ đoạn xuyên tạc của Trung Quốc trong văn kiện ngày 30 tháng 1 năm 1980 của họ về chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 6 năm 1980, tại Hội nghị Khí tượng Khu vực Châu Á II họp tại Genève, đại biểu Việt Nam tuyên bố trạm khí tượng của Trung Quốc tại Sanhudoa (đảo Hoàng Sa của Việt Nam) là bất hợp pháp. Kết quả là trạm Hoàng Sa của Việt Nam được giữ nguyên trạng trong danh sách các trạm thuộc hệ thống quốc tế như cũ. Ngày 13 tháng 6 năm 1980, Việt Nam yêu cầu OMM (Tổ chức Khí tượng Thế giới) đăng ký trạm khí tượng Trường Sa vào mạng lưới OMM. Tháng 12 năm 1981, Tổng cục Bưu điện Việt Nam điện cho Chủ tịch Ủy ban đăng ký tần số tại Genève phản đối việc Trung Quốc được phát một số tần số trên vùng trời Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Tháng 12 năm 1981, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố Sách Trắng: "Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam". Tháng 6 năm 1982, Tân Hoa Xã loan tin một hải cảng lớn được xây dựng tại đảo Hoàng Sa. Tháng 10, tại Hội nghị Toàn quyền của UIT (Hiệp hội Quốc tế Vô tuyến Viễn thông), Việt Nam tuyên bố không chấp nhận việc thay đổi phát sóng đã được phân chia năm 1978 tại Genève. Ngày 12 tháng 11 năm 1982 Việt Nam công bố

đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải. Tháng 1-1983 Hội nghị Hành chính Thế giới về thông tin vô tuyến đồng ý sẽ xem xét đề nghị của Việt Nam về việc phát sóng trên vùng trời Hoàng Sa và Trường Sa tại hội nghị sắp tới. Cũng tháng 01 năm 1983 tại Hội nghị Hàng không Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương họp ở Singapore. Trung Quốc muốn mở rộng vùng thông báo bay (FIR) Quảng Châu lấn vào FIR Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, nhưng Hội nghị quyết định duy trì nguyên trạng. Tại Hội nghị Tổ chức Thông tin Vũ trụ Quốc Tế (INTU SAT) lần thứ 13 họp tại Bangkok, đại biểu Việt Nam đã phản đối việc Trung Quốc sử dụng những bản đồ ghi Hoàng Sa, Trường Sa (mà Trung Quốc gọi là Tây Sa, Nam Sa) là của Trung Quốc. Việt Nam phản đối việc ngày 1 tháng 6 năm 1984 Quốc hội Trung Quốc tuyên bố việc thiết lập khu hành chính Hải Nam bao gồm cả hai quần đảo Tây Sa, Nam Sa.



Căn cứ của Hải quân Việt Nam trên quần đảo Trường Sa trước năm 1988. Ảnh: Tư liệu.

Từ 16 tháng 5 đến tháng 10 năm 1987, Hải quân Trung Quốc liên tục diễn tập quân sự tại vùng nam Biển Đông và tây Thái Bình Dương. Ngày

10 tháng 11 năm 1987, Hải quân Trung Quốc đổ bộ lên bãi đá Louisa. Tháng 1 năm 1988, một lực lượng lớn tàu chiến, có nhiều tàu khu trục và tàu tên lửa của Trung Quốc, đi từ đảo Hải Nam xuống quần đảo Trường Sa, khiêu khích và cản trở hoạt động của các tàu vận tải Việt Nam trong khu vực bãi đá Chũ Thập và bãi đá Châu Viên. Quân lính Trung Quốc cắm cờ trên hai bãi đá trên, đồng thời cho tàu chiến thường xuyên ngăn cản, khiêu khích các tàu vận tải Việt Nam đang tiến hành những hoạt động tiếp tế bình thường giữa các đảo do Hải quân Việt Nam bảo vệ. Ngày 14 tháng 3 năm 1988, Trung Quốc sử dụng một biên đội tàu chiến đấu gồm sáu chiếc, trong đó có ba tàu hộ vệ số 502, 509 và 531 trang bị tên lửa và pháo cỡ 100mm, vô cớ tấn công bắn chìm ba tàu vận tải Việt Nam đang làm nhiệm vụ tiếp tế ở các bãi đá Len Dao, Cô Lin, Gạc Ma thuộc cụm đảo Sinh Tồn, quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Cuộc tấn công vào các tàu vận tải của Việt Nam từ các tàu chiến trang bị vũ khí hạng nặng của Trung Quốc đã làm cho 64 cán bộ, chiến sỹ Hải quân Việt Nam cùng 3 tàu vận tải đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển của Tổ quốc. Các chiến sỹ Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam đã anh dũng xiết chặt hàng ngũ, giữ vững lá cờ Tổ quốc biểu tượng chủ quyền của Việt Nam trên đảo cho đến giây phút cuối cùng. Từ đó đến ngày 6-4-1988, Trung Quốc đã chiếm đóng trái phép bằng vũ lực các đảo: Đá Chũ Thập, Đá Châu Viên, Đá Ga Ven, Đá Tư Nghĩa, Đá Gạc Ma, Đá Subi thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Trong năm 1988, Chính phủ CHXHCN Việt Nam đã thông báo cho Liên Hợp Quốc, gửi nhiều công hàm phản đối Trung Quốc và đặc biệt là các công hàm ngày 16, 17, 23 tháng 3 năm 1988 đề nghị hai bên thương lượng giải quyết vấn đề tranh chấp. Trung Quốc tiếp tục chiếm giữ trái phép các bãi đá đã chiếm được và khước từ thương lượng. Ngày 14 tháng 4 năm 1988, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam phản đối việc Quốc hội Trung Quốc sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào tỉnh Hải Nam (ngày 13 tháng 4 năm 1988). Tháng 4-1988, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam công bố Sách Trắng khẳng định chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam theo luật pháp quốc tế. Ngày 14-8-1989, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập Cụm Kinh tế Khoa học Dịch vụ trên vùng bãi ngầm Tư Chính, Huyện Trân, Quế Đường, Phúc Tân, Phúc Nguyên thuộc thềm lục địa Việt Nam. Ngày 2-10-1989, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố bác bỏ luận điệu trong bản tuyên bố của Trung Quốc ngày 28-4-1989. Ngày 18-3-1990, nhiều tàu Trung Quốc đến đánh cá ở Trường Sa. Ngày 16-4-1990, Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi bản ghi nhớ cho Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội, phản đối việc Trung Quốc cho nhiều tàu quân sự, tàu khảo sát, tàu đánh cá đến hoạt động trong vùng biển Việt Nam tại quần đảo Trường Sa. Ngày 28-4-1990, Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi công hàm cho Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội, phản đối việc Trung Quốc đã cho quân lính xâm chiếm

bãi Ớn Đất trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 10-11-1991, các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc ký Thông báo chung về bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. Thông báo chung của hai nước khẳng định việc bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của nhân dân hai nước và cùng có lợi cho hoà bình, ổn định và sự phát triển của khu vực. Hai bên tuyên bố Việt Nam và Trung Quốc sẽ phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện, trên cơ sở 5 nguyên tắc: tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hoà bình. Hai bên đồng ý thông qua thương lượng giải quyết hoà bình vấn đề lãnh thổ, biên giới vv... tồn tại giữa hai nước.

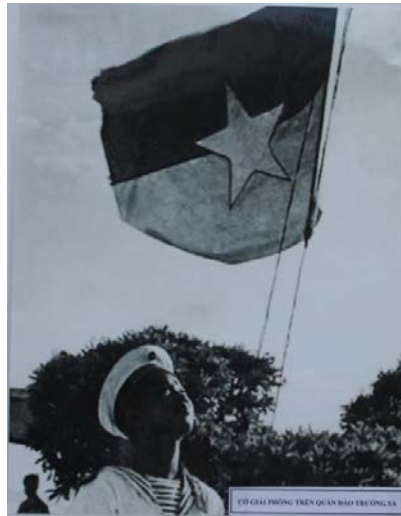
Nguồn trích:

<http://ubnd.quangngai.gov.vn/>



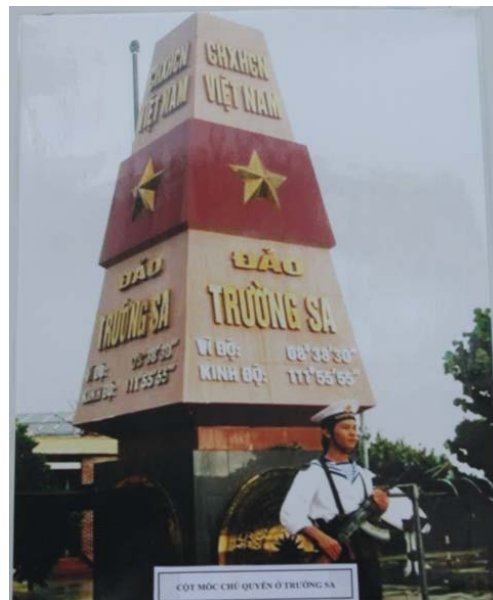
Nụ cười lính đảo ở Trường Sa năm 1988.

Ảnh: Tư liệu



Cờ Giải phóng trên đảo Trường Sa

Ảnh: Bảo tàng Tổng hợp Bình Định



Cột mốc chủ quyền ở Trường Sa bây giờ.

Ảnh: Bảo tàng Tổng hợp Bình Định

PHẦN II

NHỮNG BẢN HÙNG CA BẤT TỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO

Vì sao Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa

*Thạc sĩ Nguyễn Hùng Cường
Viện Nghiên cứu Khoa học
Biển và Hải đảo*

Đầu thế kỷ XX, nhận thấy vị trí chiến lược cũng như tầm quan trọng của biển Đông nói chung và quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa nói riêng, một số quốc gia (điển hình là Trung Quốc) đã xâm chiếm bất hợp pháp các vùng lãnh thổ này của Việt Nam. Trung Quốc luôn coi biển Đông, đặc biệt là các quần đảo của Việt Nam là bàn đạp quan trọng để thực hiện chiến lược bành trướng xuống Đông Nam Á. Vì vậy, giới cầm quyền Trung Quốc từ Trung Hoa Dân Quốc cho đến Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã không ngừng đẩy mạnh thực hiện âm mưu độc chiếm biển Đông. Lợi dụng tình hình rối ren khi Nhật đầu hàng đồng minh và việc giải giáp quân Nhật theo Hiệp định Postdam 1945, Trung Hoa Dân Quốc đã đem quân chiếm giữ đảo Phú Lâm (quần đảo Hoàng Sa) và đảo Ba Bình (quần đảo Trường Sa) vào cuối năm 1946. Sau đó Trung Hoa Dân Quốc rút quân khỏi Hoàng Sa, và Nhật rút quân khỏi quần đảo này theo Hòa ước San Fransisco 1951. Sau khi Hiệp định Geneva 1954 được ký kết, Pháp rút khỏi Đông Dương, ngày 21/1/1956 Cộng hòa nhân dân

Trung Hoa đưa quân chiếm đóng đảo Phú Lâm và Lin Côn.

Năm 1974, nhận thấy thời cơ đã chín muồi, Trung Quốc chiếm Hoàng Sa bằng vũ lực toàn bộ nhóm đảo Trăng Khuyết phía tây nam quần đảo Hoàng Sa. Thời cơ này xuất phát từ tình hình, bối cảnh quốc tế và trong nước. Đầu thập niên 1970, phong trào phản đối chiến tranh tại Việt Nam diễn ra sôi nổi và rộng khắp trên thế giới khiến Mỹ ngày càng xa lánh Việt Nam Cộng hòa; đặc biệt sau khi ký kết Hiệp định Paris ngày 27/1/1973, Hoa Kỳ và các lực lượng đồng minh phải rút quân khỏi Việt Nam. Do không muốn tham gia vào một cuộc chiến đã bước vào hồi kết, tháng 6/1973 Lưỡng viện Hoa Kỳ đã thông qua đạo luật "Case-Church" cấm cơ quan hành pháp nước này tái can thiệp quân sự vào ba nước Đông Dương trừ khi được chấp thuận của Lưỡng viện.

Ngoài ra, Mỹ được cho là có một "toan tính" sâu xa hơn khi không can dự vào trận Hải chiến 1974 vì khi đó, Việt Nam và Trung Quốc đều đi theo con đường Xã hội chủ nghĩa. Việc Washington "làm ngơ" cho Bắc Kinh ngang nhiên chiếm Hoàng Sa sẽ tạo thù địch giữa Hà Nội và Bắc Kinh, dẫn đến chia rẽ giữa các nước cộng sản. Khi người "bảo trợ" đã ra đi, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa rơi

vào tình thế đơn độc và bất lợi trong cuộc chiến bảo vệ Hoàng Sa.

Cuộc đụng độ biên giới năm 1969 mang lại cho Quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa (PLA) niềm tin rằng họ có thể chống trả Hồng quân Liên Xô. Từ đó, Trung Quốc bắt đầu thực hiện sáng kiến đối ngoại mới bằng cách thúc đẩy quan hệ hữu nghị với Mỹ, cao trào là chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Richard Nixon tháng 2/1972. Sau chuyến công du đó, Trung Quốc trở thành "đồng minh giai đoạn" của Mỹ để kìm chân và chống lại Liên Xô. Mỹ không muốn quan hệ chiến lược này bị rạn nứt vì vụ Hoàng Sa. Việc lựa chọn giữa "đồng minh cũ" hay "người bạn mới" trong "thời kỳ trăng mật" này không phải là sự lựa chọn khó khăn đối với Mỹ.

Thực tế, trong trận Hải chiến Hoàng Sa chính quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã nhiều lần thông báo tình hình với Đại sứ quán Mỹ nhưng Washington đã không có động thái hỗ trợ nào.

Trên vùng biển Đông ngoài khơi Việt Nam gần với đảo Hải Nam (Trung Quốc) và Hoàng Sa (Việt Nam) thời điểm đó có mặt Hải đoàn 77 (Task Force 77) của Hải quân Mỹ gồm các hàng không mẫu hạm và các chiến hạm yểm trợ. Hải đoàn này đủ khả năng kiểm soát không và hải phận, cũng như hoạt động của các tàu ngầm trong vịnh Bắc Bộ. Tuy nhiên, Mỹ đã hoàn toàn đứng ngoài cuộc.

Cũng thời điểm đó, Việt Nam Cộng hòa mới chỉ là quan sát viên mà chưa phải thành viên của Liên Hợp Quốc trong khi Trung Quốc là một trong 5 nước ủy viên thường trực của Hội

đồng Bảo an. Vị thế quốc tế của Trung Quốc khiến nước này tự tin rằng, Việt Nam Cộng hòa không có đủ tư cách sử dụng các cơ chế để tự vệ và bảo vệ Hoàng Sa theo các điều khoản của Hiến chương Liên Hợp Quốc.

Ngày 30/1/1974, Lãnh sự quán Mỹ ở Hồng Kông đã báo cáo về Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán Mỹ ở các nước liên quan về những tính toán của Trung Quốc trong việc thôn tính quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Cơ quan này nhận định, Trung Quốc đã có ý đồ đánh chiếm Hoàng Sa từ trước.

Theo phân tích của lãnh sự quán Mỹ, quyết định đánh chiếm Hoàng Sa phụ thuộc vào một số yếu tố như tiềm năng về dầu khí tại khu vực, lo ngại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể đưa ra tuyên bố chủ quyền ở Hoàng Sa cũng như lợi ích chiến lược về lâu dài của quần đảo.

Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng có thể lo sợ việc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ không tiếp tục giữ thái độ im lặng trước vấn đề chủ quyền quần đảo Hoàng Sa. Bằng việc sử dụng vũ lực, Trung Quốc đã tránh tình huống nguy hiểm hơn nhiều sau khi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra tuyên bố chủ quyền về Hoàng Sa. Điều này đã được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tiến hành sau khi đất nước thống nhất.

Theo nhận định trong các hồ sơ ngoại giao được giải mật, nỗi lo sợ ngày càng lớn của Trung Quốc trước hoạt động của hải quân Liên Xô tại biển Đông và các vùng biển khác ở châu Á có thể là yếu tố dẫn đến quyết định của Trung Quốc. Đây là thời kỳ đỉnh

điểm rạn nứt quan hệ Xô - Trung liên quan đến tranh chấp lãnh thổ dọc biên giới hai nước, cũng như các vấn đề Nam Phi, Trung Đông và Đông Dương.

Trong lúc nhiều yếu tố bên ngoài nghiêng về hướng có lợi cho một cuộc chiến chớp nhoáng của Trung Quốc thì bối cảnh trong nước cũng hết sức bất lợi cho Việt Nam Cộng hòa khi Lưỡng viện Mỹ giảm dần viện trợ từ 1,4 tỷ USD năm 1972 xuống 1 tỷ USD năm 1973 và 700 triệu USD vào năm 1974. Quân đội Việt Nam Cộng hòa dần rơi vào thế thụ động vì thiếu nhiên liệu, vũ khí. Bất lợi hơn là ý định “bỏ rơi” miền Nam Việt Nam của Mỹ. Tình trạng phân chia Bắc - Nam cũng là một trở ngại cho phía Việt Nam Cộng hòa trong trận hải chiến 1974.

Lợi dụng bối cảnh đó, Trung Quốc đã không e ngại khi điều động chiến hạm đến cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa.

Nguồn trích: <http://vnexpress.net>

Hải chiến Hoàng Sa:

9 ngày đêm bi tráng

Ngày 19.1.1974, Hải quân VNCH với 4 chiến hạm đã chiến đấu với 6 tàu chiến của Trung Quốc phục sẵn từ trước tại quần đảo Hoàng Sa. Cuộc chiến ngăn ngui kết thúc với việc Hoàng Sa thất thủ. Khởi mào trận hải chiến này bắt đầu từ ngày 11.1.1974, khi Trung Quốc ngang ngược tuyên bố chủ quyền với Hoàng Sa.

Quần đảo Hoàng Sa từ mấy trăm năm qua thuộc chủ quyền của Việt Nam. Đến đầu thế kỷ 20 thì

Trung Quốc bắt đầu lăm le mạo xưng chủ quyền. Tới Thế chiến 2, họ tiến chiếm nhóm đông bắc Hoàng Sa, và đến đầu năm 1974 thì nỗ lực cưỡng chiếm toàn bộ quần đảo.

10.1.1974, tàu Trung Quốc bắt đầu xuất hiện trong khu vực cụm tây quần đảo Hoàng Sa.

11.1.1974, Bộ Ngoại giao Trung Quốc ngụy xưng chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa, là lời thách thức trắng trợn đối với chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa.

15.1.1974, Bộ Tư lệnh Hải quân Vùng I Duyên hải lệnh cho tuần dương hạm Lý Thường Kiệt (HQ-16, do Trung tá Lê Văn Thụ làm Hạm trưởng) từ Đà Nẵng trực chỉ Hoàng Sa phối hợp lực lượng quân sự thường trực tại đây (một trung đội Địa phương quân thuộc Chi khu Hòa Vang với 24 quân nhân). Tàu khởi hành tối 15.1.1974 và đến Hoàng Sa sáng 16.1.1974.

15.1.1974, Trung Quốc đổ quân lên các đảo Hữu Nhật (Robert), Quang Ảnh (Money), Quang Hòa (Duncan) và Duy Mộng (Drummond).

16.1.1974, vào buổi trưa, HQ-16 phát hiện một tàu chiến Trung Quốc tiến vào vùng biển trong khu vực cụm đảo Lưỡi Liềm.

17.1.1974, khu trục hạm Trần Khánh Dư (HQ-4) cùng Hạm trưởng Vũ Hữu San đã đến Hoàng Sa, phối hợp với HQ-16 bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải.

Lúc 7 giờ 45, một tiểu đội biệt hải Việt Nam Cộng Hòa đổ bộ lên đảo Quang Ảnh, nhổ cờ Trung Quốc, phá hủy các dấu tích ngoại bang trên đảo.

Tàu cá và tàu chiến Trung Quốc tiếp tục tiến sâu vào vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam Cộng Hòa. Đồi bên

dùng loa phóng thanh để tuyên bố chủ quyền và yêu cầu đối phương rời đi. Sau một hồi giằng co không kết quả, HQ-4 húc vào vào tàu cá 407 của Trung Quốc, khiến tàu Trung Quốc bị hư hỏng nặng phần buồng lái.

Cuối buổi chiều 17.1, hai chiến hạm Kronstadt trang bị pháo 100 và 37 ly, mang số hiệu 271 và 274 của Trung Quốc tiến về phía HQ-16 và HQ-4 để uy hiếp. Tàu Việt Nam Cộng Hòa sử dụng đèn hiệu yêu cầu tàu đối phương rời đi. Sau khoảng 60 phút vờn nhau, hai tàu Trung Quốc lui về đậu gần đảo Quang Hòa và Duy Mộng.

18.1.1974, tuần dương hạm Trần Bình Trọng (HQ-5) do trung tá Phạm Trọng Quỳnh làm hạm trưởng và hộ tống hạm Nhật Tảo (HQ-10) do thiếu tá Nguyễn Văn Thà chỉ huy, cùng đến Hoàng Sa.

HQ-16 đến gần đảo Quang Hòa thì tàu Trung Quốc số hiệu 271 (lớp Kronstadt) xuất hiện, cản trước mũi, không cho tàu tiến gần đến đảo. Hai tàu đã cọ vào nhau làm dẹp một số trụ căng dây an toàn chung quanh và làm rách bè nổi của tàu Trung Quốc. Tàu Trung Quốc dài chừng 70 mét, nhỏ hơn tàu HQ-16 nhưng vận chuyển nhanh nhẹn hơn.



Tàu cá vũ trang Trung Quốc chặn đường chiến hạm Việt Nam tiến vào Hoàng Sa. Ảnh: Tư liệu



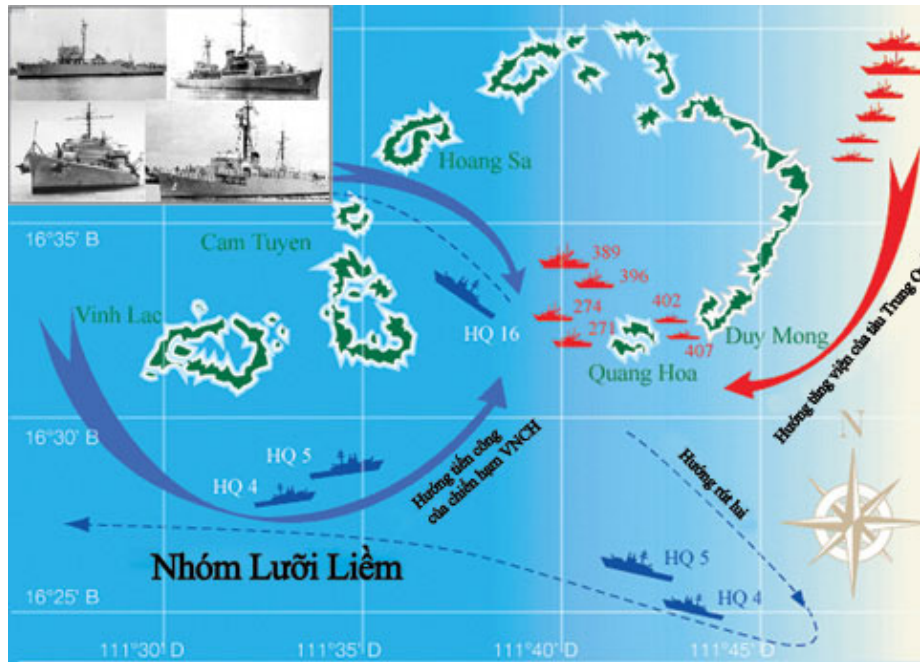
Chiến hạm TQ loại Kronstadt số 274 tham chiến tại Hoàng Sa năm 1974. Ảnh: Tư liệu



Hình vẽ minh họa tàu săn ngầm lớp 6604 của hải quân Trung Quốc trong trận hải chiến Hoàng Sa - Ảnh: ifeng.com



Khu trục hạm Trần Khánh Dư (HQ-4) là tàu chiến hiện đại nhất bên phía Việt Nam Cộng Hòa. Ảnh: Tư liệu



Bản đồ Hải chiến Hoàng Sa 1974. Các chiến hạm VNCH (ảnh nhỏ, góc trên) - Đồ họa: Hồng Sơn.



Quần đảo Hoàng Sa - Đồ họa: Thanh Niên Online

Chiều 18.1.1974, HQ-16 đổ bộ toán người nhái vào mặt nam đảo Quang Hòa. Vài phút sau nghe báo cáo một thiếu úy người nhái bị bắn chết. Họ xin rút lui vì không thể vào bờ an toàn được. Toán người nhái đã trở về lại HQ-16.

Trong buổi chiều và tối 18.1, hai bên ở trong thế kiểm chế lẫn nhau, sử dụng loa, đèn hiệu hoặc di chuyển để đẩy lùi đối phương.

Sáng 19.1.1974, các tàu chiến của hai bên đã di chuyển theo đội hình chiến thuật, bộ chỉ huy trên soái hạm HQ-5 chỉ định mục tiêu cho từng chiến hạm thành viên để tiêu diệt địch. Theo đó, HQ-5 đối đầu tàu Krongstadt 274; HQ-4 đối đầu Krongstadt 271; HQ-10 đối đầu trực lôi hạm 396; HQ-16 đối đầu trực lôi hạm 389.

Lúc 10 giờ 22 sáng 19.1.1974, lệnh tác xạ đồng loạt vào các chiến hạm Trung Quốc được ban hành từ HQ-5. Ngay trong những phút đầu, một chiếc Krongstadt bị trúng đạn bốc cháy. Sau đó, chiếc Krongstadt thứ hai cũng hư hại và phải ủi vào rạn san hô gần đó để khỏi chìm. Phía VNCH chịu tổn thất khi HQ-4 và HQ-5 đều trúng đạn nhưng vẫn còn chiến đấu được; HQ-16 bị hư hại nặng hơn và phải dần rút khỏi vòng chiến. Riêng HQ-10, là tàu nhỏ nhất, bị bắn chìm và Hạm trưởng Nguyễn Văn Thà tử trận.

Đến gần 11 giờ, có tín hiệu cho thấy Trung Quốc đang tăng viện với các tàu tên lửa Komar xuất hiện từ xa. Nhận thấy tình thế bất lợi, chỉ huy trưởng Hà Văn Ngạc trên tàu HQ-5 ra lệnh cho toàn bộ lực lượng rời vùng giao tranh.

Trong cuộc chiến này, theo con số thống kê chưa đầy đủ, 53 quân nhân VNCH đã hy sinh; một số quân nhân và nhân viên khí tượng bị bắt làm tù binh và đã được trao trả sau đó. Phía Trung Quốc có 4 tàu bị bắn hỏng và 18 lính chết.

Sau trận chiến ngắn ngủi nhưng ác liệt, Trung Quốc đã chiếm trọn quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Dù thế, trận hải chiến Hoàng Sa 1974 một lần nữa khẳng định ý chí bất khuất của người Việt Nam trong sứ mệnh bảo vệ chủ quyền. Trước một kẻ thù mạnh hơn và trong một tình hình chính trị chung có nhiều diễn biến bất lợi, các quân nhân đã kiên cường nổ súng vào kẻ xâm lăng.

Hành động dùng vũ lực để chiếm lãnh thổ của nước khác đi ngược lại với Hiến chương LHQ, và vì thế, dù đã chiếm đóng toàn bộ Hoàng Sa 40 năm qua, Trung Quốc mãi mãi vẫn không có được một tư cách hợp pháp đối với vùng lãnh thổ này.

Nguồn trích: <http://baomoi.com>



Chiến hạm VNCH và Trung Quốc giao tranh ở Hoàng Sa năm 1974. Ảnh: Tư liệu

Tại sao Trung Quốc đánh chiếm các đảo của Việt Nam vào tháng 3.1988?

Liêm Thạch



Đảo Gạc Ma đã bị quân Trung Quốc đánh chiếm vào ngày 14.3.1988 –

Ảnh: D.Đ.Minh

Từ đầu năm 1988, Trung Quốc đã sử dụng một lực lượng lớn hải quân gồm nhiều tàu chiến chiếm đóng một loạt đá ngầm thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Cao trào của hành động xâm lược này diễn ra vào ngày 14.3.1988 khi biên đội gồm 6 tàu chiến, trong đó có 3 tàu hộ vệ có trang bị tên lửa và pháo 100 mm, của Trung Quốc đã bắn chìm và cháy 3 tàu vận tải của Việt Nam tại bãi đá ngầm Gạc Ma trong cụm đảo Sinh Tồn của Việt Nam.

Trong vụ thảm sát này, 64 binh sĩ Việt Nam đã anh dũng hy sinh. Sau đó Trung Quốc còn ngăn chặn không cho tàu mang cờ chữ thập đỏ ra cứu những người bị thương, bị nạn.

Điều phải lưu ý là đây là lần đầu tiên người Trung Quốc (lục địa) đặt chân đến Trường Sa. Trước đó, với tư cách quan phương, Trung Quốc chưa bao giờ có mặt ở vùng biển này.

Đã một phần tư thế kỷ trôi qua, từ sự kiện 14.3.1988, có những điều cần phải nói rõ như sau:

Đầu tiên, ngay sau ngày 14.3.1988, thông qua hệ thống tuyên truyền khổng lồ của mình, Trung Quốc đã ngang nhiên bịa đặt trắng trợn với dư luận trong nước và quốc tế rằng: Các tàu Trung Quốc đang thả neo để yểm trợ cho tàu chở đoàn các nhà khoa học Liên Hiệp Quốc (LHQ) đi khảo sát khoa học tại Trường Sa thì bị các tàu chiến của Việt Nam tấn công. Vì thế hải quân Trung Quốc bắt buộc phải đánh trả tự vệ!

Sau đó thông qua người phát ngôn của Tổng thư ký, LHQ đã nói rõ: không hề có tàu của LHQ tổ chức khảo sát khoa học ở Trường Sa vào 3.1988!

Rõ là “cháy nhà ra mặt chuột” và chính quyền Trung Quốc đã “lấy thúng úp voi”, đã “lấy thịt đè người” lại còn muốn lấy tay che mặt trời!

Đã không có tàu khảo sát khoa học của LHQ thì chắc chắn không có việc tàu chiến Việt Nam tấn công tàu Trung Quốc. Điều mà nhiều người đều biết đó là chuyện “ngâm máu phun người” là sở trường của các nhà cầm quyền Trung Quốc.

Trước đó, năm 1962 Trung Quốc phát động chiến tranh biên giới với Ấn Độ và chiếm của Ấn Độ hàng nghìn km² nhưng lại vu cáo Ấn Độ xâm lược Trung Quốc. Năm 1979, Trung Quốc tiếp tục đem 60 vạn quân xâm lược Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc. Sự việc rõ ràng như vậy nhưng cũng được họ tuyên truyền là “phản kích tự vệ quân Việt Nam xâm lược”!



Lễ tưởng niệm các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh ngày 14.3.1988 tại Cam Ranh (Khánh Hòa) - Ảnh: tư liệu

Thứ hai, có một câu hỏi cần đặt ra là, tại sao Trung Quốc lại tiến hành đánh chiếm các đảo của Việt Nam tại Trường Sa vào tháng 3.1988?

Cuối 1987 đầu 1988 là thời kỳ Việt Nam rơi xuống điểm thấp nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tình hình trong nước chông chênh khó khăn: kinh tế đình đốn, đời sống của đại đa số người dân cực kỳ vất vả.

Cũng trong thời điểm đó, Liên Xô cũng bắt đầu lâm vào khủng hoảng chính trị - xã hội. Bắc Kinh cúi mình trước Washington, tự nhận là “NATO phương Đông” để nhận được nguồn tài chính và công nghệ, kỹ thuật từ Mỹ và phương Tây để phục vụ cho mục tiêu hiện đại hóa. Trong bối cảnh ấy, Trung Quốc cũng đã câu kết với Mỹ và hầu hết các nước trong khu vực (trừ Lào và Campuchia) siết chặt vòng bao vây, cấm vận đối với Việt Nam.

Lợi dụng tình thế khó khăn đó của Việt Nam, Trung Quốc đánh chiếm một số đảo của Việt Nam tại Trường Sa phục vụ cho ý đồ lâu dài.

Trung Quốc cũng là bậc thầy trong việc lợi dụng thời điểm. Mặc dù đã đưa lực lượng ra Trường Sa và có những hoạt động đe dọa từ đầu năm

1988, nhưng thời điểm được Trung Quốc lựa chọn nổ súng rơi đúng vào 14.3.1988 cũng là thời điểm lễ tang Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng được tổ chức tại Hà Nội! Một khi họ đã có dã tâm thì chuyện “tang gia bối rối” lại trở thành điều có thể lợi dụng được!

Câu chuyện xảy ra ngày 14.3.1988 tại Trường Sa đến nay vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự. Sự hy sinh của những người lính Việt Nam 25 năm trước là một lời nhắc nhở tới 90 triệu người đồng bào hôm nay, trước hết là những người có trọng trách với dân tộc, không bao giờ được quên những điều sau:

Một là, lòng tin phải được đặt đúng chỗ. Đối với Trung Quốc, điều quan trọng không phải là lời nói mà là hành động.

Hai là, cần phải hiểu về con đường mà Trung Quốc lựa chọn. Những toan tính và hành động của Trung Quốc liệu có phải là một quốc gia cộng sản đồng chí như họ từng miêu tả hay thực tế là chính sách dân tộc nước lớn vị kỷ?

Việc vô cớ đem quân đánh chiếm các đảo của một quốc gia láng giềng, bất kể quốc gia đó phát triển theo đường lối nào cũng là đi ngược lại những nguyên tắc sơ đẳng trong quan hệ quốc tế và phản bội đối với chủ nghĩa Marx - Lênin mà Trung Quốc từng sử dụng như một chiêu bài.

Láng giềng là vĩnh viễn và không bao giờ thay đổi, trừ phi có một trận siêu động đất đẩy hai quốc gia ra xa nhau!

Việt Nam cần và mong muốn có một mối quan hệ hữu nghị, ổn định, lâu dài với Trung Quốc. Tuy nhiên quan hệ ấy cần được đặt trong sự tôn trọng

lẫn nhau về nhiều mặt, đặc biệt là vấn đề “bất biến” là chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc. Không tinh táo nhận thức được điều này, lệ thuộc vào những yếu tố “ứng vạn biến” như “mười sáu chữ”, “bốn tốt” có thể dẫn đến những bước đi sai lầm mang lại hậu quả lớn cho quốc gia, dân tộc!

Chúng ta đã có được bài học đắt giá khi rơi vào cảnh bị cô lập trên trường quốc tế từ 1979-1990. Bài học ấy cùng với sự kiện 14.3.1988 mách bảo chúng ta rằng bị cô lập không đồng nghĩa với có độc lập, mà ngược lại, bị cô lập sẽ dẫn đến thảm họa, thậm chí mất cả độc lập và chủ quyền quốc gia.

Các nhà sử học Việt Nam chân chính và những người Việt có lương tâm trong sáng sẽ còn mất nhiều thời gian và công sức nghiên cứu, mổ xẻ, soi xét sự kiện 14.3.1988 một cách khách quan để rút ra bài học bổ ích cho những người Việt hiện nay và các thế hệ mai sau.

Độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc không thuộc sở hữu riêng của riêng ai. Nó là tài sản lớn nhất, quý giá và quan trọng nhất của cả dân tộc.

Nguồn trích:

<http://www.thanhnien.com.vn/>

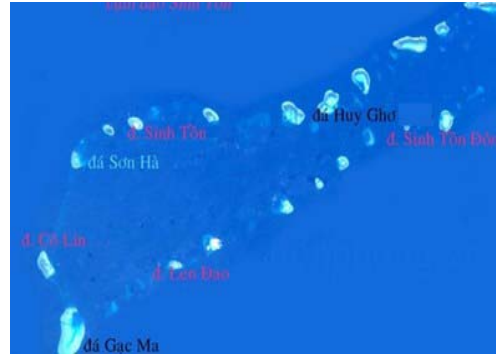
Gạc Ma, Len Đao, Cô Lin:

Ngày 14/3/1988 bi tráng

Trong trận chiến ngày 14/3/1988 tại các bãi san hô Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao, chúng ta mất 64 người, bị bắn chìm, bắn cháy 3 tàu. Nhưng những người lính Việt Nam anh hùng không bỏ chạy, không bỏ đảo, không bỏ

đồng đội. Quốc kỳ Việt Nam vẫn tung bay trên bãi Len Đao và bãi Cô Lin.

Hiện nay, sự kiện xảy ra ngày 14/3/1988 hay được gọi là hải chiến Gạc Ma. Không đúng, vì ngày đó súng nổ, máu đổ không chỉ riêng ở bãi Gạc Ma, mà cả ở bãi Cô Lin, bãi Len Đao.



Các bãi Cô Lin, Gạc Ma, Len Đao trong cụm đảo Sinh Tôn. Ảnh: Tư liệu

Theo tài liệu chính thức của Phòng Chính trị, Lữ đoàn 146, Vùng 4 Hải quân, trong số 64 liệt sĩ hy sinh ngày 14/3/1988 có 58 liệt sĩ hy sinh trên bãi Gạc Ma và tàu HQ-604, 6 liệt sĩ hy sinh cùng tàu HQ-605 ở cạnh bãi Len Đao. Như vậy, nói 64 liệt sĩ hy sinh ở Gạc Ma là chưa chuẩn.

Ý kiến cho rằng Trung Quốc chọn ngày 14/3/1988 để tập kích quân ta ở Gạc Ma, do ngày đó nước ta làm lễ tang cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng cũng không đúng. Vì ngày 14/3/1988 là ngày các đơn vị của ta được lệnh đóng giữ các bãi Cô Lin, Len Đao, Gạc Ma.

“Gửi đồng chí Sơn – Thuyền trưởng HQ 605. Tư lệnh Hải quân lệnh: 1. Đúng 6 giờ ngày N phải chiếm Len Đao. 2. Sẽ có tàu chở hàng và nhà (nhà cao chân – NĐQ ghi chú) tới sau. 3. Quy định: Khi nào nhận điện

“Tiếp tế Sinh Tồn T42” thì ngay lập tức chiếm lĩnh Len Dao; 11 giờ ngày 13/3 có mặt tại Tốc Tan cập mạn tàu Đại Lãnh gặp đồng chí Cai (Trung tá Võ Tiến Cai – NDQ ghi chú) – lữ phó 146 nhận nhiệm vụ cụ thể; Gạc Ma là điểm A, Cô Lin là điểm B, Len Dao là điểm C.”

Đó là nội dung điện tối mật ngày 11/3/1988 của Phó đô đốc, Tư lệnh Hải quân kiêm Tư lệnh Vùng 4 Hải Quân Giáp Văn Cương gửi Thuyền trưởng tàu HQ-605, Đại úy Lê Lệnh Sơn. Văn bản bức điện này đang được trưng bày tại Nhà Truyền thống Vùng 4 Hải quân.

Trung tá Đỗ Xuân Công, Phó Tham mưu trưởng Vùng 4 (sau này là Phó Đô đốc, Tư lệnh Hải quân) ghi chú trong bức điện: N là ngày 14/3. Trước đây có thống nhất với đồng chí Cai là 7 giờ ngày N. Nay quyết định đúng 6 giờ ngày 14/3 tàu 605 phải chiếm được Len Dao. Để thực hiện được việc đó thì đúng 11 giờ ngày 13/3 605 phải tập kết ở Tốc Tan.

Một số tàu khác cũng nhận được mật lệnh hành quân tới đóng giữ bãi Gạc Ma và bãi Cô Lin trong đêm 13/3/1988 rạng ngày 14/3/1988, như tàu HQ-604, HQ-505, HQ-614...

Qua văn bản mật lệnh, có thể thấy Quân chủng Hải quân đã đoán biết (hoặc biết) ý định của Trung Quốc chiếm đóng các bãi Gạc Ma, Len Dao, Cô Lin, nên ra lệnh hành quân khẩn trương để đóng giữ đảo, ngay cả khi tàu mới chỉ có người, chưa có vật liệu xây dựng.

Bi hùng

Đang làm nhiệm vụ cạnh đảo Đá Đông, tàu HQ-605 nhanh chóng tới đảo Tốc Tan, rời lên bãi Len Dao ở

phía Bắc, chiều tối 13/3/1988. Từ bờ, tàu HQ-604 và tàu HQ-505 cũng ghé đảo Đá Lớn để nhận nhiệm vụ cụ thể, rồi hành quân xuống bãi Cô Lin, bãi Gạc Ma ở phía Đông Nam, chiều ngày 13/3/1988.

Chỉ ít phút sau khi tàu HQ-505 và tàu HQ-604 thả neo, một tàu hộ vệ của Trung Quốc từ bãi Huy Gơ chạy về phía Gạc Ma, áp sát tàu HQ-604 và dùng loa gọi sang, đòi tàu ta rời khỏi Gạc Ma. Đến chiều tối, Trung Quốc đưa tới thêm một tàu chiến... Bộ Tư lệnh Hải quân ra lệnh, tổ chức đóng giữ bãi Gạc Ma ngay trong đêm 13/3/1988.

Theo sách Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam (1955 – 2005), khoảng 3 giờ sáng ngày 14/3/1988, lực lượng của Trung đoàn 83 Công binh bắt đầu chuyển vật liệu từ tàu HQ-604 lên bãi Gạc Ma, lực lượng của Lữ đoàn 146 tổ chức cắm cờ và bảo vệ công binh làm nhiệm vụ.

Khoảng 6 giờ ngày 14/3/1988, Trung Quốc điều tới thêm 2 tàu, dùng 3 thuyền nhôm đưa khoảng 40 lính lên bãi Gạc Ma, giạt quốc kỳ Việt Nam, bắn chết Thiếu úy Trần Văn Phương, đâm trọng thương hạ sĩ Nguyễn Văn Lanh.

Bị quân ta đánh trả, quân Trung Quốc rút ra xa, xả đạn pháo và các loại súng vào các tàu ta và quân ta đang ở trên bãi Gạc Ma. Trung tá Trần Đức Thông, Phó Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 146 và Đại úy Vũ Phi Trù, Thuyền trưởng tàu HQ-604 chỉ huy bộ đội sử dụng các loại súng AK, RPD, B40, B41 bắn trả quyết liệt. Bị trúng nhiều đạn pháo địch, tàu HQ-604 chìm xuống biển...

Trung tá Trần Đức Thông, Đại úy Vũ Phi Trù, Thiếu úy Trần Văn Phương và nhiều đồng đội hy sinh, 9 người bị quân Trung Quốc bắt. Những người còn sống đi tìm vớt đồng đội hy sinh và bị thương, đưa lên một xuồng của công binh rồi bơi về phía tàu HQ-505 ở bãi Cô Lin.

Tại bãi Cô Lin, từ 6 giờ sáng 14/3/1988, lực lượng trên tàu HQ-505 đã cắm hai cờ Việt Nam trên bãi. Cùng lúc bắn vào tàu HQ-604, các tàu Trung Quốc cũng bắn nhiều đạn pháo vào tàu HQ-505, khiến tàu bị hỏng máy.

Thiếu tá Thuyền trưởng Vũ Huy Lễ chỉ huy khẩn trương sửa máy, rồi lệnh chạy cả hai máy tàu, ủi bãi Cô Lin để vừa cứu tàu, vừa giữ đảo. Thấy vậy, hai tàu Trung Quốc tập trung bắn dữ dội vào tàu HQ-505.

Hơn 8 giờ sáng 14/3/1988, tàu HQ-505 trườn được hai phần ba thân lên bãi thì bốc cháy. Lực lượng trên tàu vừa triển khai dập lửa cứu tàu, bảo vệ bãi Cô Lin, vừa đưa xuồng đi cứu vớt đồng đội ở phía bãi Gạc Ma.



Tàu HQ505 đã lao lên bãi ngầm ở đảo Cô Lin cắm cờ khẳng định chủ quyền Tổ quốc vào ngày 14/3/1988. Ảnh: tư liệu

Tại bãi Len Đao, rạng sáng 14/3/1988 một tổ hải quân từ tàu HQ-

605 đã lên bãi cạn, cắm cờ Việt Nam. Khoảng 8 giờ sáng 14/3/1988, các tàu Trung Quốc nã đạn vào tàu HQ-605, đến sáng ngày 15/3/1988 thì tàu chìm hẳn.

Trung úy Phan Hữu Doan, Thuyền phó tàu HQ-605 và 5 người khác hy sinh. Nhưng quân ta vẫn bám trụ, quốc kỳ Việt Nam vẫn tung bay trên

bãi Len Đao. Chiều 14/3, khi tàu HQ-614 tới, lực lượng trên tàu HQ-605 dùng xuồng đưa thương binh, tử sĩ về đảo Sinh Tồn.

Chiều 14/3/1988, các tàu HQ-931, HQ-671, HQ-614 lần lượt tới tiếp ứng, bảo vệ bãi Len Đao và bãi Cô Lin.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu bảo vệ đảo Gạc Ma và đảo Cô Lin, năm 1989 các liệt sĩ Trần Đức Thông, Vũ Phi Trù, Trần Văn Phương được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, tập thể tàu HQ-505, thuyền trưởng Vũ Huy Lễ và Hạ sĩ Nguyễn Văn Lanh được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Nguồn trích:

<http://www.tienphong.vn/>



Tàu HQ-505 lao lên bãi Cô Lin, ảnh đăng trên trang nhất báo Nhân Dân số ra ngày 25/4/1988

PHẦN III

TƯ LIỆU QUỐC TẾ MINH CHỨNG CHỦ QUYỀN VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG

Phương Tây xác định chủ quyền các quần đảo là của Việt Nam

Từ thế kỷ thứ XIX, song song với quá trình xâm chiếm các thuộc địa, nhiều nước Phương Tây tiến hành đo vẽ bản đồ thế giới gồm cả 5 châu lục, trong đó có thể hiện tên nước Giao Chỉ, với các cách phiên âm rất khác nhau, như: Cochi, Cauchi, Cauci, Quachym, Cochín... Do có kỹ thuật hiện đại về đo đạc nên có thể coi các tài liệu của Phương Tây về chủ quyền các đảo, quần đảo tại Biển Đông thời kỳ này là tương đối chính xác.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, từ thế kỷ thứ XVI, nước Đại Việt cùng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được Phương Tây trích dẫn trên hầu hết các bản đồ thế giới hoặc khu vực Đông Á. Riêng Alexandre de Rhodes 1650; Công ty Đông Ấn La Haye năm 1658 và Taberd năm 1838 đã vẽ riêng bản đồ Việt Nam.

Theo ông Nguyễn Đình Đầu, trong số hàng trăm bản đồ do Phương Tây thực hiện, hầu hết đều ghi rõ đất nước Việt Nam với các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà họ gọi tên chung là Paracel hay Pracel. Bờ biển Prasel là ở Trung Bộ Việt Nam. "Không một bản đồ nào ghi bờ biển Prasel ở Nam Trung Hoa hay Phi Luật Tân, Indonesia hoặc Mã Lai. Thật hiển nhiên, khắp thế giới đều

công nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam" – nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu nhấn mạnh.

Với 50 bản đồ mô tả nước Việt Nam với thêm lục địa và Biển Đông ấn hành suốt từ 1525 đến 1886, chúng ta thấy dần dần sự hiểu biết của thế giới về đất nước Việt Nam ngày một chính xác, cả về hình thể, lẫn địa danh (trong đó, gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa).

Việt Nam có thêm lục địa trải rộng 28 tỉnh, thành ven biển

Ngoài các chứng cứ đo vẽ về chủ quyền trên các đảo và quần đảo của Việt Nam, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu khẳng định thêm, các bản đồ cổ thực hiện từ hàng trăm năm nay đều ghi nhận 28 tỉnh, thành nước ta có thêm lục địa giáp với Biển Đông, trong đó quần đảo Trường Sa thuộc quản lý hành chính của tỉnh Khánh Hòa và quần đảo Hoàng Sa thuộc quyền quản lý của thành phố Đà Nẵng (huyện đảo Hoàng Sa). Tổng cộng, nước ta có phần lãnh hải rộng trên 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền.

Công lao lớn thuộc về người Pháp khi họ trao nhiệm vụ cho hải quân đo đạc và thực hiện vẽ bản đồ một cách chính xác từ bờ biển cho đến các hải đảo nổi trên mặt nước; đo chính xác độ sâu trung bình gần như khắp biển Đông. "Đó thực sự là một kỳ công

của người Pháp” - ông Nguyễn Đình Đầu đánh giá.

Các bản đồ do người Pháp đo vẽ có rất nhiều kích cỡ, khu vực cụ thể, tuy nhiên có thể tạm chia làm 3 loại: Trường Sa, Hoàng Sa; Thềm lục địa và hải đảo; Thềm lục địa, hải đảo và Biển Đông. Trong số này, bản đồ quần đảo Hoàng Sa (52x66cm) do Nha Thủy bộ Hải quân Pháp đo vẽ năm 1885; bản đồ chi tiết các đảo Pattle (Hoàng Sa); Boisée (Phú Lâm); Robert (Hữu Nhật) thuộc quần đảo Hoàng Sa; các đảo Caye du S.W. (Song Tử Tây); Caye de l'Alerte (Song Tử Đông), Thi Tu (Thị Tứ), đảo Loai Ta (Loại Ta), Itu Aba (Ba Đình), Namvit (Nam Yết),...

Như vậy, tiếp cận từ khía cạnh các tư liệu bản đồ, được tiến hành đo đạc, xác lập từ thế kỷ thứ XV (có thể lâu hơn nữa) đã cho thấy một lát cắt hoàn chỉnh về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Những chứng cứ này đã cho thấy yêu sách "đường lưỡi bò" Quốc là vô lý đối với các nước ven biển ASEAN và cộng đồng quốc tế yêu hòa bình, công lý.

Nguồn trích: Theo Báo Đại Đoàn Kết
<http://daidoanket.vn/>

Hoàng Sa-Trường Sa: Tư liệu cổ phương Tây

Tư liệu cổ phương Tây còn lưu lại đến nay cho thấy các nhà hàng hải Bồ Đào Nha là những người đầu tiên của châu Âu có những mô tả về quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ thứ XIV. Nhiều nhật ký hải trình của các nhà thám hiểm Bồ Đào Nha thời đó đã nói về một dải đá ngầm Pulo Pracela (các

bãi ngầm san hô) rất nguy hiểm, bao quát cả vùng Hoàng Sa và Trường Sa ngày nay, tương tự với những hiểu biết của các nhà địa lý Việt Nam cùng thời. Các cuộc khảo sát Biển Đông của các nhà hàng hải phương Tây sau đó, nhất là của người Hà Lan và Pháp, ngày càng xác định rõ Pracela hay Paracels (Hoàng Sa) là một quần đảo thuộc về nước An Nam (tên gọi Việt Nam thời Pháp thuộc).

Bản đồ bán đảo Đông Dương của anh em nhà hàng hải Hà Lan Van-Langren (1595) ghi nhận ngoài khơi Việt Nam có một vùng quần đảo với nhiều bãi cát nông chạy dài xuống hướng tây nam gọi tên là Paracels cùng với rất nhiều chi tiết địa hình của miền Trung Việt Nam ngày nay. Chẳng hạn như đối diện với quần đảo Paracels trên đất liền có bờ biển ghi là Costa da Pracels (bờ Pracels) ở ngoài biển còn có Pulo Canton (Cù Lao Ré) thuộc địa phận Quảng Ngãi. Thư tịch cổ Việt Nam cũng ghi nhận người Bồ Đào Nha và Hà Lan đã từng nhiều lần tiếp xúc với các chúa Nguyễn xứ Đàng Trong để buôn bán. Nhiều thuyền buôn của phương Tây gặp nạn ở Hoàng Sa đều cập vào bờ biển Việt Nam để xin giúp đỡ và cũng nhiều lần họ được các chúa Nguyễn cử người ra cứu hộ, cấp cho tiền bạc, lương thực và thuyền để trở về nguyên quán. Chẳng hạn vụ đắm tàu Grootenbroeck của Hà Lan năm 1634 trong vùng đảo Hoàng Sa. Viên thuyền trưởng đã tìm đến Hội An và Thuận Hoá để cầu cứu các chúa Nguyễn. Như vậy, từ rất lâu đời (muộn nhất vào thế kỷ XV) các nhà hàng hải phương Tây đã mặc nhiên xác định vùng quần đảo Hoàng Sa

trên Biển Đông thuộc quyền quản lý của các chúa Nguyễn xứ Đàng Trong. Bước sang thế kỷ XVII-XVIII, tàu thuyền của người phương Tây đi qua Biển Đông ngày càng tập nập, do đó nhận thức cũng như tư liệu của họ viết về quần đảo Hoàng Sa ngày càng phong phú và chính xác hơn. Đặc biệt là người Pháp thông qua sự cộng tác với Nguyễn Ánh về quân sự đã bắt đầu quan tâm tới Biển Đông nhiều hơn và kế thừa những hiểu biết của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Hà Lan... Từ đó, người phương Tây nhận thức rất rõ chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam. Năm 1701, nhật ký hải trình tàu Amphitrite xác nhận một thực tế hiển nhiên rằng "Paracels là một quần đảo thuộc về Vương quốc An Nam. Đó là một bãi đá ngầm thật khủng khiếp có đến hàng trăm dặm, rất nhiều lần đã xảy ra các nạn đắm tàu ở đó". Pierre Poivre (1719-1786), một giáo sĩ kiêm thương nhân người Pháp, nhiều lần qua lại vùng Hoàng Sa đã kể lại trong tác phẩm Mô tả Xứ Đàng Trong (1749): "Tôi nghe nói hàng năm nhà vua (chúa Nguyễn) thường cho vài chiếc thuyền ra Hoàng Sa để tìm kiếm những báu vật tự nhiên cho bộ sưu tập của mình". Khi được chúa Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765) tiếp ở Phú Xuân, P.Poivre mô tả kinh đô mới xây dựng của Đàng Trong và xác nhận những khẩu súng đại bác của Công ty Đông Ấn Hà Lan được trưng bày rất nhiều tại đây là do quân binh xứ này thu nhặt được từ những chiếc tàu chìm tại quần đảo Hoàng Sa mang về. Năm 1759, bá tước D'Estaing, Phó Thủy sư Đô đốc Hải quân Pháp, do thám

vùng Biển Đông đã gửi một bản tường trình lên Chính phủ Pháp cho biết ở Phú Xuân xứ Đàng Trong có đến hơn 400 khẩu đại bác mà phần lớn được đem về từ các con tàu đắm tại quần đảo Hoàng Sa.

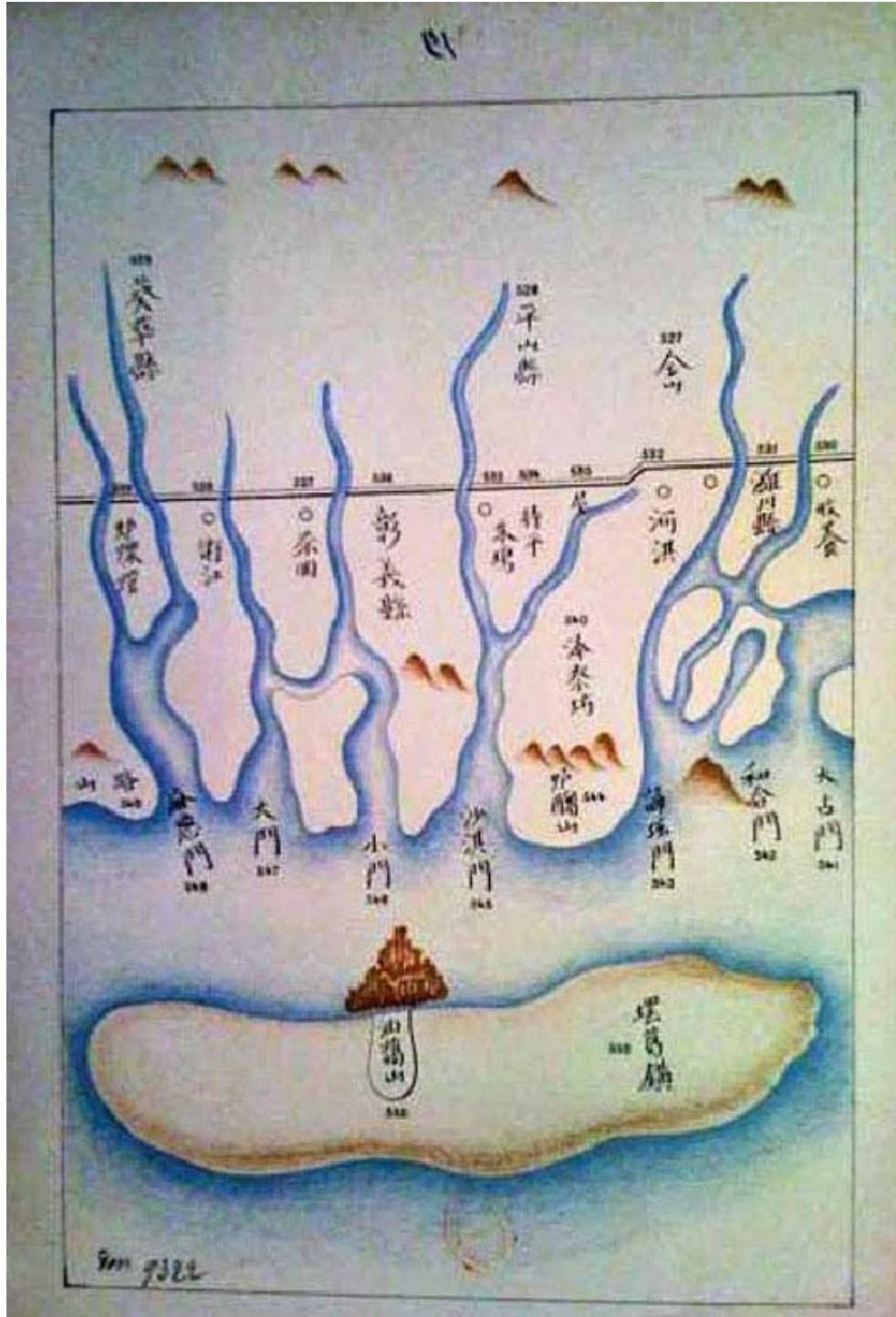
Jean Baptiste Chaigneau (1769-1825) từng theo giúp Nguyễn Ánh chống Tây Sơn, trông coi việc tiếp tế cho quân đội ở Phú Xuân (Sắc ngày 16-3-1802), viết trong hồi ký *Le Mémoire sur la Cochinchine* có đoạn: "Nước Cochinchine mà vua bấy giờ xưng đế hiệu (hoàng đế) gồm xứ Đàng Trong, xứ Tonkin, một phần xứ Cao Miên, một vài đảo có dân cư không xa bờ và quần đảo Paracels hợp thành bởi những đá nhỏ, đá ngầm và mỏm đá không dân cư". Xin lưu ý, từ thế kỷ XIII, các nước phương Tây theo Marco Polo mà gọi tên nước ta là *Caugigu* (phiên âm từ *Giao Chỉ Quốc*), sau đọc trại thành *Kiaoché* rồi *Cochi*. Để khỏi lầm với đất *Koci* của Ấn Độ, người ta thêm chữ *Chine*, nên gọi thành *Cochinchine* là tên chung của Đại Việt. Đến thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, người phương Tây gọi Đàng Ngoài là *Tonkin*, còn Đàng Trong vẫn gọi là *Cochinchine*. Giám mục Jean Louis Taberd trong một cuốn sách xuất bản năm 1833 cũng viết về Paracels như sau: "Xin lưu ý rằng từ hơn 34 năm nay, quần đảo Paracels, mà người Việt gọi là Cát Vàng hay Hoàng Sa gồm rất nhiều hòn đảo chằng chịt với nhau, lởm chởm những đá nhô lên giữa những bãi cát, làm cho những kẻ đi biển rất e ngại, đã được chiếm cứ bởi người Việt xứ Đàng Trong".



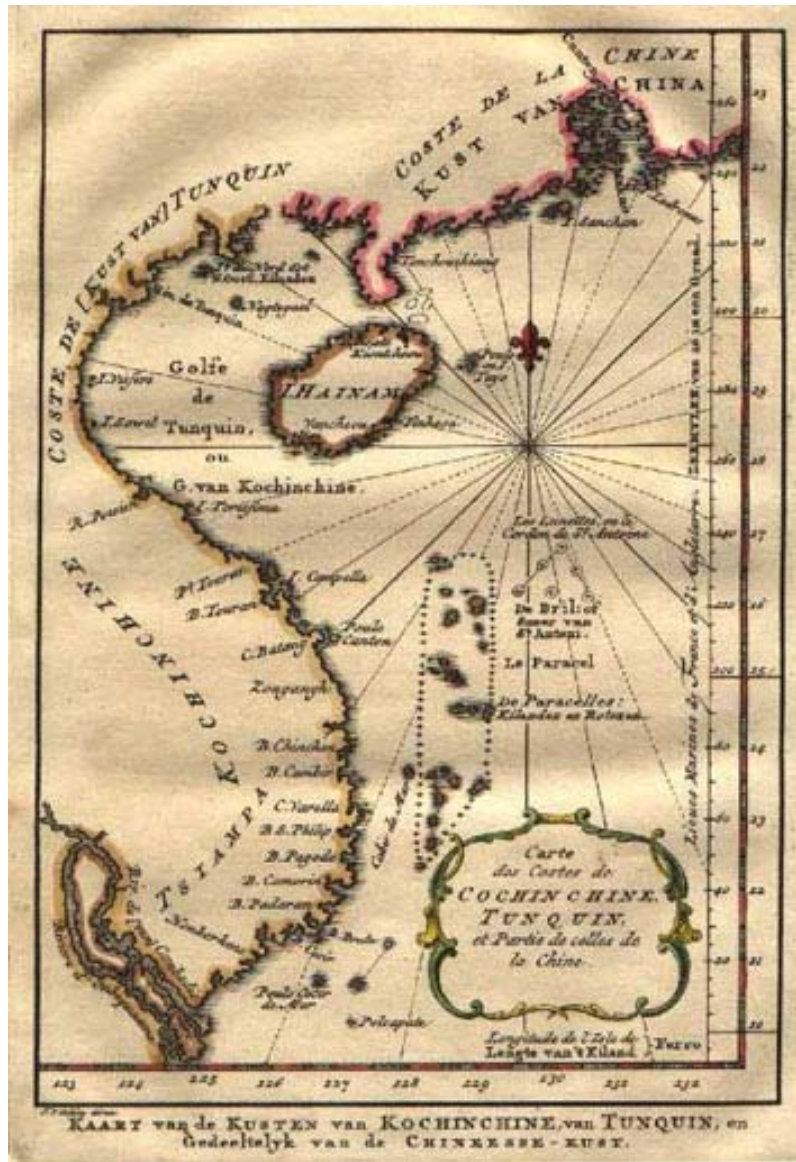
Bản đồ do nhà xuất bản Covens and Mortier tại Amsterdam vào năm 1760 có ghi chú quần đảo Paracel bên cạnh bờ biển xứ Đàng Trong. Ảnh: Tư liệu



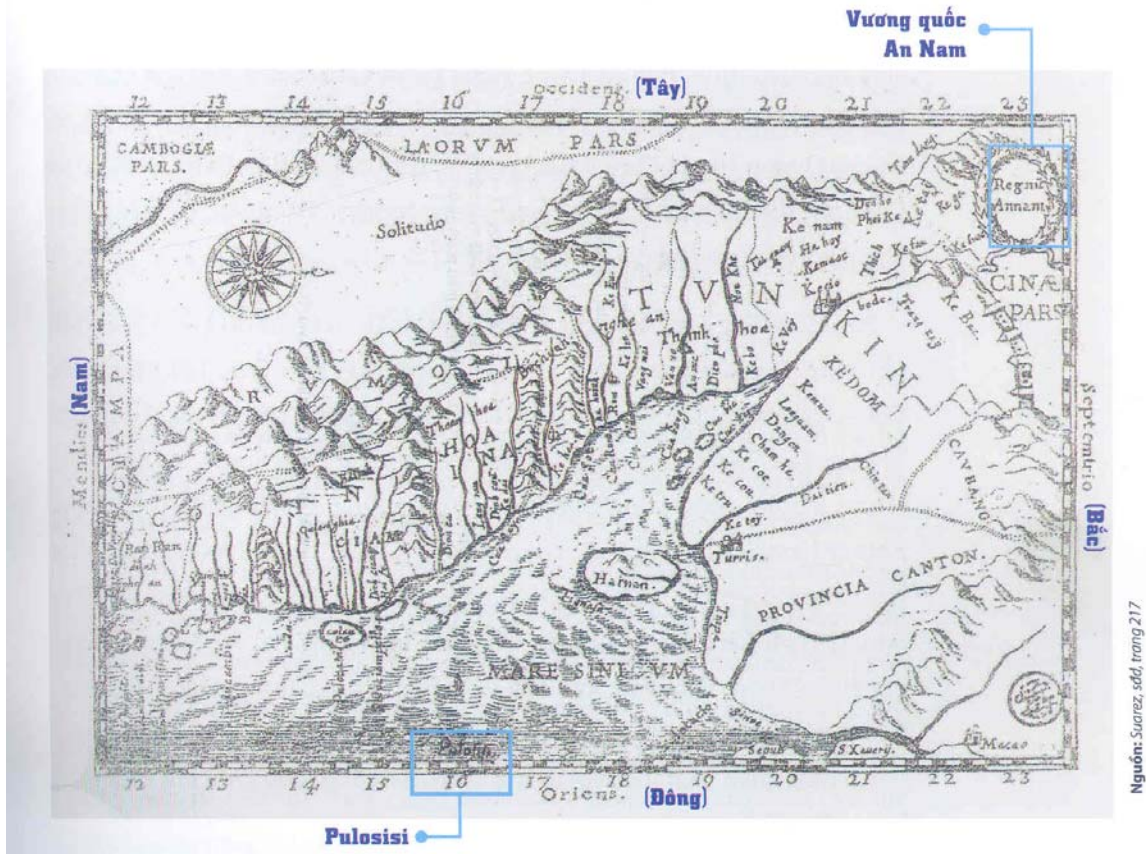
Bản đồ do Homann Heirs vẽ năm 1744 chú thích quần đảo Hoàng Sa là I. Champa, nghĩa là Island Champa (Đảo của Champa). Champa là 1 trong những cách người phương Tây gọi vùng đất Đàng Trong của Việt Nam vào thế kỷ XVI - XVIII.



Bản đồ vẽ tay "các cửa sông An Nam" được lưu tại Thư viện Quốc gia Pháp, có ghi quần đảo Hoàng Sa mở ngoặc bãi cát vàng
Ảnh tư liệu chụp tại Thư viện Quốc gia Pháp



Bản đồ Việt Nam với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa do người Hà Lan vẽ năm 1754. Ảnh: Tư liệu



Bản đồ Alexandre de Rhodes - 1650 - Vương quốc An Nam. Bản đồ này đặc biệt chú ý đến Biển Đông, nên đã ghi rõ Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn ngày nay) và ngoài khơi khoảng hải phận Hoàng Sa ghi chữ Pulo Sisi (nguồn: Suarez, trang 217)



An Nam Đại Quốc Họa Đồ của Giám mục Taberd xuất bản năm 1838 khẳng định Paracels (Cát Vàng, Hoàng Sa) nằm trong vùng biển Việt Nam

An Nam Đại Quốc Họa Đồ của Giám mục Taberd xuất bản năm 1838 cũng khẳng định Cát Vàng (Hoàng Sa) là Paracels và nằm trong vùng biển Việt Nam. Có thể nói, An Nam Đại Quốc Họa Đồ là một tài liệu phản ánh những hiểu biết sâu sắc và chính xác của người phương Tây từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XIX về mối quan hệ giữa quần đảo Hoàng Sa và nước Đại Việt mà tác giả gọi là An Nam Đại Quốc. Trong bản đồ này có ghi chú (nguyên văn): "Paracels Deu Cát Vàng" (từ Latin "Deu" = "có nghĩa là"), Paracels có nghĩa là Cát Vàng có nghĩa là Hoàng Sa, là một khẳng định rõ ràng nhất quán chứ không hề suy diễn. Địa danh Paracels ghi bên cạnh những chấm đánh dấu các đảo khoảng vĩ độ 16 Bắc (ngang vĩ độ cửa Tư Dung, Thừa Thiên) lên vĩ độ 17 Bắc (khoảng Cửa Tùng, Quảng Trị) và kinh độ 111 Đông. Điều này phản ánh sự hiểu biết của người phương Tây về Hoàng Sa rất chính xác và không còn nhầm lẫn với quần đảo Trường Sa nữa.

Địa Lý Vương Quốc Đàng Trong (Geography of the Cochinchinese Empire) là cuốn sách do tiến sĩ Gutzlaff (1801-1851) Hội viên Hội Địa lý Hoàng gia Anh quốc, viết năm 1849 cho biết từ lâu Chính phủ An Nam đã thiết lập trại binh và một điểm thu thuế trên quần đảo Paracels (tức Cát Vàng) để thu thuế các tàu thuyền đến đây và bảo trợ những người đánh cá bản quốc. Cuốn Bách Khoa Địa Lý Hiện Đại (Geografia

moderna universale) của G.R. Pagnozzi xuất bản năm 1823 dành nhiều trang nói về Vương quốc An Nam có đề cập đến Paracels (Hoàng Sa). Trong cuốn Storia delle Indie Orientali của Felice Ripamonti xuất bản tại Milano năm 1825 có phần viết về Đàng Trong: "Thuyền trưởng các tàu buôn qua lại vùng này thích cập cảng Hội An hơn, cảng này không xa thủ đô Huế. Những người đi biển ở 3 cảng này (tức cảng Huế, Hội An và Đà Nẵng) là những người lão luyện nhất của quốc gia này và hàng năm có chuyên đi biển đến chuỗi đảo và bãi đá nhỏ có tên là Hoàng Sa (Paracels) nằm cách bờ biển Đàng Trong khoảng 20-30 dặm...". Sách Địa Lý Tóm Tắt (Compendio di Geografia) do Adriano Balbi – nhà địa lý lừng danh người Ý- soạn năm 1850 cho biết Vương quốc An Nam có quần đảo Paracels, nhóm đảo Pirati và nhóm đảo Poulo Condor (tức Hoàng Sa, Hải Tặc và Côn Đảo). Cũng trong tác phẩm này tác giả có viết về địa lý Trung Hoa nhưng không hề nói gì về Hoàng Sa và Trường Sa. Nhiều tài liệu lưu trữ của Anh và Pháp còn ghi nhận về vụ tai nạn tàu Bellona của Đức tại Đá Bắc và tàu Imegi Maru của Nhật tại cụm An Vĩnh, quần đảo Hoàng Sa. Hai tàu này chuyên chở đồng do các công ty Anh bảo hiểm, gặp thời tiết xấu tại các khu vực biển nói trên nên bị chìm. Ngư dân đảo Hải Nam (Trung Quốc) đã cướp các tàu đắm và chuyên chở đồng về đảo Hải Nam chào mời các nhà buôn của

họ để bán lại số đồng cướp được. Chính phủ Anh đã phản kháng hành động này và được chính quyền Trung Quốc bảy giờ tuyên bố không chịu trách nhiệm vì quần đảo Paracels nơi hai tàu bị đắm không thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Sự kiện này càng khẳng định sự đứng vững của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa cho đến những năm cuối cùng của thế kỷ XIX.

Nguồn trích: Báo Đại Đoàn Kết

<http://daidoanket.vn/>

Hoàng Sa : Paracels thuộc về Việt Nam qua tài liệu phương Tây *Trung tâm dữ liệu Hoàng Sa*

Paracels- Quần đảo Hoàng Sa – Bãi Cát Vàng là một vùng đảo, đá, bãi ngầm trải dài từ 15°45' đến 17°15' Bắc từ 111°00' đến 113°00' Đông bao phủ diện tích khoảng 25000km² trên biển có tên gọi là South China Sea. Cái tên South China Sea chỉ là cái tên chứ không hề mang bất cứ ý nghĩa gì về chủ quyền riêng nào cả. Liệu Malaysia có coi rằng vịnh Thái Lan thuộc về Thái Lan? Liệu nước Mỹ có chấp nhận vịnh Mexico là vùng biển riêng của Mexico? Và châu Phi có ghi nhận Ấn Độ Dương là đại dương của Ấn Độ? Hoàn toàn không, cái tên gọi South China Sea cũng vậy, nó không phải là biển của Trung Quốc. Nó không có nghĩa rằng Paracels nằm trong vùng biển South China Sea phải thuộc về Trung Quốc. Chúng ta hãy ngược dòng thời gian

đến châu Âu 3 thế kỷ trước. Người Bồ Đào Nha là những người phương Tây đầu tiên đi qua vùng biển Hoàng Sa này. Họ thấy một vùng biển với nhiều đảo, đá nhỏ lờm chờm, và nhiều bãi ngầm rất nguy hiểm. Họ đặt tên nó là Parcel, có nghĩa là đá ngầm trong tiếng Bồ Đào Nha trước đây[1], và qua những ngôn ngữ châu Âu khác, nó biến thành Prancel, Paracels, Paracelles, Paracelsos v.v... Tiếp theo sau người Bồ Đào Nha, người Hà Lan, Tây Ban Nha, người Anh, người Đức... đều ghi chép tỉ mỉ về vùng biển nhiều đá ngầm này trên các con đường giao thương, xâm chiếm và mở rộng thuộc địa. François Valentyn đã mô tả trong quyển sách của mình năm 1726 về vùng đảo đá nguy hiểm có tên Paracelles hay Paracellas thuộc về vương quốc có tên Coetsjienttsjina (tức Cochinchina - Đàng Trong) [2] Đây có phải là người châu Âu đầu tiên viết về điều này không? Có thể là không, thời gian có lẽ phải lùi xa hơn nữa, nhưng chắc chắn rằng quần đảo này đã thuộc về Đàng Trong – Việt Nam ngày nay- từ lâu trước khi Valentyn viết sách năm 1726. Và con đường khám phá hàng hải từ Âu sang Á không chỉ có vậy. Những đoàn thuyền buôn, những nhà truyền đạo, nhưng binh đoàn hải quân vẫn miệt mài đi qua Paracels trong nhiều thế kỷ để mang về phương Tây những tri thức mới về vùng biển đảo này. Chúng ta đang nói về vương quốc Anh, nơi có những con tàu đi

khắp thế giới và những thuyền trưởng nổi tiếng. Thuyền trưởng Alexander Hamilton là một nhà buôn người Scotland (không phải Alexander Hamilton- Bộ trưởng ngân khố đầu tiên của Hoa Kỳ) đã từng đi khắp châu Âu, Ấn Độ, Đông Nam Á, Nhật Bản trong thế kỷ 18. Ông đã mô tả những điều trông thấy trong các chuyến đi của mình ở tác phẩm “A new account of the East Indies, Being the Observations and Remarks”, vol 2. Quyển sách này được in năm 1727 tại Edinburgh ở một nhà in thuộc Hoàng gia có tên là John Mosman [3] Ông đã đến mảnh đất Cochinchina, nơi có bờ biển dài 700 dặm từ cửa sông Campuchia đến cửa sông Quambin (tức là Quảng Bình). Ông đã nhìn thấy rất nhiều hòn đảo của xứ sở này, đó là Pullo Secca de mare (đảo Phú Quý hay Cù Lao Thu), Pullo Canton (đảo Lý Sơn hay Cù Lao Ré)... và Paracel –vùng nước nông bao quanh những nơi nguy hiểm mà ông coi là đá (rocks) hơn là đảo (islands). Rất đơn giản như chính ông nhìn thấy, Paracel thuộc về đất nước Cochinchina.

Hãy xuôi dòng thời gian đến thế kỷ 19, với một bác sĩ người Scotland tên là John Crawford. Ông từng gia nhập công ty Đông Ấn của Anh, đến Malaysia, thực hiện nhiệm vụ ngoại giao ở Siam (Thái Lan ngày nay) và Cochinchina. Và những khoảng thời gian ở hai quốc gia này chính được ông mô tả chân thực và sống động trong cuốn sách của mình “Journal

of an embassy from the governor-general of India to the courts of Siam and Cochinchina”, vol 1, London 1830 [4]. Ông đã viết “Trong các vùng biển China Sea, có một số đáng kể những hòn đảo thuộc về Cochinchina là Pulo Condore, Pulo Canton, chính xác là Collao Ray, và Chamcollao, chính xác là Collao Cham. Tất cả những điều tôi biết như vậy đã được viết trong Tạp Chí. Bên cạnh đó, vua của Cochinchina trong năm 1816 đã chiếm hữu một quần đảo nguy hiểm, không có dân cư gồm đá, đảo nhỏ, còn cát có tên là Paracels, ông ta tuyên bố đó là một phần lãnh địa thông trị, và dưới quyền lực đó không có tranh chấp nào”

Nhưng tại sao lại là năm 1816? Vào năm đó ông ta mới chiếm được nó? Và điều này có phủ nhận những gì Alexander Hamilton ghi lại trong thế kỷ trước? Chắc chắn là không. Chúng ta hãy đọc lại những dòng lịch sử về Cochinchina để biết rằng ông vua đó của Cochinchina là Gia Long, người từng có mối quan hệ và ảnh hưởng mạnh mẽ từ phương Tây khác với các vị vua khác. Ông ta tự mình ra vùng đất mà các vị vua khác chưa từng ra, mảnh đất giữa biển có tên là Côn uáng (Côn Vàng), với một nghi lễ trọng thể cắm lá cờ của mình và tuyên bố sự chiếm hữu chính thức. [5] Vàng, đúng như vậy, đó là sự khẳng định quyền lực của mình ở nơi chưa có vị vua nào ra đó bằng cách tuyên bố sự chiếm hữu chính thức với nghi lễ kéo lá cờ-một

phong cách ông học từ phương Tây chưa có vị vua nào làm trước đây. Ông ta tuyên bố quyền lực của mình trên vùng lãnh thổ đã thuộc về tổ tiên của ông từ trước đây với một nghi lễ trang trọng chính thức. Những người Đức như Johann Gottfried Sommer (1782-1848) cũng xác nhận về điều này năm 1839. [6] Và không chỉ có vậy, Heinrich August Pierer cũng lên tiếng về Paracels thuộc về đế chế Anam. Ông ta là một nhà biên soạn từ điển lừng danh người Đức sinh năm 1794 mất năm 1850, đều ở Altenburg. Ông học y khoa tại University of Jena, trải qua nhiều thăng trầm như tham dự trận đánh Leipzig, bị thương trong cơn bão Wachau, và tham dự trận đánh Waterloo lịch sử trong chiến tranh Napoleon. Pierer đã đi nhiều nơi, học hỏi nhiều, và đó là lý do bộ từ điển Pierer's Universal-Lexikon der Vergangenheit und egenwart do ông để lại vô cùng đồ sộ với những tri thức vô giá trong 19 tập sách. Ở tập 12 của quyển sách này (xuất bản năm 1861 tại Altenburg, tức là sau khi Pierer qua đời), ông đã viết về Paracels như sau:

Paracels: Quần đảo của vương quốc Anam trên biển China, bao gồm các đảo đá, một số có rừng, có chim yến, rùa và nhiều cá[7] Liệu có thể nào người Hà Lan, người Anh, người Đức và cả châu Âu đều có những nhằm lẫn tai hại về Paracels? Liệu có thể nào một Trung Hoa hùng mạnh, rộng lớn, với nền văn hóa sáng lạn, là điểm đến của những tàu buôn

phương Tây hơn bất cứ quốc gia láng giềng nào khác lại bị học giả phương Tây coi quần đảo (nếu là) của họ thuộc về một quốc gia nhỏ bé ở phương Nam? Liệu có thể nào với bao nhiêu chuyến hải hành từ phương Tây sang phương Đông trong vài trăm năm mà người ta có thể nhằm lẫn về chủ quyền một vùng đảo đá nguy hiểm luôn được vẽ rõ nét trên hải đồ thế giới? Không thể nào mà cả thế giới này trừ Trung Quốc này đều nhằm lẫn chủ quyền về Paracels. Chúng tôi tự hỏi liệu nhà xuất bản Liber Kartor (Stockholm, Sweden) và Ensocoat (Hannover, Germany) đã từng được đọc những cuốn sách này? Liệu họ đã bao giờ mở lại những trang sử để biết rằng trên khắp châu Âu đã ghi nhận Hoàng Sa – Paracels thuộc về Việt Nam từ ít nhất thế kỷ 18? Và những gì tiếp theo trong thế kỷ 20 thì chúng ta đã đều biết: Trung Quốc lợi dụng lúc Việt Nam suy tàn trở thành thuộc địa của Pháp để nhảy vào tranh chấp Hoàng Sa vốn không thuộc về họ. Và cũng chính Trung Quốc từ chối khi Pháp nhân danh bảo hộ Việt Nam đề nghị xử lý tranh chấp tại tòa án quốc tế. Cũng là Trung Quốc vào lúc kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai đã thừa lúc hỗn độn chiếm đóng nhóm phía Đông (Nhóm Amphitrite) quần đảo Hoàng Sa. Vẫn là Trung Quốc lợi dụng cuộc chiến tranh ở Việt Nam để đánh chiếm nốt nhóm phía Tây (nhóm Crescent) quần đảo Hoàng Sa năm 1974, và tiếp tục dùng vũ lực

chiếm các bãi đá quần đảo Trường Sa năm 1988. Không một chứng cứ nào đứng về họ, chúng ta có thể hiểu tại sao Trung Quốc luôn bất chấp luật pháp, đạo lý để chiếm đoạt Hoàng Sa (Paracels), Trường Sa (Spratly) và toàn bộ biển Đông, những thứ không thuộc về họ. Chúng ta có thể hiểu tại sao Trung Quốc luôn tìm mọi cách in ấn, hoặc là tác động để in ra những bản đồ sai trái về Hoàng Sa-Paracels thuộc về Trung Quốc. Chúng ta có thể hiểu họ tìm mọi thủ đoạn gian trá để nói với thế giới là Hoàng Sa thuộc về họ từ hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm, mà không đưa ra được bất cứ điều gì để chứng minh. Nhưng sự thực thì không thể xóa bỏ được: Hoàng Sa thuộc về Việt Nam, nó là một phần của đất nước này, dân tộc này.

Dân tộc Việt Nam có một sức sống lạ kỳ để gìn giữ được ngôn ngữ và nền văn hóa của mình. Trong hơn 1000 năm nô lệ dưới gót giày Trung Hoa, và hơn 1000 năm nữa chống chọi với âm mưu xâm lược và đồng hóa, nhưng người Việt vẫn đứng lên giành lại độc lập và giữ vững mảnh đất của mình. Ngày nay, Trung Quốc lại một lần xâm lược nhưng không vì thế mà Hoàng Sa trở thành của Trung Quốc. Hoàng Sa là một phần lãnh thổ thuộc về Việt Nam, thiêng liêng và mãnh liệt, cũng như ngôn ngữ, văn hóa và sức sống mạnh mẽ của người Việt Nam. Paracels - Hoàng Sa thuộc về Việt Nam, đó là sự thật lớn mà bất cứ thủ đoạn dối

trá tàn độc nào cũng không thể che lấp được.

Chú thích:

[1] Anthony Vieyra Transtagano, *A dictionary of the Portuguese and English languages*, vol 1, London 1773.

<http://books.google.com.vn/books?id=...page&q&f=false>

[2] François Valentyn, *Omstandig Verhaal van de Geschiedenissen en Zaaken*, Amsterdam 1726. p 262
<http://www.hoangsa.org/forum/download...o=file&id=2520>

[3] Alexander Hamilton, “A new account of the East Indies, Being the Observations and Remarks”, vol 2, Edinburgh 1727. p 210

<http://www.hoangsa.org/forum/download...do=file&id=353>

[4] John Crawfurd, “Journal of an embassy from the governor-general of India to the courts of Siam and Cochin China”, vol 1, London 1830. p 244

<http://www.hoangsa.org/forum/download...do=file&id=231>

[5] “Note on the Geography of Cochin China”, *Journal of the Asiatic Society of Bengal*, Volume 6, Part 2, Calcutta 1837. p 745

<http://www.hoangsa.org/forum/download...do=file&id=222>

[6] Johann Gottfried Sommer, “Taschenbuch zur verbreitung geographischer”, Praha 1839. p 296

<http://hoangsa.org/forum/downloads.php?do=file&id=270>

[7] Heinrich Augus Pierer, “Pierer's

Universal-Lexikon der Vergangenheit und Gegenwart, Zwölfter band. Altenburg 1861. p 659

<http://hoangsa.org/forum/downloads.php?do=file&id=1012>

Nguồn trích: *Quỹ nghiên cứu biển Đông*
<http://www.seasfoundation.org>



Bản đồ H. Moll, Macmillan Company, London, năm 1736 thể hiện cực nam Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam. Ảnh: Tư liệu

Học giả quốc tế nói về chủ quyền ở biển Đông

Việt Chi

Với ý đồ thực thi yêu sách phi lý “đường lưỡi bò”, Trung Quốc ngày càng gây áp lực với các nước trong khu vực, điều này đã khiến cả cộng đồng quốc tế quan tâm đặc biệt đến diễn biến tại biển Đông trong thời gian vừa qua.

Nhiều nhà nghiên cứu, học giả, luật gia trên thế giới đã bỏ nhiều công sức để nghiên cứu tìm ra sự thực,

chân lý cho các vấn đề tranh chấp ở Biển Đông. Bà Monique Chemillier – Gendreau, Giáo sư công pháp quốc tế và khoa học chính trị tại trường đại học Paris- VII – Denis Diderot, nguyên Chủ tịch hội luật gia dân chủ Pháp đã dày công đi khắp các trung tâm lưu trữ ở Anh, Pháp và Việt Nam để nghiên cứu tìm tòi các tư liệu liên quan đến chủ quyền 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa để viết cuốn sách “Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”. Trong tác phẩm của mình, Bà Monique

Chemillier – Gendreau đã đưa ra đánh giá một các độc lập, khách quan về các tư liệu pháp lý, lịch sử chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong một lần phỏng vấn giáo sư Monique Chemillier – Gendreau nói: “Khi tôi bắt đầu nghiên cứu vấn đề này dưới góc độ luật pháp quốc tế, tôi đã bắt đầu bằng cách nghiên cứu xem đâu là danh nghĩa lịch sử của các quốc gia nêu yêu sách đối với các đảo này. Tôi thấy rằng Việt Nam được thừa kế danh nghĩa lịch sử mà các vị Vua Việt Nam đã xác lập từ Thế kỷ 17, bởi vì vào thời kỳ đó, đã có những tư liệu, khẳng định rằng từ Thế kỷ 17 đến giữa Thế kỷ 19, các vị Vua Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo. Điều tạo nên bằng chứng pháp lý chính là việc các vị Vua của An Nam không dừng lại ở việc nói rằng “đây là quần đảo của chúng tôi” mà còn tiến hành các hoạt động quản lý. Đây chính là nội dung của quy tắc luật quốc tế. Khi có một lãnh thổ ban đầu không có người ở, cũng chính là trường hợp hai quần đảo này, một quốc gia chiếm hữu nó, danh nghĩa chủ quyền có hiệu lực khi quốc gia này thực thi quyền lực của mình trên lãnh thổ này, có nghĩa là khi quốc gia này thực hiện các hành động thực sự nhằm quản lý lãnh thổ đó. Từ những gì mà tôi được tiếp cận, có thể thấy rằng các vị Vua An Nam đã chú ý thực thi chủ quyền đối với 2 quần đảo. Họ đã cử các đội thuyền

đến khu vực 2 quần đảo vào những mùa thích hợp với những mệnh lệnh chính xác như trồng cây, đo đạc các đảo.... Từ những điều đó có thể kết luận rằng ở thời kỳ đó đã có danh nghĩa pháp lý của các vị Vua Việt Nam đối với 2 quần đảo mà ta không thể tìm thấy danh nghĩa tương tự như vậy đối với các nước khác trong khu vực...Pháp đã phát hiện ra rằng An Nam, quốc gia mà họ đang bảo hộ đã xác lập chủ quyền đối với các đảo này nên Pháp cần phải thay mặt An Nam khẳng định chủ quyền đối với các đảo này và họ đã tuyên bố rất rõ ràng điều đó. Vào đầu những năm 30 (của Thế kỷ 20), văn bản thể hiện rõ ràng quan điểm của Pháp vào năm 1932, trong văn bản trao đổi với Trung Quốc, Pháp đã khẳng định rõ ràng rằng các đảo này không thuộc về Trung Quốc mà chủ quyền thuộc về An Nam và nước Pháp thực thi chủ quyền đối với các đảo này với tư cách quốc gia bảo hộ...và nước Pháp gửi các đoàn khảo sát, xây dựng hải đăng, đồn lính trên các đảo này.... Vào năm 1930, Pháp đã gửi một chiến hạm đến chiếm đảo Trường Sa và năm 1933, Pháp đã mở rộng chiếm đóng lên một nhóm đảo ở quần đảo Trường Sa”.Với những phân tích trên đây bà Monique Chemillier – Gendreau kết luận “Như vậy, trong thời kỳ thuộc địa, Pháp đã khẳng định danh nghĩa chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa theo phương thức khác nhau.” Cùng quan điểm với bà Monique Chemillier – Gendreau, Giáo sư

Gillian Triggs, Giám đốc trung tâm Luật trường Đại học Sydney của Úc với công trình nghiên cứu công phu nhan đề “Tranh chấp biên giới trên biển ở biển Nam Trung Hoa: vấn đề luật pháp quốc tế”, đã cho rằng “Tranh chấp quần đảo Hoàng Sa, các chứng cứ lịch sử củng cố danh nghĩa của Việt Nam là từ đầu Thế kỷ 18, việc quản lý hữu hiệu đã được bảo đảm bởi người Pháp trong giai đoạn thuộc địa. Yêu sách của Trung Quốc đối với các đảo xuất hiện vào năm 1909 và dựa vào việc chiếm đóng bằng vũ lực từ những năm 1960. Quan điểm phù hợp hơn là Trung Quốc không thể yêu sách chủ quyền dựa trên xâm chiếm và Việt Nam đã nhiều lần phản đối để giữ danh nghĩa trên chứng cứ lịch sử của mình. Trong hoàn cảnh đó, luật pháp quốc tế có thể sẽ thừa nhận rằng Việt Nam có quyền hơn là Trung Quốc đối với chủ quyền ở Hoàng Sa”. Đối với quần đảo Trường Sa, Giáo sư Gillian Triggs nhận định rằng “Nhờ sự chiếm cứ và quản lý của người Pháp trong giai đoạn thuộc địa, Việt Nam dường như có yêu sách tương đối mạnh hơn về Trường Sa so với các quốc gia khác. Việt Nam có yêu sách khá lâu đời, xuyên suốt các triều đại của các vị vua An Nam và từ năm 1956 đã chiếm đóng rất nhiều đảo”. Vấn đề chủ quyền đối với 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lại được các chuyên gia, học giả đề cập đến

tại cuộc hội thảo “Biển Đông - vùng xung đột mới” do Viện Quan hệ quốc tế và chiến lược (IRIS) và Quỹ Gabriel Péri, một tổ chức chuyên nghiên cứu chính trị có uy tín tại Pháp, tổ chức Ngày 16/10/2012 tại Paris. Tại cuộc hội thảo, khi bàn về giải pháp cho các tranh chấp ở Biển Đông, các chuyên gia hàng đầu của Pháp và châu Âu về Luật biển quốc tế và địa chính trị đều cho rằng giải pháp bền vững và đúng đắn nhất cho các tranh chấp ở Biển Đông, bao gồm cả vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là đưa vụ việc ra Tòa án quốc tế La Haye. Các chuyên gia cũng cho rằng sở dĩ Trung Quốc không muốn có tòa quốc tế nào phân xử tranh chấp trên Biển Đông vì họ hoàn toàn không có chứng cứ pháp lý và lịch sử để bảo vệ cho các yêu sách phi lý của họ. Giáo sư Monique Chemillier-Gendreau một lần nữa nhấn mạnh “trong trường hợp đòi chủ quyền lãnh thổ, quyền đòi hỏi, được áp dụng đến tận ngày nay, phải dựa trên điều mà người ta gọi là pháp luật theo tập quán. Trung Quốc chỉ đề cập đến các quần đảo trên biển Đông trong tài liệu từ năm 1930. Trong khi các vua chúa An Nam đã lập địa bạ về Hoàng Sa và Trường Sa từ thế kỷ 17. Điều đó có nghĩa trên phương diện luật pháp và chứng cứ kiểm chứng được, các tài liệu do Việt Nam đưa ra có thời gian lâu hơn”.

Tại cuộc hội thảo quốc tế với chủ đề “Thực trạng vấn đề chủ quyền Biển Đông và giải pháp” diễn ra ngày 23/10/2012 tại Đại học Tổng hợp Chosun (Hàn Quốc), Giáo sư chuyên ngành Việt Nam học Lee Yun-boem thuộc trường Đại học Chungwoon (Hàn Quốc) đã đi sâu phân tích, nhấn mạnh “Việt Nam công khai kiên quyết giữ vững lập trường đối với vấn đề chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, thể hiện trên hai nội dung chính: Thứ nhất, Việt Nam có đầy đủ các chứng cứ lịch sử minh bạch chứng minh chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Thứ hai, Việt Nam chủ trương giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình”. Trong khi đó, Giáo sư Ahn Kyong-hwan thuộc Đại học Chosun cho rằng về mặt lịch sử, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được chứng minh một cách rõ ràng là đã được Việt Nam cai quản một cách hiệu quả.

Về những căn cứ lịch sử liên quan đến chủ quyền trên biển Đông, tiến sỹ Isabel, Viện Giáo dục Ngôn ngữ thuộc Đại học Chosun, có tham luận nhan đề “Căn cứ và sự thật lịch sử về chủ quyền quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa của Việt Nam.” trong đó khẳng định rằng: “Không chỉ từ luật quốc tế và thực tiễn của tình hình quốc tế mà cả từ những kết luận và chứng cứ lịch sử đã được đề cập, có thể đưa ra ba luận điểm quan trọng sau: Thứ nhất, Việt Nam chứ không phải quốc gia nào khác đã sở hữu một cách thực chất quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa từ lâu. Thứ hai, từ sau thế kỷ 17, trong hàng trăm năm, Việt Nam đã thực thi chủ quyền của

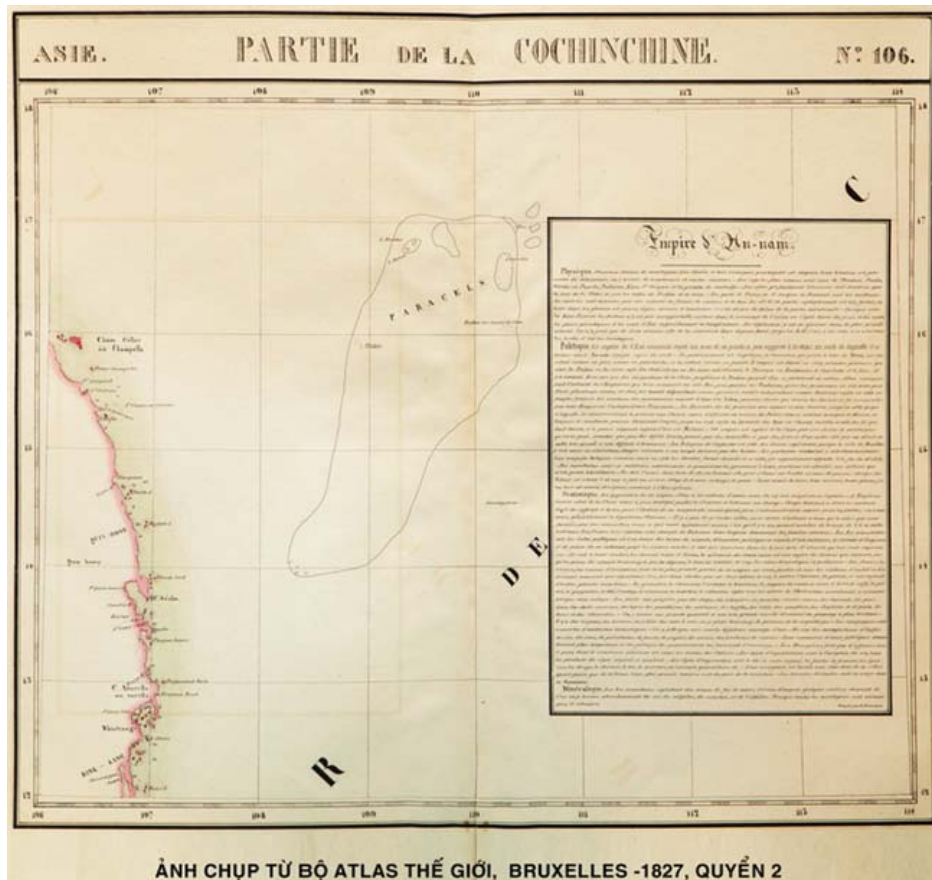
minh đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa theo phương thức hòa bình và liên tục. Thứ ba, Việt Nam đã bảo đảm được danh phận và quyền lợi hợp pháp để đối phó với các ý đồ và hành động xâm phạm chủ quyền quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.” Như vậy, qua những ý kiến trên đây của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, học giả quốc tế, chúng ta đều thấy rằng căn cứ vào luật pháp quốc tế, Việt Nam là quốc gia có chủ quyền đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Yêu sách của Trung Quốc ở biển Đông là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý. Việc mới đây Trung Quốc công bố thành lập cái gọi là “thành phố Tam Sa” là hoàn toàn phi pháp, xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Hành động này của Trung Quốc đang bị lên án bởi cả cộng đồng quốc tế và sự phản kháng quyết liệt của các nước có liên quan.

Nguồn trích: Tạp chí Thông tin đối ngoại
<http://www.vietnam.vn/>



Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ thiêng liêng, không thể tách rời của Việt Nam (Đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo Trường Sa, Việt Nam nhìn từ trên cao).

Ảnh: <http://www.anninhthudo.vn>



ẢNH CHỤP TỪ BỘ ATLAS THẾ GIỚI, BRUXELLES -1827, QUYỂN 2

Bản đồ uy tín nhất thế giới từ 1827 đã thể hiện: Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam. PARACELS (Hoàng Sa) được vẽ khá chi tiết và chuẩn xác trong khoảng từ vĩ độ 16 - 17 và kinh độ từ 109 – 111. Ảnh: do Bộ TT&TT cung cấp



Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ của triều đình nhà Thanh năm 1904 không có Trường Sa, Hoàng Sa. Ảnh: <http://www.xaluan.com>